VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

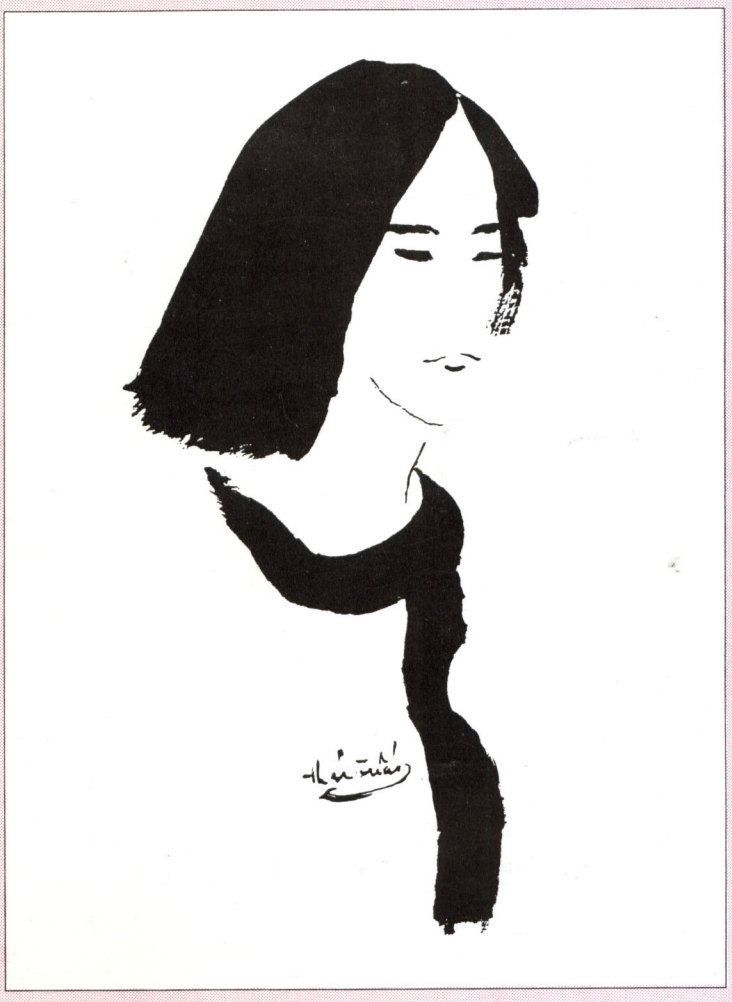

Thái Tuấn

số 88 • tháng 8 năm 1993

VĂN HỌC

Tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Phát hành mỗi đầu tháng

Chủ nhiệm: Trịnh Y Thư

Phụ tá chủ nhiệm: Lê Thọ Giáo

Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác

Tổng thư ký: Cao Xuân Huy

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện

15 Place Souham, 75013 Paris, France

Phone: 45-831-912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú

14 Lester Rd, Padstow, NSW 2221 Australia

Tel: (02) 771-1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về:

Văn Học

P.O. Box 1359

Garden Grove, CA 92642-1359, USA

Tel: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

TRONG SỐ NÀY

TẠ QUỐC TUẤN	lý ngang: nữ văn sĩ trực ngôn của nữ quyền	2
TRẦN HỒNG CHÂU	*dichtung und wahrheit*	10
TRƯƠNG MỸ VÂN	văn sĩ michael ondaatje được giải văn chương anh năm 1992	12
CUNG TIẾN	sinh hoạt nhạc việt hải ngoại từ 1975: vài nhận xét về nghiên cứu, sáng tác, và biểu diễn	21
NGUYỄN MINH ĐỨC	*tình si*	29
THẢO TRƯỜNG	những đứa trẻ đầu thai giữa hàng rào	30
NGU YÊN	*người hỡi xa nhau thật rồi*	42
LEO TOLSTOY NGUYỄN KHANH dịch	nguyện cầu	45
ĐỖ KH.	*khokke le zoute*	52
CAO XUÂN HUY	quyền tối thiểu	53
HOÀNG CHÍNH	*tiền thân*	56
	ni cô	57
THƯỜNG QUÁN	*của gió hạn*	58
ĐINH PHỤNG TIẾN	phù du	61
TRẦN MỘNG TÚ	*trong khu vườn mùa hạ*	68
NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC	bao nhiêu buồn bã	69
KHẾ IÊM	*giả tảng*	73
HỒ ĐÌNH NGHIÊM	bến đợi	74
HOÀNG KHỞI PHONG	nhà văn và tác quyền	86
NGUYỄN THANH HÙNG	*sông núi - sen và trăng*	93
MAI KIM NGỌC	chị em	94
	tòa soạn và bạn đọc	109

TẠ QUỐC TUẤN

lý ngang: nữ văn sĩ trực ngôn của nữ quyền

Trong các nữ văn sĩ hiện đại Đài-loan (1), có một người mà ngay cả những người đã quen với văn chương phòng khuê Trung Hoa, nghĩa là văn chương của phụ nữ viết về phụ nữ, phần lớn vẫn phải sửng sốt kinh ngạc khi đọc các tác phẩm của nhà văn Lý Ngang, người đã được mệnh danh là "nữ văn sĩ trực ngôn của nữ quyền." Rất nhiều độc giả, kể cả nữ độc giả, đã tức giận, hay ít nhất cũng là khó chịu, về những hình ảnh phụ nữ phác họa trong các tác phẩm của Lý Ngang, một nhà văn đã chịu ảnh hưởng của phong trào nữ quyền từ Âu-Mỹ lan sang Đài Loan trong 30 năm qua.

Lý Ngang viết táo bạo hơn cả các nam văn sĩ, tuy xét theo tiêu chuẩn của Tây phương thì vẫn còn khá nhu mì. Bà đã nói thẳng những gì người khác không dám nói, nhất là về vấn đề tính dục, và đã mô tả những thói hư tật xấu của con người cũng như của xã hội, nhiều khi rất phũ phàng không chút nương tay. Tuy nhiên, các tác phẩm của bà không chứa đầy hận thù, sắt máu - dù cho có việc vợ giết chồng như thấy trong tác phẩm Sát Phu - thường thấy trong các tác phẩm cùng loại của nhiều nhà văn ở Hoa lục. Nữ văn sĩ chỉ muốn vạch trần hoàn cảnh đáng thương của phụ nữ bình dân Trung Hoa, từ mấy ngàn năm vẫn bị đàn ông, với sự yểm trợ của xã hội, bóc lột, ức hiếp, bạo hành và lợi dụng nhân danh một thứ đạo đức giả dối truyền thống.

*

Lý Ngang là bút hiệu của Thi Thục Đoan. Sinh ngày 7 tháng 4 năm 1952 tại Lộc Cảng, một thành phố hải cảng cổ xưa thuộc huyện Chương Hóa ở tây bộ đảo Đài Loan. Gia đình nữ văn sĩ thuộc bậc trung, cha làm kinh thương còn mẹ là nội trợ. Lý Ngang còn có

hai bà chị, Thi Thục Thanh và Thi Thục Lưu, cũng là nhà văn, nhất là Thi Thục Lưu đã xuất bản nhiều tác phẩm văn học có tiếng.

Ngay khi còn học tiểu học ở Lộc Cảng (1958-1964), Lý Ngang rất say mê các hoạt động nhi đồng. Ngoài ra còn có tài kể chuyện và đã nhiều lần đại diện lớp dự các kỳ thi diễn thuyết và hội họa. Lý Ngang có ký ức rất tốt, thuộc toàn bài Trường Hận Ca, một bài thơ thất ngôn gồm 104 câu (tổng cộng 428 chữ) của Bạch Cư Dị (772-846), và rất nhiều thơ Đường, khiến nhiều người kinh ngạc. Trong các môn học, Lý Ngang giỏi về quốc ngữ và luận văn.

Trong thời gian học ở Chương Hóa Nữ trung Học hiệu (1964-1970), Lý Ngang có thói quen đọc các tác phẩm văn học thế giới và tiểu thuyết võ hiệp. Bắt đầu từ năm thứ hai trung học (1965) trở đi, nữ văn sĩ đều dặn viết truyện cho tới nay.

Tác phẩm đầu tay là An Khả Dích Đệ Nhất Phong Tình thư. Mới đầu tác giả định viết thành một trường thiên tiểu thuyết, nhưng mới viết được khoảng 5 vạn chữ đã phải bỏ dở. Năm sau, theo đề nghị của chị là Thi Thục Nữ, tác giả đã rút ngắn thành 2 vạn chữ để gửi cho Văn Học Quí san, nhưng không được đăng.

Tác phẩm thứ hai là Hoa Quí, viết năm 1967. Cố gắng của nữ văn sĩ lần này có kết quả. Năm sau, đoản thiên tiểu thuyết này được đăng trong phụ san của Trưng Tín Tân Văn Báo và trong Ngũ Thập Thất Niên Đoản thiên Tiểu thuyết Tuyển, một tuyển tập các truyện ngắn năm 1968 (2).

Sau đó, tuy bận rộn với việc học hành và thi cử, Lý Ngang cũng vẫn không ngừng sáng tác. Các truyện viết trong thời gian này là: Hôn Lễ, Hỗn Thanh Hợp Xướng, Linh Điểm Đích Hồi cố, Hữu Khúc tuyến Đích Oa oa, Hải Chi Lữ, Trường đào Giả. Các truyện này hầu hết được đăng báo hay xuất bản.

Ngay cả khi theo học ban Triết học trường Đại học Văn hóa ở Đài Bắc (1970-1974), nữ văn sĩ không năm nào không cho ra mắt độc giả các tác phẩm giá-trị. Các truyện Quan Tuy (1971), Kiều (1971), Trục Nguyệt (1972) đều được đăng báo. Riêng Trục Nguyệt năm 1975 được nhà Hoa Hân Văn hóa Sự nghiệp cho xuất bản chung với Hỗn thanh Hợp xướng trong một cuốn truyện nhan đề Hỗn Thanh Hợp Xướng. Ngoài ra, trong hai năm cuối cùng đại học, 1973-1974, Lý Ngang bắt đầu viết một loạt truyện ngắn lấy bối cảnh là Lộc Cảng, thành phố nơi tác giả sinh trưởng, gọi chung

là Lộc Cảng Cố sự. Tất cả có 9 truyện: Từ Hương, Tây Liên, Thủy Lệ, Sơ Luyến, Vũ Triển, Dả Kỳ, Sát Quan, Sắc Dương, và Qui Đồ. Ngoài ra, Lý Ngang cũng cho xuất bản tuyển tập Nhân gian Thế, gồm 4 truyện ngắn: Nhân gian Thế, Tạc Dạ, Mạc Xuân và Tấn Tức.

Sau khi tốt nghiệp đại học năm 1974 với bằng Đại học sĩ (tức Cử nhân), nữ văn sĩ sang Hoa Kỳ năm 1975 để theo học Ban Hí kịch (Department of Drama) tại trường Đại học Oregon. Ngay khi mới chân ướt chân ráo tới Vancouver, thuộc Gia Nã Đại, trên đường đi Oregon Lý Ngang đã lại khởi công viết tác phẩm Tuyết Tệ. Mùa đông năm 1977, nữ văn sĩ được cấp bằng Master of Arts in Drama (người Truug Hoa dịch là Hí kịch Thạc sĩ).

Trước khi hồi hương, nữ văn sĩ đã đi thăm mấy tiểu bang Hoa Kỳ trong 6 tháng đầu năm 1978. Cũng trong khoảng thời gian này bà hoàn thành các truyện Vực Ngoại Dích Vực Ngoại, Tô-phi-á Tiểu thư Dích Cố sự, Ái tình Thí nghiệm và bắt đầu viết Phụ nhân Sát Phu.

Trở về Đài Loan, nữ văn sĩ nhận chức giáo sư tại ban Hí kịch trường Đại học Văn hóa. Đồng thời bà cũng phụ trách mục Nữ Tính Đích Ý kiến của Trung quốc Thời báo.

Từ đó, không còn bận bịu với việc học nữa, nữ văn sĩ đã có nhiều thời giờ sáng tác hơn. Nhiều tác phẩm liên tiếp ra đời: Hải tân Công viên, Tha môn Đích Nhãn lệ, Tối hậu Nhất Trường Hôn lễ, Siuh hoạt Thí nghiệm: Ái tình, Tân Cựu, Chuyển chiết, Ngộ Giải, Biệt Khả liên Ngã: Thỉnh Giáo dục Ngã, v.v... Ngoài ra, nữ văn sĩ còn viết một loạt ngụ ngôn tiểu thuyết có liên hệ với nhau, như Di Tình, Thuỷ tiên Hoa chứng, Tam Thốn Linh hồn và Tam Tâm Nhị Ý Đích Nhân; cùng một loạt các tình thư đáng kể, như Nhất Phong Vị Ký Dích Tình thư, Tăng Kinh Hữu Quá, Diễm Mỹ Sinh hoạt, Dả diện. Bên cạnh các đoản thiên tiểu thuyết, Lý Ngang còn viết một số trung thiên tiểu thuyết như là Sát Phu (nguyên là Phụ nhân Sát Phu khởi công viết khi còn ở Hoa Kỳ sau khi tốt nghiệp năm 1977 sửa lại thành Sát Phu), Qui Hương, Ám Dạ, và một trường thiên tiểu thuyết nhan đề là Mê Viên. Sau hết, nữ văn sĩ còn hoàn tất hai tác phẩm Ngoại ngộ và Tẩu Xuất Ám Dạ bàn luận một số vấn đề xã hội.

Trong các tác phẩm của Lý Ngang, có hai tác phẩm được giải

thưởng là Biệt Khả liên Ngã: Thỉnh Giáo dục Ngã được giải nhất Thời báo Báo đạo Văn học thưởng năm 1981 và Sát Phu được giải nhất Liên hợp Báo Trung thiên Tiểu thuyết Tưởng năm 1983. Mặt khác, hai tác phẩm Sát Phu và Ám Dạ đã được quay thành phim điện ảnh. Riêng tác phẩm Sát Phu còn được dịch sang bốn tiếng Anh, Pháp, Đức và Nhật. Phần lớn các tác phẩm của Lý Ngang được tái bản, nhất là Sát Phu tái bản 12 lần trong 8 năm, từ 1983 đến 1991.

*

Bút hiệu Lý Ngang diễn tả được đặc tính văn chương cùng tư tưởng của nữ văn sĩ. "Ngang" có nghĩa là "cất cao lên" (thí dụ: ngang đầu, ngang thủ, ngang tủng), "không chịu thua kém ai" hoặc "cao ngạo, tự kiêu, làm cao, không sợ, nghênh ngang, ngất ngưởng" (như: ngang ngang, ngang ngang khí tượng, ngang tàng hay ngang nhiên).

Thực vậy, trong khi các quan điểm trình bày trong mục Nữ tính Đích Ý kiến của Trung quốc Thời báo do nữ văn sĩ phụ trách rất quân bình và thực tiễn, không nghiêng về một thuyết hay phái nào, các tiểu thuyết của bà ngay từ đầu đã tạo nên nhiều tranh nghị vì tính cách trực ngôn, lối diễn tả táo bạo và tư tưởng cấp tiến của nó trong một xã hội tuy đã tiến bộ nhiều về khoa học kỹ thuật nhưng rất bảo thủ trong tư tưởng, hành động, lẫn tập quán, nhất là những gì liên quan đến phụ nữ và nữ quyền. Hai tác phẩm gây nhiều cơn bão phê bình nhất là đoản thiên tiểu thuyết Mạc Xuân (nói về kinh nghiệm giao cấu đầu tiên của một cô bé còn nhỏ tuổi đã tìm thấy tình yêu và tính dục) và trung thiên tiểu thuyết Sát Phu (chúng tôi sẽ trình bày trong một đoạn sau).

Chỉ có những truyện trong Lộc Cảng Cố sự là tương đối nhẹ nhàng. Các nhân vật trong các truyện đó đã tận tình đùa giỡn với đời sống của mình như những bóng ma trong bầu không khí bất động và suy đồi của thành phố nhỏ bé và cổ xưa này. Cuộc sống của họ hết sức tương phản với đời sống mới của các nhân vật trong các truyện khác của Lý Ngang.

Đại đa số các tác phẩm của Lý Ngang nói về phụ nữ và nữ quyền. Trong phần tự ngôn (3) lần tái bản tuyển tập đoản thiên tiểu thuyết Tha môn Đích Nhãn lệ, nữ văn sĩ đã viết là tất cả các truyện của bà đáng lý ra nên mang tựa đề chung là Nhân Gian Thế mới

đúng, vì tất cả đều tập trung vào các đặc tính của phụ nữ. Bà muốn qua các đặc tính đó nghiên cứu các mối quan tâm của phụ nữ đối với những vấn đề như là trưởng thành, ái tình, tính dục, trách nhiệm, xã hội, v.v...

Một số tác phẩm đầu tiên của nữ văn sĩ đã nói về sự bối rối, lúng túng, tuyệt vọng và tranh đấu của phụ nữ. Theo bà, đó chính là khởi điểm của nỗ lực gạt bỏ mọi trở ngại trên con đường đi tìm hướng đi cho mình và đồng thời để giải quyết các vấn đề của xã hội và nhân loại. Mặt khác, những tác phẩm sau này đều muốn trình bày các cách làm thế nào để phụ nữ có thể tìm thấy hướng đi cho chính mình: đó là phải từ bỏ thế giới yêu ghét có tính cách cá nhân và chật hẹp để tích cực tham gia vào các hoạt động nhằm giảm bớt các vấn đề của xã hội và nhân loại.

Chính Lý Ngang cũng đã tích cực tham dự rất nhiều hoạt động: các hoạt động nhi đồng khi còn học tiểu học và các hoạt động xã hội khi lớn lên. Tuyển tập Tha môn Đích Nhãn lệ đã căn cứ vào kinh nghiệm bản thân của nữ văn sĩ trong việc chăm sóc các bà mẹ không chồng. Bà đã có lần viết là sau ba năm thực sự tham dự vào các vấn đề xã hội, cuối cùng bà nghĩ là bà đã đóng góp rất nhiều cho xã hội bằng cách viết truyện.

*

Tác phẩm điển hình cho quan niệm về phụ nữ và nữ quyền của Lý Ngang là tập trung thiên tiểu thuyết Sát Phu, một tác phẩm, như trên đã nói, chẳng những đã trúng giải nhất trong cuộc thi do Liên hợp Báo tổ chức năm 1983 mà còn được quay thành phim, được dịch sang bốn thứ tiếng và được tái bản tới 12 lần.

Trong phần tự ngôn, Lý Ngang đã giải thích động lực thúc đẩy nữ văn sĩ viết truyện này.

Sau khi tốt nghiệp về hí kịch tại trường Đại học Oregon, trước khi về Đài Loan, nữ văn sĩ đã đi California thăm người quen. Tại đây, tình cờ bà đã được đọc một truyện vợ giết chồng có thực xảy ra ở Thượng Hải vào thập niên 1930.

Theo lời nữ văn sĩ, sở dĩ bà chú ý đến vụ này là vì đây không phải là một vụ án mạng do người vợ ngoại tình gây ra. Xã hội cổ truyền Trung Hoa luôn luôn quan niệm rằng hễ vợ giết chồng thì chỉ vì lý do ngoại tình thôi, chứ không vì lý do nào khác. Người vợ có giết chồng thì mới có thể sống chung với tình nhân được. Quan

niệm đó đã có cả mấy ngàn năm rồi. Tuy nhiên, trong vụ án mạng này người đàn bà giết chồng để thoát khỏi những sự bạo hành của chồng, chứ không vì ngoại tình. Chính tòa án xét xử vụ này cũng không thể nào chứng minh được là đã có một người đàn ông nào khác trong dời người vợ sát nhân. Nói cách khác, theo Lý Ngang, trong vụ này người vợ giết chồng là một người đàn bà đã bị xã hội áp bức.

Nữ văn sĩ cũng cho hay, vì không có một tí ý niệm nào hay ký ức, kỷ niệm nào về Thượng Hải nên bà đã chuyển khung cảnh sát phu sang Lộc Cảng ở tây bộ Đài Loan, nơi bà sinh trưởng và cũng là một hải cảng như Thượng Hải, và đặt câu chuyện vào thời kỳ Đài Loan bị Nhật Bản đô hộ (1895-1945). Mặt khác, nữ văn sĩ có ý muốn nghiên cứu quan hệ nam nữ ở Đài Loan và trình bày vai trò cùng địa vị người phụ nữ trong xã hội cổ truyền. Bà cho biết thêm là khi viết Sát Phu bà đã mang nhiều lý tưởng về nữ quyền và muốn phô bày thảm kịch số phận đang chờ đợi những người đàn bà Đài Loan lệ thuộc vào chồng và sống trong những khuôn thước của xã hội cổ truyền Trung Hoa. Vẫn theo lời nữ văn sĩ, trong lúc viết bà thấy mình càng ngày càng quan tâm đến những vấn đề trọng đại của nhân loại hơn, như là đói khát, chết chóc, tính dục, v.v... Nữ văn sĩ muốn nhấn mạnh là ưu tâm cuối cùng của một văn phẩm nữ quyền phải là bản tính của nhâu loại.

Sát Phu là câu chuyện Lâm Thị, một người con gái quê Đài Loan nghèo khổ, bơ vơ không nơi nương tựa và là nạn nhân của một xã hội bộ tộc đầy mê tín dị đoan.

Cha Lâm Thị chết vì bệnh lao, để lại một người vợ chưa đầy 30 tuổi và một đứa con gái, Lâm Thị, mới 9 tuổi. Khi người cha chết đi, tài sản duy nhất của ông, một căn nhà mái ngói, lại bị người em chiếm lấy, viện cớ là bà chị dâu góa chồng sớm muộn thế nào cũng tái giá. Hai mẹ con lại không biết làm nghề gì nên hàng ngày chỉ biết đi lang thang ngoài đường lượm sắt vụn hay làm mấy việc lặt vặt qua ngày.

Chẳng may ít lâu sau trong nước có chiến tranh, người ở tỉnh thành chạy lánh nạn và bọn binh lính tan hàng lạc ngũ kéo về làng của hai mẹ con Lâm Thị rất đông khiến cho cuộc sống trong làng trở nên khó khăn hơn nhiều. Vì không kiếm được gì nữa và việc làm cũng chẳng có, hai mẹ con Lâm Thị gần chết đói. Vào một đêm

đông trước năm mới, vì quá đói, mẹ Lâm Thị đã bán mình cho một tên lính trẻ đổi lấy hai nắm cơm lớn bằng bàn tay. Bị họ hàng làng xóm bắt được, mẹ Lâm Thị phải bỏ làng ra đi, còn Lâm Thị bị trao cho ông chú, người đã chiếm ngôi nhà của cha Lâm Thị.

Để thoát nạn nuôi báo cô Lâm Thị, người chú tham lam đã ép gả Lâm Thị cho một tên đồ tể, Trần Giang Thủy, kẻ thích nghe đàn bà kêu la khi bị y đánh đập hay làm tình một cách dã man, như những con lợn mà y thọc huyết hàng ngày. Từ khi lấy hắn, Lâm Thị bị hắn hành hạ cực độ, đến phát điên phát cuồng. Hắn không coi Lâm Thị như một người vợ mà chỉ là một món đồ để giải quyết vấn đề sinh lý hàng ngày.

Ngoài ra, hai người lại sống ở trong một vùng đầy gió hú như là mang theo vong hồn các con lợn y giết. Nơi đây, nhà nào cũng giấu những nắm cơm trong chạn hay dưới thúng để cúng các cô hồn đói khát. Đó cũng là nơi các bà vợ phải chịu trách nhiệm về tội lỗi của các ông chồng. Tuy nhiên, họ không hề bỏ qua những gì xảy ra trong làng, trong xóm. Lúc Lâm Thị bị chồng hành hạ đánh đập hay giao hợp đau đớn dã man đến phải khóc lóc kêu van xin hắn tha, thế mà đám đàn bà trong xóm, lúc nào cũng túm năm tụm ba bên giếng nước đàn đúm chuyện người, cho rằng Lâm Thị kêu rú lên sung sướng vì đang giao cấu cùng chồng.

Dù có phục tùng hay lạy van chồng cũng vô ích. Người vợ bất hạnh đó không có lối thoát, không còn cách nào tự vệ chống lại sự bạo hành của tên chồng độc ác hơn cả các ác thú, nên dành phải đi tìm một giải pháp tuyệt vọng. Vào một đêm trăng mờ, Lâm Thị đã dùng con dao thọc huyết lợn của chồng để giết chồng.

Sát Phu đã được bố cục rất chặt chẽ và hành văn rất trau chuốt. Tuy nhiên, dù nữ văn sĩ Lý Ngang đã viết truyện một cách trịnh trọng, đầy cảm tình, truyện vẫn khích nộ độc giả. Nhiều người trong cũng như ngoài chính phủ, kể cả những người tự coi là kẻ bảo vệ đạo đức công cộng, lên án Sát Phu vì đã tả thực quá phũ phàng những vụ cuồng dâm và bạo hành. Nhất là tác giả của câu chuyện cảm động và dẫm máu này lại là một phụ nữ! Mặt khác, mặc dù Sát Phu đã được các giám khảo ca tụng là đã khéo phối hợp các khía cạnh của tính dục và hành hạ thể xác tàn bạo, cùng các phương pháp minh thị hay ẩn ý có một không hai trong làng tiểu thuyết Trung Hoa, đại đa số độc giả dường như chỉ nhìn thấy khía cạnh

cuồng bạo và nhục dục của câu chuyện để mà quên đi sự đau khổ của người vợ bất hạnh. Họ phản đối Liên hợp Báo đã trao tặng giải thưởng cho tác phẩm mà họ cho là dâm thư này.

Ngoài Sát Phu, nhiều tác phẩm khác của Lý Ngang đã thẳng thắn trình bày những kinh nghiệm đau thương cũng như các sự bạo hành và ức hiếp mà phụ nữ Trung Hoa phải gánh chịu trong tình yêu và hôn nhân. Họ phải nhẫn nhục chịu đựng để có thể tồn tại.

*

Với thời gian, mọi sự phản đối một số tác phẩm của Lý Ngang, nhất là Mạc Xuân và Sát Phu, đã lắng dịu. Người ta dần dần hiểu rõ thông điệp mà nữ văn sĩ trực ngôn này đã rao giảng qua các tác phẩm văn học cũng như xã hội. Không một ai có thể phủ nhận chân tài của Lý Ngang, nhất là nỗ lực của nữ văn sĩ gióng lên tiếng chuông cảnh tỉnh xã hội Trung Hoa hãy vứt bỏ bức màn bảo thủ lạc hậu từ mấy ngàn năm vẫn che đậy và dung thứ những sự bóc lột, áp bức, đè nén, bạo hành, coi khinh phụ nữ, ngõ hầu Trung Hoa có thể theo kịp trào lưu tiến hóa của nhân loại về phương diện bảo vệ và cải tiến nhân quyền. Do đó chúng ta có thể kết luận là các tác phẩm của Lý Ngang đã ảnh hưởng nhiều đến văn đàn Đài Loan nói riêng và văn học Trung Hoa nói chung. ‡

Chú thích

(1) Đã được chúng tôi giới thiệu sơ lược trong bài "Các Nhà Văn Nữ Hiện đại Đài Loan và Ý thức Nữ quyền," Văn Học số 82, th. 2-1993, tr. 11-17.

(2) Vì cuộc Cách mạng Tân Hợi lật đổ đế chế (nhà Mãn Thanh) và thành lập dân quốc (cộng hòa) xảy ra năm 1911, ở Đài Loan và trong nhiều cộng đồng Hoa kiều hải ngoại không thân Cộng, năm đó được dùng làm căn bản để tính niên lịch của người Trung Hoa (gọi là "Dân quốc... niên," hay có khi gọi tắt là "... niên"). Muốn tính ra lịch thế giới hiện dùng, chỉ việc cộng thêm 11. Thí dụ: Dân quốc ngũ thập thất niên là năm 1968 (57 + 11).

(3) Nữ văn sĩ không dùng danh từ "tự ngôn" như nhiều tác giả khác mà thường đặt tựa của phần này là "Viết Tại Thư Tiền" hay "Viết Tại ... (tên sách) Tiền".

TRẦN HỒNG CHÂU

dichtung und wahrheit

Thơ là Sự thực
Sự thực là thơ
Kỷ niệm miền ấu thơ
Sương mờ sáng chói
Dù kỷ niệm màn đêm hay sớm mai hồng
Kỷ niệm vẫn thực hơn cả Sự thực!

Đôi cánh thơ vừa lướt qua vùng trời hồi tưởng
Thắp lửa ngàn sao
Ôi kỳ diệu
Sự thực lóe sáng

Ngọn bút vung lên
Dấu ấn kỳ bí
Lời tiên tri
Sự thực!

Nụ cười nước mắt
Nắng mưa cuộc đời
Truyền lại
Lá cành hậu duệ
Từng chùm ảo ảnh
Lóng lánh kim cương
Trong miên trường suối thơ
Sự thực!

Thơ là Đẹp
Thánh thiện và Sự thực
Sự thực nằm trong khóe mắt em
Trời xanh thẳm
Trên nụ cười em
Hoa hồng ngày mới sáng
Trong ánh lửa hồ quang
Niềm cực lạc yêu mê

Trên cánh thơ
Nhập hồn vạn đại
Sự thực không bến bờ

Ta viết lời thơ
Trên mây vàng diễm lệ
Trên biển lớn tình người
Trên ngọc ngà mầm mống
Trên hoa cương đỉnh non thần
Trên da thịt em
Đồi thơm và cửa động băng trinh
Sự thực muôn đời!

Ta viết lời thơ
Trên những điện dài xưa
Giấc mộng tiền thân
Một mùa thu cũ
Ta viết lời thơ
Trên tròng mắt say ngọn hải đăng
Thành ngày mai
Niềm tin và hoài vọng
Sự thực không cùng!

Cuộc đời và sáng tạo
Tư duy người thơ
Đi suốt chiều sâu ý sống
Vào thịt xương và tình người
Vào đam mê và dấn thân
Như đêm khuya nương ánh những vì sao
Sáng ngời sự thực trần gian...

Bài thơ
Sự thực
Bắc đẩu dẫn lộ
Về những mùa xuân tâm hồn
Vĩnh cửu!

---

* *Goethe: Thơ và Sự thực.*

TRƯƠNG MỸ VÂN

văn sĩ michael ondaatje được giải văn chương anh năm 1992

Giải văn chương Anh năm 1992

Tháng 10 năm 1992, liên đoàn văn bút Anh đã tuyên bố trao giải thưởng văn chương Booker McConnell cho hai văn sĩ Michael Ondaatje người Gia Nã Đại với tác phẩm The English Patient và Barry Unsworth người Anh với quyển Sacred Hunger.

Giải Booker McConnell thường gọi tắt là Booker Prize, một giải thưởng văn chương thường niên trị giá 45 ngàn Gia kim, do công ty thương mại và kỹ nghệ cùng tên tổ chức tại Anh quốc từ năm 1968 với sự tài trợ và quản trị của Hội đồng Văn học Nghệ thuật Anh. Tuy chỉ dành cho các quốc gia trong khối Liên Hiệp Anh, đây là một giải thưởng văn chương có giá trị trên văn đàn quốc tế, tương đương với giải Concourt ở Pháp và Pulitzer ở Mỹ.

Một vài tác giả Anh nổi tiếng được giải Booker trong các năn gần đây gồm có William Golding năm 1980 với quyển Rites of Passage và giải Nobel văn chương năm 1983; ông Salman Rushdie được giải Booker năm 1991 với quyển Midnight's Children và năm 1988 ông được vào chung kết với quyển The Sanatic Verses. Quyển này đã gây tiếng vang và nhiều cuộc tranh luận sôi nổi khắp thế giới. Tính mạng ông Rushdie bị đe dọa suốt mấy năm liền vì đề tài liên quan đến Hồi giáo và ông còn bị cố lãnh tụ nước Ba Tư (Iran) là Ayatollah Khomeini lên án tử hình. Những năm gần đây, giải Booker vào tay các văn sĩ Anh thuộc nhiều sắc dân khác nhau như Timothy Mo, người Hương Cảng, được vào chung kết ba lần trong các năm 1982, 1986 và 1991. Giải thưởng năm 1990 vào tay nhà văn trẻ gốc Nhật Bản là Kazuo Ishiguro với quyển The Remains of the Day và năm ngoái, 1991, vào tay nhà văn gốc Nigeria là Ben Okri với tác phẩm The Famished Road với bối cảnh của quê hương ông. Ba văn sĩ này hiện sống tại Luân Đôn, Anh quốc.

Michael Ondaatje: thân thế

Năm nay phần nửa giải Booker về tay ông Michael Ondaatje, một văn sĩ nổi tiếng người Gia Nã Đại, năm nay 49 tuổi, sinh trưởng

ở đảo Sri Lanka trước kia là Tích Lan phía đông nam Ấn Độ năm 1943, dòng dõi trâm anh thế phiệt, tổ tiên thuộc nhiều dòng máu Hòa Lan, Anh, Sinhalese và Tamil (Ấn Độ), có nhiều người đã từng giữ chức vụ quan trọng trong giới tư pháp và tăng lữ từ thế kỷ thứ 17. Tuy nhiên vào thập niên 1920, dòng họ Ondaatje lại có người nổi danh vì các hành vi phá hoại bất hảo như nổi lửa đốt phòng ngủ ở ký túc xá đại học Oxford, uống rượu say rồi tổ chức những trận quần vợt nghiêng ngửa, hay quá say sưa đến nỗi có kẻ đã tán gia bại sản. Theo ông thì bà ngoại ông nghiện rượu và chết vì lượng độc tố rượu trong máu quá cao. Cha ông lúc say bí tỉ đã có lần chĩa súng chận dừng đoàn tàu lửa từ thủ đô Colombo trong mấy giờ liền. Mẹ ông bỏ đi và khi cha ông mất, gia sản chỉ còn lại một trại gà và 30 chai rượu Rocklands Gin chôn sau vườn.

Thế nhưng anh em nhà Ondaatje là những người xuất sắc. Anh ông, Christopher, sang Gia Nã Đại năm 1955, tác giả tập hồi ký The Maneater of Dunanai, kể lại lịch sử và cuộc đời gia đình ông, là một chuyên gia tài chánh đã đưa gia đình từ cảnh phá sản đến chỗ thành công. Mới đây Christopher Ondaatje đã biếu cơ quan Renascent ở Toronto 100 ngàn Gia kim để dùng vào việc chữa trị những bệnh nhân nghiện rượu.

Michael Ondaatje theo gia đình sang Anh năm 11 tuổi và đến năm 1962 sang Gia Nã Đại sinh sống. Tại đây ông theo học đại học Bishop's ở Quebec, đại học Toronto và tốt nghiệp Cao học Văn chương tại đại học Queen's. Năm 21 tuổi ông lập gia đình với nữ họa sĩ Kim Jones 35 tuổi và cuộc đời sáng tác của ông cũng bắt đầu từ đó. Hiện ông sống với người vợ thứ hai là nữ văn sĩ Linda Spalding ở Toronto và dạy văn chương hiện đại tại đại học York. Mặc dầu nhiều lần được các đại học Mỹ mời cộng tác, ông từ chối và bảo rằng: "Tôi chỉ thích sống ở Toronto vì gia đình, con cái và bạn bè tôi đều ở đây cả".

Ondaatje và Spalding là hai chủ biên tờ báo văn học Brick, một tạp chí văn chương nổi tiếng của Gia Nã Đại. Ông còn nâng đỡ các cây bút mới và là một người tận tâm hỗ trợ các văn sĩ khác trong những phát triển mới về lãnh vực văn chương của họ.

Tuy là một văn sĩ nổi tiếng, Michael Ondaatje rất quý trọng đời sống riêng tư của ông và không muốn bị báo chí quấy rầy. Ngay cả những người bạn thân nhất cũng tôn trọng đời tư của ông và họ từ

chối các cuộc phỏng vấn dù biết rằng chỉ để ca tụng văn tài của Ondaatje. Ông gói kín đời tư của ông cũng như các văn sĩ nổi tiếng khác như Thomas Pynchon (1937-) và (Jerome David) J.D. Salinger (1919-), tác giả quyển Catcher in the Rye bản dịch Việt ngữ là Bắt Trẻ Đồng Xanh. Nhưng hình như họ càng cố ẩn tránh càng khiến độc giả của họ dâm ra tò mò hơn. Michael Ondaatje đã tuyên bố: "Đối với tôi điều đáng quan trọng từ trước tới giờ là chính tác phẩm tự nó có giá trị, đáng được ca ngợi và xưng tụng. Còn nếu khai thác đời tư của tác giả như một hình thức câu khách thì thực không còn gì chán bằng".

Sự nghiệp văn chương

Michael Ondaatje khởi sự sáng tác lúc còn trẻ và sớm nổi tiếng năm 24 tuổi với thi phẩm đầu tiên The Dainty Monsters (1967). Giới yêu thơ và các nhà phê bình gọi ông là "nhà thơ tuổi trẻ tài cao".

Ông đã ba lần được giải văn chương Gia Nã Đại là giải Governor General's Award (giải Toàn quyền) năm 1970 với tác phẩm Collected Words Of Billy The Kid kể lại cuộc đời tướng cướp William Bonney (1859-1881) tục danh Billy The Kid trong thời kỳ khai phá miền Viễn Tây Hoa Kỳ, năm 1979 với thi phẩm There's A Trick With A Knife I'm Learning To Do, tuyển tập thơ những năm 1962-1978, và năm 1992 với The English Patient.

Ông là một nghệ sĩ đa tài, xuất sắc nhiều bộ môn thi, văn, kịch nghệ và phim ảnh. Tuy nhiên ông thú nhận phim ảnh và kịch nghệ là những lãnh vực sáng tác nhiều giới hạn bó buộc hơn thơ văn. "Với một bài thơ hay một cuốn tiểu thuyết, tôi có thể bày tỏ sự tế nhị của mình nhưng với phim ảnh thì đành chịu". Cuốn phim mới nhất của ông là Love Clinic (1991) được hâm mộ ở Bombay, Ấn Độ.

Là một thi sĩ dồi dào về hình ảnh, ông kết hợp những chi tiết sống động với âm điệu nhẹ nhàng bằng một ngôn từ ngắn gọn nhưng không vì thế ông làm mất đi những rung cảm của giác quan như mùi hương thoang thoảng của bàn tay kẻ tình nhân còn vướng lại trên làn da người thiếu nữ trong bài thơ tựa đề Tình Yêu Thế Tục (Secular Love - The Cinnamon Peeler, 1984).

Mặc dầu nổi tiếng về các thi phẩm nhưng chính bộ môn tiểu thuyết đã giúp Michael Ondaatje đạt địa vị vững vàng trên nền văn

học Anh hiện đại. Tiểu thuyết của ông được xây dựng bởi những cấu trúc phức tạp, bao gồm sự thật lẫn ảo tưởng và bố cục vượt ra ngoài lề lối của những quy ước thông thường, nhưng trong đó các vụ nổ vì súng ống, bom đạn, tâm thần và chiến tranh thường là đề tài chính. Tay súng cừ khôi Billy The Kid (1970) đã nhiều lần vào sinh ra tử trong các cuộc chạm trán cướp bóc và cuối cùng đã tẩu thoát một cách tài tình. Trong truyện Coming Through Slaughter (1976), vụ nổ lại là một cơn điên của anh chàng da đen chơi kèn cornet đã loạn tinh thần và mất trí lúc đang thổi kèn trong toán diễn hành.

Gần đây nhất, tác phẩm In The Skin Of A Lion (1987) được giải thưởng Trillium Book Award ở Toronto và giải City of Toronto Book Award và được vào chung kết giải Ritz Paris Hemingway. Truyện này dựa trên sức cần lao, máu và mồ hôi, nước mắt của những kẻ dào hầm, đặt mìn trong công cuộc khai phá và xây dựng tỉnh bang Toronto những năm 1920-1930. Tiểu thuyết này cũng phức tạp không kém và cho độc giả thấy rõ tài năng và óc sáng tạo của Ondaatje lúc xây dựng cốt truyện và nhân vật. Cùng với Salman Rushdie, ông là một trong những cây bút điển hình cho khuynh hướng tiểu thuyết hiện đại Anh - Mỹ trong ba mươi năm gần đây.

Năm 1992, quyển The English Patient của ông được giải văn chương Anh. Với bối cảnh ở Ý sau hậu chiến thứ hai, truyện xoay quanh cuộc đàm thoại của các nạn nhân chiến tranh mà trong đó bệnh nhân người Anh là nhân vật chính. Ông ta bị cháy nám lúc rớt máy bay tuy vẫn còn thoi thóp. Tựa đề truyện này muốn ám chỉ đế quốc Anh đang dẫy chết một cách chậm chạp tuy vẫn còn cố gượng bám chút vinh quang của các thuộc địa cũ trước khi tan hàng rã đám. Chính tác giả cũng bảo: "Đây là một trong những lý do khiến tôi chọn tựa đề này". Truyện chấm dứt khi Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống Nhật Bản. Điều mỉa mai trong truyện là nhân vật phụ, Kip, chuyên môn đi gỡ bom và biết rõ cách thức cũng như các nơi chôn giấu bom nhưng cuối cùng vẫn không tránh khỏi hiểm họa bom nguyên tử.

Ông Ondaatje bảo không biết bao giờ mới có thể hoàn tất một tác phẩm tương tự như The English Patient vì công trình sáng tác này mất quá nhiều thời gian. "Tôi bị giam lỏng suốt năm năm". Và cách làm việc của ông cũng rất tỉ mỉ, cầu kỳ. Trước hết ông viết bản

thảo bằng tay rồi cắt các đoạn văn theo thứ tự ông muốn, xong, ông đánh vào máy vi tính. Khi được khoảng năm trang, ông duyệt lại và cuối cùng đọc vào máy thu âm nguyên cả bản thảo để nghe âm điệu lời văn có du dương êm ả như lời thơ không vì ông khởi sự là một thi sĩ trước khi viết văn xuôi. Các nhà phê bình đều khen văn ông thanh nhã lời thơ là vì vậy.

Lúc hay tin ông được giải văn chương Anh, báo chí đổ xô đến phỏng vấn ông trong buổi tiếp tân tại Toronto. Khi họ hỏi ông sẽ dự định làm gì với món tiền thưởng trị giá gần 23 ngàn Gia kim thì ông Ondaatje trả lời: "Trước hết tôi sẽ thanh toán mấy cái giấy phạt vì đậu xe trái phép!" Ông cũng tuyên bố: "Tôi đã tập tành viết văn tại đây và tự xem mình là một văn sĩ người Gia Nã Đại".

THƠ CHO CON GÁI QUINTIN

Có lúc con mải mê
Theo đuổi đám bạn bè
Lòng cha lại đau khổ
Vì cha đã mất con.

Đó chỉ là lòng tham
Vì khi cha rút lui
Vào thế giới sâu thẳm
Cha cũng lại mất con.

Một chiều nọ cha bước vào phòng
Thấy con đang ngồi nơi mà giờ đây
cha đang viết những dòng này.
Ngoài khung cửa hoa tầm xuân nở đầy
Và ánh nắng chan hòa trên vai con
lung linh một màu vàng rực
Như lời mời gọi từ một hành tinh xa xôi nào
dụ dỗ con bước ra khám phá những thế giới bên ngoài.
Nhưng còn con - Con vẫn thản nhiên làm toán.

Giờ đây cha không thể nào ngắm hoa tầm xuân
mà không cảm thấy vui vì có con và đau khổ vì
dường như cha đã mất con.

Bằng những bước chân êm ái, con đã vào đời
và sẽ mải mê với cuộc săn đuổi không ngừng
trong một rừng người man dã.
Con muốn tất cả.
Nếu con thua cuộc cũng chỉ ở ngoài đời thôi.
Cha không cần biết con sẽ sống ra sao, nhưng có điều
cha sẽ dám hy sinh cánh tay này vì con.
Và cha sẽ giữ mãi những điều bí mật mà có lần
con đã thố lộ cùng cha.

Lời người dịch: Tác giả viết bài thơ này lúc con gái ông mười sáu tuổi. Hai đoạn đầu bằng văn vần, hai đoạn sau văn xuôi.

TÊN NHÓC TÌ BILLY

Trích trong quyển The Collected Works Of Billy The Kid, tác phẩm đoạt giải văn chương Gia Nã Đại năm 1970, truyện này kể lại một đoạn đời tướng cướp William Bonney (1859-1881) mệnh danh là tên nhóc tì Billy trong giai đoạn khai phá miền Viễn Tây Hoa Kỳ. Billy The Kid xuất thân là một thiếu niên phạm pháp chuyên môn cướp bóc, bắn giết và là một tay súng cừ khôi đã làm giới cảnh sát và chính quyền trong vùng điên đầu.

Trong đoạn này Billy The Kid bị bắt và đang trên đường áp giải đến tòa án. Người bắt được Billy là Garrett.

Lời Billy

Garrett dẫn bọn tôi đến thẳng trạm xe lửa gần đó nhất để nghỉ qua đêm, đợi sáng mai đáp chuyến tàu sớm đi Messilla chờ xử án. Tại đây chúng tôi được dẫn vào khách sạn Polk, một tòa nhà trắng bao bọc bởi khoảng sân rộng bên cạnh cái giếng nước. Mấy người cảnh sát thòng dây leo xuống giếng tắm rửa trong cái "xô" lớn, rồi họ gỡ xác Charlie xuống khỏi mình ngựa. Garrett lấy nước kỳ cọ những vết máu khô còn đóng cứng trên thân ngựa và sai người đi mua hòm về chôn Charlie Bowdre. Rồi hắn ta bắt tôi uống nước và ăn một thứ cháo sền sệt như hồ. Sau đó dám cảnh sát ẵm bọn tôi xuống khỏi mình ngựa và mang vào phòng vì sau một tuần trên thân ngựa, chúng tôi không còn đi được nữa. Tôi phải ở chung phòng với Garrett và Emory.

Đây là cái giường cuối cùng của mày đó, Billy. Cho mày tùy ý chọn thế nằm. Ừ thì chọn, tôi nằm sấp và Garrett dùng giây sắt khóa

chặt tôi xuống giường. Hắn còn quấn băng quanh mười ngón tay tôi dày đến nỗi giá như lúc đó có ai cho tôi khẩu súng, tôi cũng không tài nào bóp cò được. Rồi hắn bỏ ra ngoài, đến xem xét tình trạng Wilson, tên đồng bọn của tôi đã vô phúc gãy nguyên hai mắt cá lúc con ngựa lồng lên té nhào trên đôi chân bị khóa chặt của nó.

Ngoài kia buổi chiều chưa tắt nắng và khắp phòng ánh sáng chan hòa một màu trắng xóa. Có phải đây là căn phòng màu trắng cuối cùng của tôi chăng? Những tia nắng chiếu xuyên qua khe cửa khiến bức tường sáng lên một màu trắng rợn người. Tôi nằm nghiêng bên trái, nhìn thẳng vào nguồn ánh sáng chói lòa đó và mất tôi hoa lên, không còn thấy rõ cánh cửa hay dáng Emory lấp ló đằng sau nữa. Chiếc giường rộng mênh mông và tôi thiếp vào giấc ngủ bềnh bồng, tưởng chừng như nguyên thân hình tôi chìm sâu xuống chiếc giường êm ái đó. Tôi nhớ có lần sau khi ngưng nói chuyện, Charlie và tôi còn nghe tiếng bay vo ve của đàn ruồi trong phòng; và có đêm hai đứa nằm ngoài trời, sau khi chúc Charlie ngủ ngon, tôi nhìn sang thấy ánh trăng chênh chếch trên sống mũi Charlie.

Phiên tòa tại Messilla

Quan tòa Warren H. Bristol đông dạc phán:

Tòa tuyên án: Billy sẽ được mang về quận Lincoln, giam giữ tại đây đến ngày 13 tháng 5 sẽ mang ra pháp trường treo cổ cho đến khi hắn chết, chết, chết tiệt đi!

Xin Chúa cứu rỗi linh hồn hắn.

Lời một người khác kể lại

Không, thật ra vụ vượt ngục không làm tôi ngạc nhiên tí nào. Tôi chắc chắn thế nào Billy cũng thoát được. Tôi tin tưởng như thế và dường như những người khác cũng tin vậy. Bây giờ hồi tưởng, tôi thấy khó tả lại vụ Billy vượt ngục. Có lẽ bạn đọc sách và xem phim ảnh cũng biết rõ hắn tẩu thoát ra sao rồi. Trước hết hắn dụ Bell, chàng cảnh sát trẻ tuổi, chơi bài xì lát với hắn, rồi hắn bắn Bell xong bắn luôn tên cảnh sát Ollinger lúc tên này đi ăn trưa về. Bạn có biết Ollinger thường hay giết người như thế nào không? Hắn hay giả vờ bắt tay đối phương, rồi dùng tay trái chụp lấy tay phải của đối thủ còn tay kia móc súng lục, nhắm vào ngực kẻ xấu số nhả đạn. Ollinger ghét cay Billy từ dạo xảy ra vụ dụng độ ở quận Lincoln. Và thế là Bell và Ollinger chết còn Billy tẩu thoát, và lúc trốn ra

khỏi thành phố hắn còn dùng báng súng đập vào mặt một người tên Ellery Fleck. Khi không vô cớ dập người ta vậy đó, có lẽ hắn vui mừng quá, thế thôi.

Còn một chuyện ly kỳ nữa xảy ra hôm đó. (Đây là người ta kể lại chứ tôi đi vắng). Lúc thoát ra khỏi ngục, hai tay Billy vẫn còn bị còng vì thế lúc nhảy lên ngựa hắn mất thăng bằng và té nhào xuống đất ngay trước mặt đám đông, vậy mà không ai dám làm gì hắn cả. Người ta cứ trố mắt nhìn hắn và không ai dám cười. Rồi ba, bốn đứa trẻ con chạy lại giúp hắn chận con ngựa và giữ yên để hắn leo lên. Rồi với hai tay bị còng, hắn ẩm khẩu súng trường trước ngực, cho ngựa chậm rãi bước qua xác Ollinger và biến mất.

PHỎNG VẤN MICHAEL ONDAATJE

Tháng 10, 1992 vừa qua tờ Điểm Sách của The Book Company đã phỏng vấn nhà văn Michael Ondaatje sau khi quyển The English Patient của ông vừa xuất bản.

DS: từ trước đến nay ông được nhiều giải thưởng văn chương, vậy xin ông cho biết có phải vì thế mà ông cảm thấy bị áp lực nội tại hay ngoại tại khiến ông phải viết những tác phẩm mới hoặc ngang hàng hoặc vượt hơn những tác phẩm cũ không?

MO: Không, bởi vì tôi nghĩ đối với văn sĩ điều quan trọng là không nên quá tin vào tiếng vang rầm rộ của các giải thưởng đó vì như thế họ khó có thể tách rời ý muốn sáng tác của họ ra khỏi ước vọng của quần chúng.

DS: Khi ông khai triển một quyển tiểu thuyết, yếu tố nào thường là thử thách lớn lao nhất đối với ông?

MO: Tôi đã bỏ ra năm năm để viết quyển In The Skin Of A Lion. Trong thời gian đó giai đoạn nghiên cứu đã khơi dậy trí tò mò và là động cơ thúc đẩy tôi sáng tác vì không gì thích thú bằng vừa viết vừa khám phá nhiều điều mới lạ. Điểm này khiến tác giả và độc giả gần gũi nhau hơn vì cả hai cùng học hỏi cùng một lúc. Khi viết quyển The English Patient, tôi đã bỏ ra hàng tháng nghiên cứu các tài liệu địa lý trong số hơn 40 ngàn tờ báo cũ đầy bụi bặm ở hội Địa dư Anh quốc ở Luân Đôn, và đọc sách nghiên cứu về bom đạn và chất nổ cũng như những nhật ký của các chuyên viên gỡ bom.

DS: Ông có nghĩ rằng nguồn gốc Sri Lanka của ông có ảnh hưởng gì đến đường lối sáng tác của ông không?

MO: Thật ra tôi nghĩ có ảnh hưởng nhiều lắm chứ. Ngay cả quyển In The Skin Of A Lion cũng đề cập đến người Âu châu đi trú tại Gia Nã Đại. Chính nguồn gốc của tôi đã cho tôi kinh nghiệm sống thực của những kẻ di dân. Đối với những người sinh trưởng tại một nơi này và lớn lên ở một nơi khác, họ thường có một nhãn quan rõ rệt và phong phú hơn về hai môi trường sống của họ. Tôi biết rằng nếu bây giờ tôi trở lại Sri Lanka, nếp sống, những giá trị và ý niệm thời gian ở đó sẽ hoàn toàn khác lạ đối với tôi.

ĐS: Ông cảm thấy được độc giả chú ý vào giai đoạn nào trong văn nghiệp của ông?

MO: Tôi biết có lúc được độc giả chú ý nhưng không rõ lúc nào. Tôi có thể bảo rằng lúc ông John Diefenbaker, cố Thủ tướng Gia Nã Đại, đọc quyển The Collected Works Of Billy The Kid sau khi quyển này được giải văn chương Toàn quyền Gia Nã Đại năm 1970, ông ghét quyển này thậm tệ vì nhân vật chính là Billy The Kid, một người Mỹ, và công khai chỉ trích truyện đó. Bỗng dưng tôi thấy hình tôi trên trang nhất của nhật báo Toronto Star, ngay bên cạnh hình ông Diefenbaker. Lúc đó tôi mới biết mình được độc giả chú ý.

ĐS: Ông cảm thấy thích làm văn sĩ hay thi sĩ hơn?

MO: Tôi thích cả hai bộ môn. Những năm gần đây tôi viết văn vì cảm thấy muốn viết một tác phẩm lớn lao hơn, và kết quả cuối cùng là quyển tiểu thuyết mới của tôi, The English Patient. ‡

Tài liệu tham khảo:

1- Face To Face: Michael Ondaatje (1992) Val Ross, Toronto, Canada

2- Of Books and the Booker, McLean's, October 19, 1992

3- The Canadian Global Almanac (1992)

4- The Oxford Anthology of Canadian Literature (1981), Oxford University Press

5- Tác phẩm của Michael Ondaatje:

A- Thi phẩm:

- The Dainty Monsters (1967) - The Man With Seven Toes (1969) - The Collected Works Of Billy The Kid (1970) - Rat Jelly (1973) - Elimination Dance (1975) - There's a Trick with a Knife I'm Learning to do (1979) - Secular Love (1984) - The Cinnamon Peeler: Selected Poems (1985)

B- Tiểu thuyết:

- Coming Through Slaughter (1976) - Running in the Family (1982) hồi ký - In the Skin of A Lion (1987) - The English Patient (1992)

CUNG TIẾN

sinh hoạt nhạc việt hải ngoại từ 1975: vài nhận xét về nghiên cứu, sáng tác, và biểu diễn

Nếu như, trên thế giới hiện nay, đa nguyên là cái hướng chung đang lên của phương thức tổ chức chính trị và xã hội, thì đa nguyên cũng là chiều hướng chung của mọi sinh hoạt nghệ thuật, nhất là âm nhạc. Đã không còn nữa một nền âm nhạc độc tôn của bất cứ "phương" nào, Tây hay Đông; của bất cứ thời nào, truyền thống hay hiện đại; và của bất cứ thể loại nào: nhạc dân gian, nhạc đại chúng, hay nhạc nghệ thuật.

Cuộc cách mạng trong kỹ thuật truyền thông điện tử, nhất là kể từ hai chục năm trở lại đây, đã đóng góp một phần vô cùng quan trọng vào việc sản xuất, phân phối, và tiêu thụ nhạc thanh toàn cầu. Trong số những phát minh mới này, đáng kể nhất là kỹ thuật ghi chép âm thanh bằng máy điện toán để in bài bản cho nhạc công biểu diễn; sau đó là những nhạc cụ điện tử, đặc biệt là nhạc cụ tổng hợp [*synthesizer*], và kỹ thuật pha trộn âm thanh, thâu thanh, truyền thanh, thâu hình và truyền hình.

Những sản phẩm trung gian khác như băng từ tính, đĩa cô đọng [*compact disk*], và vệ tinh truyền thông, đã cho phép giọng ca, tiếng đàn của các dân tộc trên thế giới gần lại nhau hơn, và mang lại một sự sống chung giữa âm nhạc mọi thời, mọi chốn, mọi nền văn hóa, mọi khuynh hướng, mọi trường phái.

Một phát minh kỹ thuật khác trong mấy năm vừa qua, quan trọng không kém, là *karaoke*: hệ thống liên diện [*interface*] này cho phép nhạc công, chuyên nghiệp cũng như tài tử, và giới thưởng ngoạn, trực tiếp tham dự vào việc biểu diễn âm nhạc, do đó làm thay đổi hẳn lề thói sinh hoạt âm nhạc xưa nay, thường đòi hỏi bốn khu vực rõ ràng là sáng tác, biểu diễn, thưởng ngoạn, và khu vực mối lái (con buôn) giữa ba khu vực trên. Không những thế, *karaoke* còn có tác dụng là phổ thông hóa, dân chủ hóa, đồng đẳng hóa sinh hoạt âm nhạc. Đó là một phát triển tốt: nghệ thuật không còn là món ăn tinh thần độc chiếm của một giai cấp kinh tế, chính trị, trí

thức, của một màu da, hay của một "trình độ phát triển", duy nhất nào nữa.

Khuynh hướng da nguyên và những phát minh kỹ thuật vừa nói cũng chính là những yếu tố ảnh hưởng tới sinh hoạt âm nhạc của người Việt lưu vong. Trong khuôn khổ giới hạn của buổi nói chuyện hôm nay, chúng tôi xin cố tóm lược những sinh hoạt đó, đồng thời đưa ra một vài nhận xét phiến diện về ba lãnh vực: nghiên cứu, sáng tác, và biểu diễn âm nhạc Việt Nam tại hải ngoại từ 1975 tới nay.

I. Âm nhạc được người Việt hải ngoại nghiên cứu, sáng tác, biểu diễn, hoặc buôn bán, thường chia làm bốn loại chính: nhạc nghệ thuật Tây phương, nhạc truyền thống và nhạc dân gian Việt Nam, tân nhạc, và nhạc giải trí đại chúng ở phòng trà hoặc vũ trường. Người Việt lưu vong từ 1975 tới nay đã có mặt trong cả bốn loại nhạc ấy. Ở đây, chúng tôi sẽ chỉ bàn tới hai loại mà chúng tôi quen thuộc hơn cả, là nhạc dân gian Việt Nam và nhạc nghệ thuật Tây phương.

Nghiên cứu, giáo dục

Tiếp nối công trình nghiên cứu và giảng dạy nhạc Việt truyền thống và dân gian của cụ Trần Văn Khê trước kia, hiện nay có hai nhà nhạc học, mà tôi được biết, là Nguyễn Thuyết Phong ở Hoa Kỳ, và Lê Tuấn Hùng ở Úc.

Nguyễn Thuyết Phong tốt nghiệp Tiến sĩ nhạc học tại Đại học Sorbonne, Paris, năm 1982, và hiện là Phụ tá giáo sư dân tộc nhạc học tại Đại học Kent, tiểu bang Ohio. Trong 10 năm qua, với mục đích phát huy và giới thiệu với thế giới nhạc cổ truyền Việt Nam (như chèo, cải lương, vọng cổ, hát bội), Giáo sư Phong đã đi thuyết trình và hội thảo tại nhiều nơi ở Hoa Kỳ, Âu châu và Á châu. Xuất thân là một nghệ nhân ca hát và biểu diễn nhiều nhạc cụ dân tộc khác nhau như đàn tranh / nguyệt / bầu / đáy, ông cũng đã cho nhiều buổi độc tấu tại các thủ đô lớn trên thế giới, đã đờn và ca trên các hệ thống truyền thanh và truyền hình nhiều nơi, và cho thâu băng ca-xét những thể loại nhạc ấy.

Cũng tại Hoa Kỳ, do nhiều động cơ khác nhau - chẳng hạn nhu cầu chuyên nghiệp, nhu cầu "tìm về nguồn", v.v... - có một số sinh viên, hoặc nhạc sĩ sáng tác và nhạc sĩ biểu diễn Việt Nam đã hoặc đang nghiên cứu cổ nhạc tại các học viện. Trong số những nhạc sĩ

được dào tạo trong truyền thống cổ điển Tây phương, nhà soạn nhạc kiêm dương cầm thủ Lê Ngọc Chân cũng đang tham dự một chương trình Tiến sĩ dân tộc nhạc học tại Đại học Wesleyan, Connecticut.

Tại Úc châu, Lê Tuấn Hùng cũng đang theo đuổi một mục đích tương tự, nghĩa là phát huy và phổ biến nhạc cổ truyền Việt Nam. Ông tốt nghiệp cử nhân âm nhạc ngành nhạc sử và ngành biểu diễn đàn ghi-ta cổ điển Tây phương tại Đại học Melbourne, rồi hoàn tất học trình Tiến sĩ nhạc học tại Đại học Monash với luận án biên khảo về âm nhạc soạn cho đàn tranh từ 1890 tới 1990 ở Trung và Nam Việt. Ngoài việc biểu diễn, Lê Tuấn Hùng còn đóng góp nhiều bài tiểu luận về nhạc Việt cho Đại học Yale và Monash xuất bản, tham dự những cuộc tham luận nhạc học thế giới.

Một nhạc sĩ khác tại Úc là Lê Thị Kim, vừa hoàn tất luận án Cao học [*Master*] ngành âm nhạc học tại Đại học Melbourne với đề tài *Những nhà soạn nhạc nữ Việt Nam trong thế kỷ 20.*

Một hiện tượng khác quan sát thấy là, trong số những con, em người Việt tỵ nạn tại các nơi trên thế giới, có khá nhiều người đã có học vị trong ngành nhạc cổ điển Tây phương. Thế nhưng sinh hoạt của họ phần lớn chỉ giới hạn vào việc dạy nhạc lý tại các trường học, hoặc mở lớp riêng dạy đàn, và thỉnh thoảng biểu diễn nhạc thính phòng cho cộng đồng người Việt mà thôi.

Sáng tác

Bộ môn sáng tác nhạc Việt hải ngoại, như chúng tôi đã có dịp tường trình và phân tích trên một số tạp chí, có ba khuynh hướng rõ rệt. Một khuynh hướng gồm những tác phẩm nhắm tới tai nghe người Âu, Mỹ và mang nhạc ngữ, cú pháp, và phong cách hiện đại Tây phương. Đại diện cho khuynh hướng này có Tôn Thất Tiết và Nguyễn Thiên Đạo tại Pháp.

Khuynh hướng sáng tác thứ hai nhắm tới tai nghe giới thưởng ngoạn trí thức thành thị Việt Nam, chủ trương sử dụng nhạc liệu và phong cách Lãng mạn Âu châu để làm phong phú thêm tân nhạc Việt Nam. Lê Văn Khoa, tại nam California, là một nhạc sĩ tiêu biểu của thể loại này (và riêng cá nhân chúng tôi cũng đã một thời soạn nhạc theo phong cách Lãng mạn và Ấn tượng).

Khuynh hướng thứ ba, vì nhắm tới cử tọa người Việt thuộc mọi tầng lớp cũng như người yêu nhạc thuộc mọi màu da và văn hóa,

chủ trương hòa nhập những chất liệu dân tộc vào kỹ thuật tạo thanh Á, Âu, Mỹ... Tiêu biểu cho chi nhánh này có Lê Ngọc Chân, Lê Tuấn Hùng, và cá nhân chúng tôi.

Tôn Thất Tiết và Nguyễn Thiên Đạo, du học tại Pháp trước 1975, là hai nhà soạn nhạc có nhiều tác phẩm được biểu diễn tại các thủ đô lớn trên thế giới. Cả hai đều sử dụng rất vững chắc chất liệu tạo thanh Tây Âu hiện đại, như: thang âm tự do, hợp âm tự do, và nhất là đã bỏ hẳn cái quan niệm truyền thống cho rằng bài ca, bản đờn nào cũng phải có một âm trung tâm đứng làm chủ. Tác phẩm của họ còn nổi bật về cách sử dụng nhịp tiết vô cùng phức tạp, và cấu trúc không chặt chẽ vì chúng đề cao tính cách bất định, may rủi, ở cả lối viết lẫn lối biểu diễn. Họ cũng rất thích sử dụng nhiều nhạc cụ gõ [*percussion*] trong việc phối dàn nhạc.

Cho tới nay cả hai nhà soạn nhạc này mỗi người đã xuất bản được lối 40-50 tác phẩm, đa số viết cho nhạc cụ. Tôn Thất Tiết thường lấy cảm hứng từ siêu hình học Đông phương, nhất là bộ Kinh Dịch, và từ đạo Phật. Riêng Nguyễn Thiên Đạo, nguyên học trò cưng của Olivier Messiaen (1908-1991), một trong những nhà soạn nhạc hiện đại hàng đầu thế giới, thì tìm cảm hứng trong truyền thuyết Việt Nam (như truyện *Mỵ Châu - Trọng Thủy, Phù Đổng Thiên Vương*), trong văn học Việt Nam (như thơ Nguyễn Trãi), hoặc trong thời cuộc Việt Nam (thí dụ vở nhạc kịch *Biển Hóa Đá* của ông có chủ đề thuyền nhân Việt Nam vượt biển tìm tự do).

Lê Văn Khoa, tiêu biểu cho khuynh hướng sáng tác nhạc Việt thứ hai, mấy năm nay đã có nhiều nỗ lực đáng ca ngợi trong việc làm phong phú tân nhạc Việt Nam, bằng cách biên soạn [*arranging*] những đơn điệu tân nhạc Việt Nam quen thuộc của chính ông, và của Lê Thương, Phạm Duy, Vũ Thành, Phạm Đình Chương, v.v... cho các ban nhạc đủ cỡ. Quý bạn sành điệu ở Houston, và ở "Quận Cam" hoặc San Jose, California, được tham dự những buổi ca nhạc do Lê Văn Khoa hướng dẫn, chắc cũng đồng ý với chúng tôi rằng kỹ thuật hòa âm, phong cách tình cảm chủ nghĩa, và lối phối hợp nhạc cụ đầy ắp, sáng choang, không-tha-một-gia-vị-nào-hết, của ông, đã làm cho các ca khúc của mấy nhạc sĩ nói trên nghe "khoái nhĩ" hơn nhiều, vì đã mang lại cho chúng cái chiều thứ ba là hòa âm, và chiều thứ tư là âm sắc [*timbre*] của các nhạc cụ khác nhau.

II. Nhưng đáng chú ý hơn, ít nhất đối với giới thưởng ngoạn Việt Nam và đa số người Âu Mỹ chưa làm quen được với âm nhạc tiên tiến hiện đại của Tôn Thất Tiết và Nguyễn Thiên Đạo, là những công trình dùng kỹ thuật hòa âm và phối hợp nhạc cụ hiện đại Tây phương đặng tôn vinh chất liệu tạo thanh Việt Nam, và đặc biệt là dân ca Việt Nam. Ta có thể ví những đơn điệu dân ca Việt Nam như những đóa hoa rừng quê hương sặc sỡ, và ví kỹ thuật hòa âm và phối hợp nhạc cụ Tây phương như bình pha-lê: nhờ ánh sáng và đường nét kỷ hà cắt gọt của bình pha-lê mà những đóa hoa rừng đó trông trân quý hơn, nồng nàn hơn.

Những phát triển mới đây trong lãnh vực âm nhạc nghệ thuật tại Âu châu và Hoa Kỳ đã trở tới mối quan tâm mỗi ngày mỗi lớn, về phía giới thưởng ngoạn cũng như giới soạn nhạc, về một hiện tượng mà các nhà thực vật học đặt tên là "thụ tinh chéo" [*cross-fertilization*]. Đó là một giao duyên vô cùng phức tạp, nhưng hấp dẫn, giữa những truyền thống âm nhạc khác nhau của thế giới. Nếu như, chẳng hạn, ba truyền thống âm nhạc Á, Phi, Âu truyền tinh cho nhau, chúng sẽ sinh sản những tác phẩm mang đặc tính ba nền văn hóa của loài người, tốt đẹp hơn là của chỉ một nền văn hóa. (Đã lỗi thời rồi chủ nghĩa thuần túy, dù là nghệ thuật hay nhân chủng).

Ở hải ngoại hiện nay có một số nhà soạn nhạc, trong đó có chúng tôi, chủ trương sử dụng tài nguyên nhạc dân tộc Việt Nam theo chiều hướng thứ ba này.

Riêng cá nhân chúng tôi đã thử làm việc ấy, một cách có ý thức, từ khi phổ nhạc bài thơ *Hoàng Hạc Lâu*, là bài thơ chót của cố thi sĩ Vũ Hoàng Chương dịch Thôi Hộ năm 1975; chúng tôi phổ nhạc bài này năm 1976 cho giọng hát và đàn pianô, và mấy năm trước đây biên soạn cho dàn nhạc giao hưởng. Sau đó, năm 1984-85, chúng tôi đã phổ 12 bài thơ của Thanh Tâm Tuyền làm trong các trại cải tạo, thành một liên ca khúc [*song cycle*] lấy tên là *Vang Vang Trời Vào Xuân*, soạn cho giọng hát và đàn pianô.

Năm 1987 chúng tôi soạn một tổ khúc cho dàn nhạc thính phòng [*suite for a chamber orchestra*] mang tên *Chinh Phụ Ngâm*, thử lấy âm thanh của nhạc cụ để minh họa sơ sài một số tình tiết trong tập thơ Nôm đó của thiên tài Đoàn Thị Điểm. Hiện nay, với một "đơn đặt hàng" của tổ chức The Schubert Club tại St. Paul, Minnesota, chúng tôi đang hoàn tất việc phổ nhạc bài thơ dài *Ta Về* của Tô

Thùy Yên cho giọng hát / nói / ngâm và một đội nhạc thính phòng, gồm một số kèn gỗ, kèn đồng, nhạc cụ gõ, và đàn dây. Và, mới đây, với một khoản tài trợ, của St. Paul Companies, cũng ở Minnesota, chúng tôi có ý định sẽ tôn vinh những điệu hát quan họ trong một tổ khúc cho dàn nhạc giao hưởng, tạm lấy tên là *Tổ Khúc Bắc Ninh.*

Trong tất cả các tác phẩm vừa nói, chúng tôi cố chắt lọc tinh túy giai điệu dân tộc ta đặng dùng nó làm chất liệu sáng tác.

Một nhà soạn nhạc khác đi theo khuynh hướng này một cách say mê hơn cả là Lê Ngọc Chân. Từ 5-6 năm nay, Lê Ngọc Chân đã biên soạn một số dân ca Việt Nam cho giọng hát, hoặc một nhạc cụ độc tấu, với dàn nhạc giao hưởng hoặc đội nhạc thính phòng với các loại nhạc cụ khác nhau. Những khúc dân ca nổi tiếng ba miền và các vùng thượng du như *Cò lả, Lý chiều chiều, Lý ngựa ô, Lý tình tang, Hò chặt gỗ đóng thuyền, v.v...* "những cô gái quê mộc mạc mà đa tình ấy", như chúng tôi có lần ví von, đã được ông choàng tặng cho những tấm khăn hòa âm và phối hợp nhạc cụ với màu sắc sặc sỡ vừa đủ để trang sức kín đáo.

Một phương pháp khác của Lê Ngọc Chân, hiện đại hơn, là lấy một nguồn âm thanh khác đã thâu vào băng từ trước, đem phối hợp với khúc nhạc đang được biểu diễn "sống", để tạo ra một tác phẩm thứ ba: đó là trường hợp bản *Niết Bàn* của ông, soạn cho một giọng kể, một chuông đồng, dàn nhạc giao hưởng, và một băng nhựa thâu sẵn tiếng một nhà sư đọc *Kinh Thủ Lăng Nghiêm.* Chất liệu và màu sắc dân tộc và Á châu được thể hiện qua giọng kể truyện (có thể là giọng Bắc, Trung, hay Nam), giọng đọc Kinh (tiếng Phạn), và tiếng chuông; và chất liệu hiện đại Tây phương là những giai điệu gồm những nốt nhạc có cao độ 1/6 cung tấu bởi dàn vĩ cầm, những hợp âm nửa cung, v.v... Sự pha trộn, tổng hợp này tạo nên một thực thể âm thanh mới, nó có một phong cách có thể tạm định tính là "hậu hiện đại" [*post-modernistic*], hay là "chiết trung" [*eclectic*], nghĩa là kết hợp những chất liệu sáng tác chọn lọc từ nhiều nơi và nhiều thời trên thế giới. Đó chính là phong cách điển hình của khuynh hướng đa nguyên hôm nay vậy.

Mang tính hậu hiện đại và chiết trung *par excellence* còn là những tác phẩm của Lê Tuấn Hùng ở Úc. Lê Tuấn Hùng là một nhà soạn nhạc sử dụng nhiều thể loại, từ phong cách truyền thống Việt Nam, cho tới phong cách hiện đại Tây phương, viết cho các loại

nhạc cụ Đông và Tây, với chất liệu âm thanh của quá khứ và hiện tại, và của các sắc tộc khác nhau trên thế giới. Một số tác phẩm của ông và của các nhạc sĩ bạn tại Úc, mới đây được thâu trong một đĩa cô đọng lấy tên là Quivering String [*Dây Rung*], có thể coi như một thí dụ điển hình cho phong cách soạn nhạc *à la mode* nhất trong những nước tự do, "kinh tế thị trường" hiện nay, với những quan tâm về văn hóa đa dạng, hệ thống môi sinh, bảo tồn thiên nhiên, v.v...

Chẳng hạn trong đĩa nhạc nói trên, bản Reflections [*Phản Chiếu*] của Lê Tuấn Hùng soạn cho đàn xantê, đàn tranh đảo Java mang tên *kachapi*, và hai đàn tranh Việt Nam; bản Spring [*Xuân*] soạn cho ba còi tre, đàn xantê, đàn tranh "có sửa soạn", và *kachapi*; và bản Prayer for Land [*Cầu Cho Thấy Đất*], lâu chừng 16 phút, soạn cho giọng người, sáo thời Phục hưng Âu châu, *kachapi*, dùi gỗ, chuông, trống đất sét, và trống da. Cả ba tác phẩm cho người nghe một kinh nghiệm đáng để họ ngẫm nghĩ về nghệ thuật tạo thanh đích thực, khác hẳn với những loại nhạc giải trí / ăn cơm / nhảy đầm / nhổ răng, bán rất chạy trên thị trường tự do hôm nay, dù là "nhạc có lời" hay "nhạc không lời".

Cũng tại Úc châu, sinh hoạt trong lãnh vực sáng tác còn có Hoàng Ngọc Tuấn, một nhạc sĩ Tây-ban cầm cổ điển, và là tác giả của các tập ca khúc, viết trong hai năm 1975-76, nhan đề *Sinh ca, Tử ca, Nhiên ca,* và *Nhân ca*, cùng những ca khúc phổ thơ R. Tagore, R.M. Rilke, F. García Lorca, H. Hesse, O. Mandelstam, v.v... Về khí nhạc, từ 1984 tới nay ông đã viết được một số tác phẩm soạn cho ghi-ta cổ điển, hoặc độc tấu hoặc với phần "phụ họa" của các kèn gỗ, kèn đồng, và nhạc cụ gõ. Nhạc của Hoàng Ngọc Tuấn, nếu thế, là kết quả của một hôn phối rực rỡ giữa thang âm và nhịp tiết Đông phương với phương tiện tạo thanh và kỹ thuật phối hợp nhạc cụ Tây phương.

Sáng tác cho các nhạc cụ truyền thống Việt Nam, vẫn tại Úc, có Lê Thị Kim, với một nhạc phẩm viết cho đàn tranh lớn Việt Nam (22 dây, kêu bằng "đàn đại") "có sửa soạn" bằng giấy xen kẽ các dây đàn.

Người Việt hải ngoại còn có những sinh hoạt đáng ghi nhận trong bộ môn biểu diễn thanh nhạc cũng như khí nhạc, cả nhạc cổ truyền, nhạc dân gian Việt Nam lẫn nhạc cổ điển Tây phương.

III. Biểu diễn Có thể nói hầu hết những ai nghiên cứu nhạc cổ

truyền và nhạc dân gian Việt Nam đều kiêm luôn việc trình diễn. Quả vậy, cặp Trần Quang Hải - Bạch Yến ở Pháp, và cặp Nguyễn Thuyết Phong - Tôn nữ Thanh Tuyền ở Mỹ, đã cho nhiều buổi dàn ca tại các đại học thành phố lớn từ Á tới Âu và Mỹ châu, hoặc tại những Đại hội Dân ca Quốc tế. Lê Tuấn Hùng suốt từ 1987 tới nay, và Lê Thị Kim từ 1989 đến 1992, cũng đã tham dự nhiều buổi trình diễn cổ nhạc Việt tại các trường học và các đại hội dân ca Úc và thế giới. Họ biểu diễn đủ mọi thể loại, từ nhạc bác học tới nhạc dân gian, sử dụng đủ loại nhạc cụ Việt Nam, nhưng nhất là đàn dây, như đàn tranh, đáy, bầu, nguyệt, nhị.

Ngoài ra còn có những nhạc công cổ nhạc, hoặc chuyên nghiệp hoặc tài tử, thường biểu diễn cho cộng đồng người Việt khắp nơi. Chẳng hạn cây sáo Nguyễn Hữu Nghĩa và gia đình ở Thủ đô Hoa-thịnh-đốn mấy năm trước di nhiều nơi biểu diễn sáo tre; hai anh em Nguyễn Anh Dũng - Nguyễn Anh Tuấn ở Melbourne, Úc châu, biểu diễn nhạc cải lương với một *répertoire* khá lớn về bài bản thuộc truyền thống miền Nam.

Nói chung thì ngành ca hát hoạt động mạnh hơn là ngành tấu nhạc cụ. Về đơn ca tân nhạc cổ điển nhẹ, dân ca, và ca khúc nghệ thuật Tây phương, trong mấy năm qua chúng ta có được thêm một số giọng hát mới nhờ ở sự dào luyện tại các nhạc viện hoặc lớp dạy hát (*voice training*), như Nguyễn Thành Vân, Vũ Anh, Trần Chúc; và cũng nhờ ở sự dào thoát của các ca sĩ được Hà Nội gửi đi biểu diễn tại các nước Tây phương rồi không muốn trở về, như trường hợp Họa Mi ở Pháp, Ái Vân ở Đức. Về hợp xướng, ta thấy xuất hiện dó đây một số ca đội và ca đoàn, như Tứ Ca Thùy Dương, Ca Đoàn Ngàn Khơi, cả hai ở Quận Orange, CA.

Nhạc sĩ độc tấu khí nhạc theo truyền thống Tây phương có dủ khả năng và trình dộ để biểu diễn trước công chúng hãy còn quá hiếm. Ở hải ngoại ta có một thế hệ mới nhạc sinh dương cầm hay vĩ cầm, nhưng họ mới chỉ biểu diễn lấy vui trong các dịp cộng đồng Việt Nam tổ chức này nọ mà thôi. Ngay cả những người tốt nghiệp xuất sắc ngành biểu diễn nhạc cụ cũng chỉ thỉnh thoảng cho một vài buổi hòa nhạc, phần lớn không mấy ai nhớ. Theo chỗ chúng tôi được biết, thì dương cầm thủ Đặng Thái Sơn ở Canada hiện nay là người duy nhất có "tầm vóc" quốc tế. (Nhạc sĩ họ Đặng, Giải nhất Cuộc thi Dương cầm Quốc tế Vác-xô-vi 1980, cũng là một trường hợp dào thoát).

Riêng hợp tấu, thì mấy năm nay ta thấy xuất hiện rải rác một vài đội nhóm thính phòng [*chamber ensembles*]. Tại Hoa Kỳ, đáng kể là Ban Lạc Việt do Lê Ngọc Chân khởi xướng và hướng dẫn từ cuối năm 1989. Các thành viên đội thính phòng này đều tốt nghiệp, hoặc đã học, tại các nhạc viện Hoa Kỳ. Một số hiện đang dạy đàn ở đại học hoặc là thành viên của các dàn nhạc giao hưởng lớn của Mỹ. Ban Lạc Việt, gồm một dương cầm và một tứ tấu dàn dây (hai tiểu vĩ cầm, một trung vĩ cầm, và một đại vĩ cầm), từ hồi thành lập tới nay đã cho nhiều buổi hòa nhạc tại thủ đô Hoa Kỳ và nhiều tiểu bang khác. *Répertoire* của họ gồm những tác phẩm cổ điển Tây phương từ thời Baroque tới hiện đại. Nhưng đặc biệt hơn cả là họ còn chuyên biểu diễn dân ca Việt Nam và những ca khúc nghệ thuật Việt Nam, do Lê Ngọc Chân và chúng tôi biên soạn phần phối hợp nhạc cụ.

Một đội thính phòng khác tại chính thành phố Houston, Ban Tứ tấu Suối Nhạc, do Trịnh Lê Trung hướng dẫn, đã cho một vài buổi hòa nhạc rất được cộng đồng ở đây hưởng ứng và cổ võ. ‡

Tháng 6, 1993 Saint Paul, Minnesota, USA

NGUYỄN MINH ĐỨC

tình si

Nắng có vàng em mới thấy nguồn linh dược
Lá có vàng ta mới thấy tiếc thương
Ngày đến sớm lòng ta ngơ ngẩn vội
Đêm vắng về ai thương tiếc lối mờ sương?

Ngày đã đến để vàng lên cánh lụa
Nhấp nhổm thương mình lụa mỏng Liêu trai
Em đi rồi vắng hình ai tìm nắng úa
Nghe ngày đi lên lối chết vàng phai

Tình ai nở... lòng ai thương tiếc vội?
Thuyền đi rồi thuyền vin mãi tay ôm
Ngày đi rồi nắng có tràn sân vắng?
Tình si rồi tình nức nở môi hôn.

THẢO TRƯỜNG

những đứa trẻ đầu thai giữa hàng rào

"Đi tơ xong con đực con cái đều bị kẽm gai cào rách da thịt!"

Nhà trẻ kế bên bệnh xá. Trong góc một trại giam. Nt có sáu đứa con nít. Bệnh xá có mấy bệnh nhân già. Coi bệnh xá là một tù nam nguyên là y tá ngoài đời. Coi nhà trẻ là một tù nữ án chung thân. Coi cả hai nơi ấy là một công an mà mọi người vẫn gọi là bác sĩ! Sáu đứa con nít đều là con hoang. Mẹ chúng nó là nữ tù bên khu B, đừng hỏi cha chúng đâu vì chúng sẽ không biết trả lời thế nào. Cũng đừng bao giờ hỏi mẹ chúng nó về chuyện ấy vì rằng đó là chuyện riêng và cũng là những chuyện rất khó trả lời. Thảng hoặc có ai đó được nghe kể thì lại là những chuyện rất tình tiết ly kỳ lâm ly bi đát... Chuyện nào cũng lạ, chuyện nào cũng hay... cũng như khi có ai lỡ miệng hỏi những người nữ tù đó án gì thì thường được trả lời "cháu giết chồng!" Trong khu B trại giam nữ phần đông các nàng đều khoái mang cái án giết chồng và họ thường trả lời như thế nếu bị hỏi, mặc dù có người chưa có chồng bao giờ và bị tù vì một chuyện tào lao nào khác. Đó là một câu trả lời theo mốt của khu B.

Trại giam bắt các bà mẹ đi cuốc đất, lũ trẻ con bị gom lại trong một căn buồng và gọi đó là nhà trẻ. Một người coi sóc chúng nó thì được gọi là cô giáo. Lũ trẻ ở với mẹ trong buồng giam, chúng cũng bị xếp hàng điểm danh cùng với mẹ và các nữ tù khác mỗi sáng tối. Chúng là những tù nhân không có án và không có tên trong danh sách tù của Bộ Nội Vụ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa ưu việt. Sáng ra buồng, chúng ùa chạy theo cô giáo sang nhà trẻ để có ăn trong ngày hôm ấy. Tối, khi cô giáo dẫn về khu B chúng ùa chạy về với mẹ để kịp vào buồng giam có chỗ ngủ. Lũ trẻ cũng phải sống theo tiếng kẻng nghĩa là chúng cũng phải chạy theo nội quy trại giam. Chúng sinh ra và lớn lên trong trại giam. Chúng không có trách nhiệm gì về tội phạm và luật pháp nhưng chúng lại là những kẻ bị tù đày. Như thiệt vậy. Và cũng không ai thắc mắc. Đến bữa cô giáo xách xoong xuống bếp trại lãnh cơm cho chúng nó y như các trực đội đi lãnh cơm cho đội. Ngày nào có thức ăn thì chúng cũng được lãnh, ngày nào cơm không hoặc có củ khoai củ sắn thì chúng

cũng sắn khoai như các tù nhân khác. Những đứa còn nhỏ cô giáo lấy cơm nấu thành cháo cho nó ăn hoặc uống nước. Đứa nào biết đi biết nói gặp công an phải khoanh tay lại "chào cán bộ". Đứa nào không chào sẽ bị phê bình là "mất dậy" và cô giáo sẽ bị khiển trách là không hoàn thành nhiệm vụ. Từ căn nhà trẻ buổi sáng cũng như buổi chiều thường vang ra tiếng hát "ai yêu bác hồ" hoặc "chúng cháu chào cô ạ". Bác hồ thì công an bắt cô giáo phải dạy, còn chào cô thì cô giáo thích được chào như vậy, cho nên hai đấng tối cao ấy được suy tôn trong nhà trẻ rất có tổ chức và thể thống! Bác hồ thì không hiểu do cái quyền lực ma quỷ nào ở đâu chi phối, nhưng cô giáo thì thực sự do quyền lực của cô tại chỗ, đứa nào hỗn cô bắt quỳ hoặc không cho ăn là sợ ngay. Ban ngày ở nhà trẻ chúng cũng được học chữ và học múa hát, chúng cũng có thời gian chơi đùa với nhau. Đó là những lúc cô nấu ăn, tắm rửa cho mấy đứa còn nhỏ hoặc lúc cô bận nói chuyện với anh y tá...

Trong sáu đứa thì ba đứa lớn hơn thích chơi trò công an. Con Tí bảy tuổi tù khôn vô cùng, mẹ nó không kể chuyện về bố nó cho ai nghe bao giờ, chắc là tủi buồn, chỉ thấy mẹ con nó chuyển đến trại này lúc con Tí còn bế ngửa. Thằng Bắc cũng bảy tuổi nhưng phải gọi con Tí là chị xưng em đàng hoàng, nếu không con Tí nó chửi cho. Kế đến là thằng Cọp, sáu tuổi, khoe có bố, người Thượng, nên mẹ nó đặt tên như thế cho có vẻ nhớ rừng. Thiên tình sử của mẹ nó rất là ly kỳ. Mẹ nó có chồng có con, chồng mẹ nó tập kết ra Bắc 54 khi đứa con của hai người mới đẻ. Đại thắng mùa xuân chồng bà ấy trở về làm cán bộ huyện ủy ngay tại quê nhà, bà ấy hãnh diện được mấy tháng, đứa con đã hơn hai mươi tuổi cũng hãnh diện được mấy tháng, thế rồi mẹ đi tù chung thân sau giảm xuống hai mươi năm, thằng con bị tử hình. Hỏi mẹ thằng Cọp tội gì, lần nào và bao giờ bà ấy cũng nói:

- Tôi chỉ cầm cái đèn.

- Chỉ cầm đèn mà tù chung thân?

- Tôi cầm đèn cho thằng con tôi nó bổ.

- Bổ?

- Dạ. Nó cầm búa bổ vào đầu cha nó!

- Chồng bà?

- Dúng. Chồng tôi. Cha nó. Bị ổng đánh tôi hoài, đánh đau quá, con tôi nó thương tôi, tôi thù ông ấy, nên hai mẹ con phải... giải

quyết. Buổi tối như mọi tối, ông ấy say rượu về chửi mắng tôi một hồi rồi cầm cây rượt đánh tôi. Tôi bỏ chạy ra đồng, con tôi chạy theo mẹ. Ở ngoài đồng mẹ con tôi khóc với nhau. Trước kia khi ông ấy đi làm cách mạng, hơn hai mươi năm không có ông ấy ở nhà, mẹ con tôi sống yên ổn. Đại thắng trở về, ông ấy đem theo một bà vợ Bắc, tật uống rượu đế và đánh đập vợ con. Tôi nghĩ khổ quá, thà ông ta cứ đi kháng chiến, thà ông ta cứ làm cách mạng, thà ông ta cứ đi xa, thà ông ta đừng trở về... Thằng con tôi nó nói "thì lại cho ông ấy đi xa, hai mẹ con lại sống với nhau như xưa". Thế rồi mẹ con tôi mò mẫm trong đêm tối trở về nhà, ông ấy ngủ say trên bộ ván ngựa, thằng con tôi đi lấy cái búa, tôi đốt đèn dầu, cầm giơ cao cho nó thấy rõ. Mà bổ. Con tôi nó bổ cả chục nhát, ông ấy không kêu được tiếng nào. Ngày hôm sau vợ hai của ông ấy từ trên huyện về nhận xác chồng tôi đem an táng tại nghĩa trang liệt sĩ. Nghe nói đám tang lớn lắm, có nhiều vòng hoa, có người đọc điếu văn nữa, tôi chỉ nghe nói thế vì ngay đêm hôm đó mẹ con tôi bị bắt giam ở công an huyện. Ở tù chi đến bây giờ vẫn chưa hết tù.

- Nghe nói thằng con...

- Ờ, nó bị tử hình vì tội ám sát cán bộ nhà nước. Bắn ngay.

Bà ta nói đến đó kéo thằng Cọp vào lòng ôm cứng:

- Mất thằng đó tôi có thằng này. Ở tù được gần một năm tôi buồn quá, sẵn có người đàn ông gạ gẫm, tôi bèn cho, mấy lần thì có thằng này.

- Trại giam nữ biệt lập làm sao có bầu?

- Hỏi ngớ ngẩn - bà ta nói - trong trại toàn nữ nhưng ngoài trại cũng có đàn ông chứ. Có đực, có cái là có thể có con được.

- Cái bên trong hàng rào kẽm gai, đực bên ngoài hàng rào kẽm gai. Làm sao? Bộ thằng cu này nó đầu thai ngay giữa hàng rào kẽm gai à? Vô lý! Mới chỉ có thụ tinh trong ống nghiệm chứ làm gì có thụ tinh giữa hàng rào kẽm gai.

Mẹ thằng Cọp dắt con đi, bà quay lại nói câu chót:

- Làm sao có con thì thôi, mình mất một lấy lại một, tôi sẽ sống với thằng này khi ra tù cũng như trước kia tôi đã sống với thằng lớn. Tôi vẫn hai mẹ con. Và chỉ hai mẹ con. Không có kẻ nào chen vào phá vỡ được tình mẹ con tôi.

Mẹ con thằng Cọp được tiếng là thương nhau nhất trong sáu cặp mẹ con trong trại giam. Người ta kể rằng bà ta thường để dành dồ

ăn của bà cho thằng con, bà thường ngồi quạt cho con ngủ trong những đêm hè nóng nực ở buồng giam... Thằng Cọp cũng thương mẹ nó, ban ngày ai cho gì nó thường để dành đến tối cho mẹ. Những lúc được nghỉ mẹ con thường quấn quýt nhau hơn là đi chơi với người khác.

Ba đứa lớn là con Tí, thằng Bắc và thằng Cọp thường chơi trò làm công an hoặc diễn tuồng cải lương. Chơi trò công an thì con Tí nhận vai cán bộ chấp pháp, thằng Bắc làm trật tự, thằng Cọp làm tù... do đó con Tí được quyền chửi thằng Cọp "Tao còng đầu mày". Thằng Bắc được quyền trói thằng Cọp. Thằng Cọp thì phải nói với thằng Tí là "Thưa cán bộ". Hằng ngày chúng nghe công an nói năng quát mắng tù làm sao thì chúng lại diễn in như thế. Cũng có khi ba đứa lớn diễn tuồng cải lương thì con Tí làm hoàng hậu, thằng Bắc làm vua, thằng Cọp làm quân sĩ. Vua gọi "quân sĩ đâu" thằng Cọp phải "dạ" thật lớn. Hoàng hậu sai làm gì quân hầu phải quỳ xuống "tâu vâng". Được cái thằng Cọp cũng dễ bảo và nó làm tuồng cũng có vẻ dễ ợt. Khán giả là ba đứa nhỏ mới biết bò trên nền nhà hoặc nhốt trong cái cũi bằng gỗ gọi là cái nôi.

Chuyện tưởng không ai biết nhưng ở trại giam sao cái gì cũng bị báo cáo lên cai tù hết, cho nên cán bộ chấp pháp đã rình xem được đủ ca cảnh ba đứa trẻ diễn trò chức năng và nghiệp vụ của mình một cách rất sống thực. Anh ta tức quá bèn "cách chức" cô giáo cho đi cuốc đất, tuyển một nữ tù khác coi nhà trẻ.

Đứa nhỏ nhất trong đám là con bé mới tám tháng tuổi. Mẹ nó trước kia khiêu vũ rất đẹp, chơi tứ sắc cũng rất bền lì, ở tù vì vượt biên có tổ chức và có súng. Cũng tính một ăn cả ngã về không, "một là nuôi cá, hai là nuôi má, ba là má nuôi" chẳng may má nuôi thật. Trong tù buồn quá bèn yêu một anh chàng tù nam ở khu A. Anh này là dân giang hồ, không chịu được cảnh đàn áp, chơi cha thiên hạ của nhà cầm quyền nhà quê ngoài kia vào cười đầu cười cổ, trong một lần xích mích ở khu phố anh bèn lụi mấy dao... thế là cũng chung thân. Ở Chí Hòa, gây lộn, anh ta lại lụi mấy cái dùi, thêm một cái chung thân nữa! Một chung thân nếu được giảm may ra còn có ngày về, hai cái kể như "thua" luôn, anh ta nói thế, cho nên sống trong trại giam anh ta "xù" tất cả. Muốn cái gì là làm cái ấy, muốn nghỉ là nghỉ, nhưng được cái anh ta vốn dân giang hồ cho nên nhiều lúc rất dễ thương. Anh gặp chị ở ngoài sân trại mấy lần. Nhìn. Cười. Cười

lại. Nhìn lại. Thế là thân nhau. Khi hai người ở hai khu A và B nhìn nhau cách một cái sân bèn nghĩ ra kế truyền tin cho nhau bằng cách dùng khẩu hiệu trên tường nhà giam. Những chữ "thương nhiều, nhớ nhiều; thương hoài, nhớ mãi" được hình thành qua những xê dịch của dầu gậy trên những khẩu hiệu chữ lớn màu đỏ sặc sỡ. Chị dánh tín hiệu xong anh dánh trả lời, những buổi chiều đẹp như thế là những kỷ niệm họ không bao giờ quên. Một lần gặp nhau ngoài sân trại, anh nói:

- Những khẩu hiệu hoan hô đả đảo sơn đầy dẫy trên tường tưởng vô bổ hóa ra cũng có ích.

Chị nói:

- Đừng tưởng bác hồ vô tích sự, nhờ những khẩu hiệu hoan hô bác hoan hô đảng mà mình thông tin được cho nhau.

Anh buột miệng:

- Bố tiên sư nhà nó!

- Anh nói gì?

- À, không, anh chửi cái cột đèn...

- Em không thích anh văng tục lúc này.

- Được thôi.

Trong những giờ phút ngắn ngủi được ra ngoài sân gặp nhau vào những buổi chiều ngày nghỉ, dưới bao nhiêu con mắt theo dõi canh chừng của trật tự và an ninh trại, tù nhân cần phải tranh thủ, cái gì cũng thật nhanh, thật gấp, nếu không hết giờ là phải trở về khu của mình nhìn nhau từ xa mà thôi.

Một lần anh ta nói với chị:

- Anh thèm em quá.

- Biết rồi. Ở đây ai cũng thiếu cũng thèm cả.

- Bây giờ làm sao?

Anh cầm đại lấy tay chị mà xiết, chị nhẫn nại gỡ ra:

- Tụi nó đang nhìn kìa.

Anh buông tay chị ra, thở dài:

- Đau thật. Giữa thời này mà cầm tay nhau cũng không được, mẹ nó, nếu ở Sài Gòn lúc này tụi mình chơi nhau đã đời.

Chị huých khuỷu tay vào sườn anh, mắt thì lườm, dài ra, có duôi. Anh nói:

- Anh chẳng có ngày về. Chắc chắn là như vậy. Em còn mấy năm nữa?

- Tám.

- Như vậy nhiều lắm em cũng chỉ phải ở sáu năm nữa mà thôi.

- May ra là như vậy.

Sau lần gặp ấy chị thương anh vô cùng, chị diễn tả "không biết thế nào mà nói". Thế rồi chị tính toán theo ý chị. Chị sẽ không mặc dồ lót. Chị sẽ mặc một cái quần mỏng mở chỉ hở dưới dáy. Cái quần cũng được luồn giây thung nhẹ. Chị thử kéo lên tuột xuống thấy nhẹ thì rất ưng ý. Chị cũng thử khom khom lưng và nghĩ làm sao cho anh được dễ dàng nhanh chóng, phải tạo điều kiện thuận tiện nhất cho anh ta hành sự. Thời gian không có nhiều. Tất cả chỉ trong nhấp nháy, chớp mắt, là phải xong. Thời giờ là vàng bạc. Cái này cũng giống như chiến thuật mà các anh cán bộ cách mạng thường khoe "đánh mau, đánh mạnh, rút lẹ". Phải dùng sách của các anh mới được. Sách của giới giang hồ chúng tôi là "bấu chậm thì chết". Lỡ ngớ còn đang thập thò mà các anh bắt được thì... tù mọt gông. Chị cũng bàn trước với anh để về phần anh cũng phải chuẩn bị không để một cái gì cản trở, như "Mỹ họ lắp ráp phi thuyền trên vũ trụ ấy", như pháo binh "nhanh chóng, chính xác và hiệu quả", như cán bộ vẫn leo lẻo "tư tưởng thông, hành động đúng" ấy, anh hiểu chưa, khổ quá! Phải tập cho thuộc để khi có dịp là bập liền nghe chưa, anh yêu!

Như vậy mà được dấy. Những mấy lần cơ. Có lần chiều sắp tối, trời lại lất phất mưa, chị tình nguyện đi lãnh cơm cho đội. Từ bên khu A theo dõi anh thấy và cũng mặc áo mưa đi xuống bếp trại. Khi trở về hai người ôm hai xoong cơm, liếc nhìn không thấy thi đua trật tự đâu, đến một chỗ hàng rào khu, kẽm gai đơn thưa thớt mấy sợi, chị bèn đứng lại khom lưng xuống chổng mông sang phía anh, xoong cơm của đội chị vẫn ôm nơi bụng, từ bên kia những sợi kẽm gai, anh luồn tay sang níu hai bên hông chị ghì tới... Chị nghe có tia nước ấm áp phóng sang và chị cảm thấy thành công và thắng lợi. Hai tay anh buông lỏng ra, chị còn nghe tiếng anh thở hổn hển, chị đứng thẳng người lên, vẫn ôm xoong cơm của đội nơi bụng, chị liếc nhìn sang anh, miệng cười như mếu rồi bước vội về buồng giam của mình. Anh cũng lật đật cài áo mưa lại, cầm cái xoong cơm treo trên cột hàng rào rồi cũng quay bước về phòng mình. Hai người hai

hướng câm lặng và xót xa. Đứa con được tạo thành trong những cơn mê mẩn ấy. Khi biết mình có bầu, chị giấu kín không dám cho ai biết. Giám thị trại giam biết được họ sẽ bắt chị phá thai và cùm ở nhà kỷ luật cả hai người. Chị giấu kín cho đến khi nào không giấu được nữa. Chị nói cho anh biết là chị sẽ không nói ai là bố đứa bé, chị sẽ giữ bí mật làm kỷ niệm đời mình. Chị sẽ có nó bên mình khi ra tù và dù không bao giờ anh về, không bao giờ được sống chung với anh thì cũng có đứa con với anh để mà thương mà nhớ. Chị sẽ bảo vệ nó để nó được ra đời làm người. Chị nói với anh rằng bí mật này chỉ anh biết và sẽ không lo bị liên lụy. Mình chị sẽ đối phó với tất cả bạo quyền để chị và con chị được tồn tại. Chị sẽ ra khỏi tù với một đứa con của tình yêu giữa một xã hội bất nhân, bất nghĩa và độc ác! Và rồi khi ra được ngoài chị cũng sẽ lại tìm cách dẫn con chị đi tìm một xứ sở khác mà sống. Chị sẽ đưa con chị đi, đi đâu cũng được, miễn là không phải sống trong cái chế độ khốn nạn này.

Chị giấu giếm được sáu tháng thì bị lộ. Cái bụng chị lớn phình ra, ghen nó cũng vượt mặt. Trong phòng bàn tán, rồi trong khu bàn tán, rồi cả trại bàn tán. Chúng hỏi chị, rồi chúng gọi y tá khám thai, chúng nhốt chị trong nhà kỷ luật, chúng cùm chân chị, chị vẫn không khai ra anh. Tức quá, tên thượng úy Ban đá vào bụng chị, chửi:

- Đù má, không khai ra tao đá chết cha cả mẹ cả con mày. Mày ngủ với thằng nào, hở?

Chị ngồi co quắp hai chân hai tay bảo vệ cái bụng, chị nghĩ chết thì chết cả mẹ lẫn con cũng được. Tên Ban đấm đá chị nhiều nhất vì hắn là K trưởng. Coi trại tù mà để cho tù có bầu thì hắn sẽ bị mất điểm thi đua hàng năm, hắn sẽ không khá lên được. Nhưng thấy chị lì quá, chỉ ngồi khóc mà không chịu khai, hắn chửi:

- Đù má, phải có một thằng nào chứ? Không có thằng nào thì làm sao có con "loăng quăng" trong bụng mày được? Tại sao mày không nói?

Thấy chị vẫn chỉ khóc, hắn hét lên:

- Tao cho mày đi bệnh viện nhà nước móc cái của nợ ra, chết rán chịu.

Chị hoảng quá, lậy tên Ban:

- Lậy ban, xin ban cho tôi nuôi, nó là con tôi, đẻ ra tôi nuôi con tôi.

Hắn hét lên:

- Đù má mày, mày có biết mày đang ở tù không, cái thân mày nhà nước còn phải nuôi, bây giờ mày nói mày nuôi con mày, vậy lấy cái máu đẻ mà nuôi à? Mày có biết mày sướng có một tí mà bao nhiêu người khổ vì mày không? Tao ăn làm sao nói làm sao với lãnh đạo bên trên, hả?

Nói rồi hắn lại đếm đá túi bụi vào người chị. Hắn cố ý đá vào bụng cho cái thai phải ra, hắn thù đứa nhỏ trong đó hơn là ghét chị, chị cố chịu đòn để bảo vệ con. Khi còn một mình trong nhà cùm, chị thiếp đi rồi tỉnh lại, tỉnh lại rồi thiếp đi. Có lúc chị kêu lên với mình "Cou ơi".

Hôm sau chúng đưa chị đi bệnh viện tỉnh để nạo thai, chị vùng vẫy chống cự không chịu ra xe, tên Ban lại đấm đá chị túi bụi, những người trông thấy đều xót xa cho chị. Tên Ban quát:

- Đi tống nó ra rồi còn về lao động, một đứa đẻ nằm đó là trại mất một công lao động, hiểu chưa?

Bọn chúng túm chị lôi ra xe rồi còng tay chị vào ghế xe chạy đi. Nhưng bệnh viện không dám nạo vì họ nói cái thai đã quá lớn, sắp đến ngày đẻ, họ trả chị về trại. Chúng không làm gì được cái thai nên nhốt chị trong nhà cùm, chúng còn dọa cùm cho đến chết luôn. Chị nằm trong nhà tối lạnh lẽo đau đớn đói bụng nhưng chị lại thấy mình hạnh phúc. Cái thai cựa quậy chị cũng vui. Cái thai đạp vào da bụng chị lồi lên làm chị phì cười. Chị cười và chị vui trong bóng tối.

Đến một hôm chị nghe tiếng anh ở gian kế bên gọi, lúc đầu chị sợ quá, sau thì chị cũng cảm động. Hai bên không trông thấy nhau mà chỉ nghe tiếng nói của nhau, như thế, chị nghĩ cũng được an ủi lắm. Hai người có lúc đã thông tin với nhau bằng cách chỉ chữ trên khẩu hiệu thì bây giờ tuy không thấy mặt nhưng trao đổi bằng chính tiếng nói của nhau thì cũng đã mãn nguyện lắm. Chị được anh cho biết là anh đã nhận là cha của đứa con, chúng nghi ngờ anh và chúng gọi anh lên hỏi, anh thấy là anh cần phải nhận, nhận không phải vì anh sợ chúng mà vì anh là bố của con anh, anh nhận nó vì anh có trách nhiệm với nó và anh phải xác nhận điều đó. Chúng trói anh lại đánh anh thừa sống chí thiết. Tên thượng úy Ban vừa đấm đá anh vừa chửi rủa thậm tệ, làm như chúng đánh ghen không bằng, anh nói với chị như thế.

Nhờ thời gian bị giam chung trong phòng tối nhà kỷ luật, hai người có thêm những kỷ niệm. Buổi sáng chị hỏi:

- Anh uống cà phê đen hay cà phê sữa?

- Cà phê sữa.

- Anh ăn hủ tiếu hay ăn mì?

- Hủ tiếu.

- Nấu khô hay nước?

- Khô. Thôi em đừng hỏi nữa, anh thèm quá.

- Em cũng thèm quá và đói bụng nữa. Tiên sư chúng nó!

- Thôi đừng chửi nữa, không có đứa nào nó nghe thấy cả.

- Dạ.

Im lặng hồi lâu.

- Nó đạp em.

- Đứa nào?

- Con.

- À, thích không?

- Dạ, thích lắm.

Lại im lặng.

- Buồn không?

- Đưa em đi phố nghe?

- Dược thôi.

- Coi phim nhé?

- Xong ngay, coi phim cũ, *Lost command, Anthony Quin* đóng, được không? Sau đó đi nhảy ở Queen Bee. OK?

- Thế... không ăn gì à?

Cả hai cùng cười khúc khích.

- Có, trước khi đi nhảy mình ăn cơm tàu, nửa đêm đi ăn bánh cuốn và cháo sườn Bàn Cờ. Có thích phở Lạng Sơn không, phở chua ấy?

Có khi giữa ban ngày cũng:

- Chúc ngủ ngon nghe.

- Good night...

Sau một tháng cùm kẹp chúng thả chị ra nhưng chúng đưa anh sang một trại giam khác, chia cách hai người. Chúng bắt chị đi lao

động đến tận ngày đẻ. Đứa con ra đời ban đêm trong trại tù, trong sự dùm bọc của rất đông nữ tù đồng cảnh với mẹ nó. Một tháng sau chị phải gửi con bên nhà trẻ và chúng bắt chị đi cuốc đất như trước.

Đứa trẻ lớn dần lên trong trại giam cùng với những đứa đồng cảnh của nó. Tù trong trại khi nói đến chúng có người hỏi không biết những đứa này, đứa nào sẽ là chủ tịch tổng thống nữ hoàng thủ tướng vua quan sư sãi cha cố thày bà tướng tá đồng chí đảng viên cướp giật buôn lậu hiếp dâm ăn tục nói phét dân biểu nghị sĩ trí thức mù chữ tù nhân cai tù... đứa nào sẽ là bác là đảng... đứa nào sẽ là anh hùng nhát gan... đứa nào sẽ là nhà văn nhà báo... Đứa nào? Trong số tụi bay, ừ, đứa nào trong số tụi bay sẽ là chính nhân quân tử nhỏ nhen hèn mọn? Cứt chó khô ba nắng! Và còn lại đứa nào, ừ, còn lại đứa nào nhỉ để làm dân đen?

*

Bác già cầm cái quạt nan ra ngồi băng gỗ ngoài vườn trước bệnh xá. Bác phe phẩy cái quạt nhìn những toán tù nhân lũ lượt kéo nhau về. Bác nhớ lại mình trước đây cũng thế, có khi mặc luôn quần áo ướt mà về trại cho tiện khỏi phải thay đổi mang theo mất công. Ở tù phải thu xếp sao cho càng giản tiện gọn nhẹ càng tốt. Bệnh xá có mấy bệnh nhân già thường trú chờ ngày về. Một bác bị tai biến mạch máu não, một bác lao phổi thời kỳ chót, một bác cắt ruột dư vết mổ nhiễm trùng chảy mủ hoài không lành, một bác bị lác đồng tiền sần sùi khắp mình mẩy, một bác bị sốt cấp tính thể não phát điên khùng xém chết, một bác trụy tim... Các bác tự gọi mình là tù binh hưu trí không có chính quyền nào nhận lãnh! Mỗi tháng các bác chờ gia đình vợ con họ hàng lên thăm nuôi tiếp tế và nghe hỏi "bao giờ về" để rồi trả lời "sắp". Tháng nào cũng vậy.

Lũ trẻ kéo nhau sang chào ông ngoại. Ba đứa lớn, nguyên gánh hát, không có đám khán giả tí hon. Bắt buộc, giờ này chúng đã được cô giáo bế về trả cho mẹ chúng nó bên phòng giam. Ba đứa lớn biết hôm nay có một ông ngoại có thăm nuôi nên chúng chạy sang chào. Và chờ. Thông cảm, chúng còn nhỏ nhưng chúng cũng là người nên cần những thứ mà cơ thể đòi hỏi. Ông ngoại cũng biết thế và ông ngoại có những thứ mà chúng thèm, dù không dư thừa, nhưng ngoại già rồi, ngoại có thể nhín ra cho chúng chút ít. Cho nên ngoại ra ngồi chờ sẵn ở đó. Với lại ngoại cũng buồn chán cô đơn bỏ mẹ.

Ngoại cũng muốn thấy chúng, cũng muốn nói và nghe chúng nói. Mấy câu. "Cũng đủ lãng quên đời".

Sau nghi lễ chào hỏi, ông ngoại cho phép chúng ngồi trên băng ghế với mình, ngay ngắn rồi, con nữ hoàng vào đề ngay:

- Hôm nay ông ngoại có thăm nuôi?

Thằng Cọp quân sĩ:

- Hồi chiều ở bên nhà trẻ chúng con trông thấy ông ngoại mặc đồ đẹp.

Ở trại giam khi mặc đồ đẹp là đi gặp gia đình. Thấy ông ngoại cứ ờ ờ, thằng vua sốt ruột:

- Sắp đến kẻng nhập buồng rồi ông ngoại.

Ông ngoại phì cười nhìn đám trẻ tương lai của đất nước nói riêng nhân loại nói chung:

- Xong rồi, quý vị đừng có lo, tôi đã biết phải làm gì và tôi đã sắp sẵn, quý vị nói chuyện tôi nghe mấy câu đi.

Con cán bộ chấp pháp lại khôn:

- Thằng Bắc đừng có vòi vĩnh ông ngoại, hỗn, cô giáo bảo trẻ con không được đòi hỏi.

Ông ngoại lên tiếng hỏi:

- Ở đây mới có ba đứa, còn ba đứa nữa đâu?

Thằng trật tự can thiệp ngay:

- Chúng con mang về cho các em ấy.

Con nữ hoàng kể lể:

- Mẹ chúng ẵm chúng ra ngoài khu vui chơi nói chuyện với bồ.

Thằng vua:

- Má con Tiểu Hỉ cũng có bồ rồi.

Thằng quân sĩ:

- Má con không có bồ.

Con chấp pháp thẩm vấn:

- Ai thăm ông ngoại.

Thằng tù Cọp:

- Bà ngoại thăm ông ngoại.

Ông ngoại buồn:

- Bà ngoại ở bên Mỹ.

Thằng quân sĩ phỏng vấn:

- Thế ai thăm ông ngoại?

Ông ngoại khai:

- Bà hàng xóm của bà ngoại lên thăm ông ngoại.

Lũ trẻ con nhâu nhâu:

- Ông ngoại có thăm thêm giờ không?

- Thăm thêm giờ là "bà ngoại nhí" có bầu.

- "Bà ngoại nhí" sẽ đẻ ra em bé.

- Ông ngoại sẽ có con như tụi con.

Con nữ hoàng chợt la nhỏ:

- Ông ngoại đừng thương "bà ngoại nhí" nghe.

- Tại sao?

- Để ông ngoại thương tụi con.

- Ừ, cũng được, tụi bay ở tù miết hóa ra ma mãnh hết. Ngồi chờ đây tao vào lấy quà cho.

Bác già vào phòng mang ra một cái bị cói đưa cho ba đứa trẻ:

- Trong này có sáu gói bằng nhau và giống nhau cho sáu đứa, lớn nhỏ gì như nhau hết, ông ngoại cho các con mang về chia nhau. Ngoan, ông ngoại thương.

Ba đứa trẻ nhảy từ trên ghế xuống đứng khoanh tay cám ơn ông ngoại. Thằng vua và thằng quân sĩ khiêng cái bị đi trước, con nữ hoàng hay con dệ nhất phu nhân gì đó đi sau. Kẻng vào phòng đổ hồi, ba đứa trẻ cũng rảo bước chạy nhanh về phòng giam của chúng như những tù nhân khác trong trại. Cái bị cói ông ngoại xách thấy nặng thế mà mấy đứa trẻ mang như bay.

Bác già cầm quạt nan che lên đầu dù là trời sắp tối, chậm chạp đi vào phòng bệnh. Bác ở tù đến năm thứ mười bảy và vì là tù binh không có án cho nên bác cũng không biết đến bao giờ mới hết. Bác không thuộc một chế độ nào nữa cả, bác thuộc về lịch sử. Vào phòng bệnh bác chui vào mùng cho khỏi muỗi, nghĩ tới những người tù trẻ mới bị bắt và những đứa bé mới sinh ra đời. ‡

Thảo Trường

Huntington Beach, June 09, 1993

NGU YÊN

người hỡi xa nhau thật rồi

Em ơi
Mai mốt rồi
xa xôi
Một ngày chưa xa là nhớ điên cuồng
là thu gió nhớ mùa xuân gió lạnh
Người và tình yêu chờ chia ly
Có gai trong nỗi buồn
Có đau trên môi cười
Có nhau trong đôi ngày
thế thôi

Em ơi
Mai mốt rồi
Anh đi
Còn ai nâng niu từng chút vui buồn
Còn ai vuốt nếp đời nhăn mỏi mệt
Còn ai xoa tan ngày lo âu
Có ai cho đêm nồng
Có ai cho môi mọng
Có ai cho da thịt hân hoan

Em ơi
Mai mốt rồi
làm sao?
Còn đầy thân em ngàn dấu kỷ niệm
Còn đó vẫn ướt nụ hôn xé thịt
Còn đầu ngón tay lột hương da
Dấu răng nhai hơi người
Dấu râu khơi em cười
Dấu tay xuyên qua tình
Dấu anh trong vô hình đam mê

Em ơi
Mai mốt rồi
Ai hay
Chờ vầng trăng lên lạnh ngắt tâm hồn
là nhớ những giấc ngủ khuya có tình
là sầu quay quắt sờ trăng không
Có khi anh yêu mình
Có khi anh thuê người
Có khi hôn mê lòng nhớ nhung

Em ơi
Mai sớm là anh đi
Mình nằm bên nhau cùng kéo đêm dài
Cùng thở thán khí vành môi sát người
Cùng vòng tay ôm cột tình nhau
Xác thân không chia lìa
Máu tim chung một dòng
Suốt đêm yêu cho đầy kiếp sau.

Em ơi
Trời sáng là anh đi
Buồn dù đã biết mà vẫn đau buồn
Trời vừa hừng sáng
Người đã lên đường
Người cười như khóc
Người bước như lùi
Người cầm đôi tay vào lòng xe hơi
Người ngậm đôi môi vào tận tim tôi
Giữa lúc khởi hành
Thấy khóe người buồn
Thấy ghét cuộc đời ly tan

Bánh nghiến từ từ
Cán nát tình người
Dã khóc mà lệ không rơi
Một thoáng hơi cay
Một chút hiên ngang
Vận tốc tăng lên bình thường
Một ngã tư quen
Một khúc cua quanh
là đã xa nhau thật rồi
Lòng chợt đau nhói buồn cấn ngang lời
Thà là hèn nhát để khóc yêu người

Đường dài tôi đi về miền xa xăm
Đường rộng thênh thang càng làm cô đơn
Trí nhớ tràn đầy
Bóng dáng của người
Trí nhớ dịu dàng lúc yêu đương
Trí nhớ bàng hoàng
Những lúc giận hờn
Trí nhớ bùi ngùi
lúc phân ly
Lệ đã không rơi buồn sẽ không vơi
Buồn sẽ đeo theo lòng người
Ngày đã qua trưa
Chiều sắp cơn mưa
Người hỡi xa nhau thật rồi.

LEO TOLSTOY
NGUYỄN KHANH dịch
theo bản Anh ngữ của LOUISE và AYLMER MAUDE

nguyện cầu

Và khi cầu nguyện, các ngươi đừng có lải nhải giống như bọn ngoại giáo: chúng cứ tưởng hễ nói nhiều thì sẽ được nhậm lời. Chớ bắt chước chúng vì Thiên Chúa là Cha các ngươi đã biết rõ các ngươi cần gì, trước khi các ngươi mở miệng xin Ngài.

Một vị Giám mục đi thuyền từ Archangel đến tu viện Solovétsk, trên thuyền còn có một nhóm người hành hương đi viếng đền thờ của tu viện này. Cuộc hành trình thật tốt đẹp: buồm căng gió, thời tiết êm ả, dễ chịu. Nhóm người hành hương nằm trên boong, kẻ ăn, người tụm năm tụm ba nói chuyện với bạn đồng hành. Vị Giám mục cũng vậy, Ngài lên boong tàu tìm chỗ nghỉ lưng. Trong lúc đang đảo mắt tìm chỗ, Ngài chợt để ý thấy một nhóm người đứng ngay trước mũi tàu chăm chú nghe một người đánh cá nói chuyện, vừa nói ông ta vừa đưa tay chỉ ra phía biển. Vị Giám mục đứng lại, đưa mắt nhìn về hướng tay của người đánh cá nhưng Ngài chẳng thấy gì ngoại trừ ánh nắng chói lòa trên mặt nước. Ngài tiến lại gần hơn để nghe cho rõ, nhưng người đánh cá vừa thấy bóng dáng Ngài đã vội vàng bỏ mũ cúi chào và cắt ngang câu chuyện không nói tiếp. Đám người đứng xung quanh cũng bỏ mũ, cúi đầu chào vị Giám mục.

"Các ông cứ nói chuyện tiếp đi", vị Giám mục ôn tồn bảo. "Tôi muốn đến nghe xem ông này kể chuyện gì đó mà."

"Thưa Đức Cha", một ông thương gia coi có vẻ sáng sủa nhất trong bọn đáp, "Anh ta đang kể cho chúng con nghe chuyện mấy nhà tu khổ hạnh đó ạ."

"Thế à", vị Giám mục lên tiếng. "Ai tu khổ hạnh vậy?" Ngài bước qua một bên mạn thuyền, ngồi xuống trên một chiếc thùng để gần đó. "Ông kể cho tôi nghe với. Lúc nãy tôi thấy ông chỉ trỏ cái gì vậy?"

"Bẩm Đức Cha, ở hòn đảo nhỏ đằng kia kìa", vừa trả lời người đánh cá vừa giơ tay chỉ về phía mũi thuyền, hơi nhếch sang bên phải một tí. "Các vị tu khổ hạnh sống ở trên đảo để ăn năn chuộc tội đó ạ."

"Đảo nào vậy?" vị Giám mục đưa mắt nhìn. "Tôi chẳng thấy gì cả."

"Dạ Đức Cha cứ nhìn theo tay con chỉ là thấy ngay, ở mãi tít đằng kia cơ ạ. Đức Cha có thấy đám mây không nào, ngay ở dưới đám mây Đức Cha chỉ nhìn nhích sang bên trái một tí là thấy ngay. Hòn đảo nằm ở chỗ đó đó ạ."

Vị Giám mục chăm chú nhìn theo, nhưng đôi mắt đã yếu của Ngài không thấy gì ngoại trừ ánh nắng chói lòa trên mặt nước.

"Tôi chẳng trông thấy gì cả", ông bảo. "Thế ông có biết những người sống khổ hạnh đó là ai không?"

"Dạ có, các vị ấy thánh thiện lắm ạ", người đánh cá vồn vã trả lời. "Trước đây con đã nghe nói về họ nhưng mãi cách đây hai năm con mới có dịp gặp họ lần đầu."

Sau đó, người đánh cá kể lại câu chuyện của ông cho mọi người cùng nghe. Một bữa ông ra khơi quăng lưới, ban đêm thuyền của ông bị nước cuốn trôi dạt vào đảo mà ông không hay. Sáng hôm sau, ông lên đảo xem, bất ngờ tìm thấy một ngôi nhà xây bằng đất và gặp một ông già đứng bên cạnh căn nhà. Vừa lúc đó, có thêm hai người nữa từ trong nhà bước ra. Cả ba cho ông ăn, giúp ông phơi quần áo và sửa chữa thuyền cho ông.

"Hình dáng họ thế nào", vị Giám mục hỏi.

"Bẩm Đức Cha, một ông thì nhỏ con, lưng lại bị còng. Ông này mặc chiếc áo chùng thâm của các cha dã cũ lắm rồi ạ. Con nghĩ ông ta phải hơn trăm tuổi là ít, chòm râu bạc con thấy cũng đã đổi màu, đặc biệt là lúc nào ông cũng cười, mặt mày sáng láng như thiên thần. Ông thứ hai cao lớn hơn nhưng cũng già lắm rồi, mặc chiếc áo của mấy người làm nghề nông đã rách tả tơi, có chòm râu rậm rạp màu nâu. Ông này khỏe lắm, dùng tay không lật chiếc thuyền đánh cá của con dễ như bỡn, thật tốt và vui vẻ lắm ạ. Ông thứ ba cũng cao, râu trắng như bông dài tới tận đầu gối, mặt mày trông thật nghiêm nghị, lông mày sâu róm, trên người chỉ khoác mỗi tấm vải bố ở ngay thắt lưng."

"Thế họ có nói chuyện với ông không?" vị Giám mục hỏi tiếp.

"Con thấy họ ít nói lắm họ, thỉnh thoảng mới nghe người này nói với người kia một câu. Con để ý thấy chỉ cần đưa mắt nhìn nhau là họ đã hiểu chuyện rồi. Con có hỏi ông cao nhất là các ông ở đây đã lâu chưa, thế là ông này hầm hầm khó chịu, lầu bầu điều gì ra vẻ

giận dữ. Ông già nhất thấy vậy vội nắm tay cái ông cao này cười, ông ta im miệng ngay. Con chỉ nghe ông già nhất này nói có mỗi một câu *Xin Thương Xót Chúng Con* và cười thế thôi."

Trong lúc người đánh cá kể chuyện, chiếc thuyền lướt đến gần hòn đảo hơn.

"Bây giờ Đức Cha có thể nhìn rõ hơn được rồi", ông thương gia vừa nói vừa đưa tay chỉ về phía hòn đảo.

Vị Giám mục đưa mắt nhìn, hòn đảo từ xa chỉ là một vệt đất dài. Đứng nhìn một hồi lâu, vị Giám mục mới cất bước rời mũi tàu đi vào phòng lái. Ông lên tiếng hỏi người thủy thủ đang cầm lái:

"Hòn đảo kia tên gì vậy?"

"Dạ thưa Đức Cha, không có tên ạ. Ở ngoài khơi có rất nhiều hòn đảo như vậy ạ."

"Tôi nghe bảo có mấy vị sống khổ hạnh ở trên đó, ăn năn chuộc tội phải không?"

"Con cũng có nghe như vậy, nhưng con không biết là có thật hay không. Dân thuyền chài nói là họ đã gặp mấy người đó rồi, sự thật thế nào thì con không rõ."

"Tôi muốn ghé lên hòn đảo đó gặp họ có được không?"

"Dạ thưa chiếc thuyền này không có cặp bờ trên đảo được", người thủy thủ lái tàu trả lời. "Con nghĩ nếu Đức Cha muốn, phải có người chèo ghe đưa Đức Cha vào đảo. Việc đó Đức Cha nên hỏi ông thuyền trưởng."

Vị Giám mục cho người mời ông thuyền trưởng đến cho Ngài hỏi chuyện. Ngài nói với ông thuyền trưởng:

"Tôi muốn ghé lại hòn đảo kia để thăm mấy nhà tu khổ hạnh, ông có thể giúp tôi được không?"

Ông thuyền trưởng tìm cách lung lạc vị Giám mục:

"Thưa được chứ ạ, nhưng mất thì giờ lắm. Nếu Đức Cha cho phép con xin được góp ý kiến. Con chỉ sợ Đức Cha tốn công một cách vô ích thôi. Con nghe bảo mấy lão già sống trên đó dở dở ương ương, chẳng hiểu biết chuyện gì cả, chẳng nói chuyện với ai, miệng câm như hến."

"Tôi nhất định ghé thăm họ", vị Giám mục trả lời. "Tốn phí bao nhiêu tôi sẽ trả cho ông. Ông làm ơn giúp tôi ghé lên đảo."

Biết không thể thay đổi được ý định của vị Giám mục, ông

thuyền trưởng ra lệnh cho thủy thủ đổi hướng lái đi về phía hòn đảo. Một chiếc ghế được đặt ngay trước mũi tàu cho vị Giám mục ngồi, hành khách trên tàu đổ xô về trước mũi mắt nhìn thẳng về hướng hòn đảo. Những người mắt tốt có thể bắt đầu nhìn thấy những tảng đá trên đảo, thấy căn nhà đất mà ông đánh cá kể cho họ nghe. Cuối cùng, có người nhìn thấy bóng dáng của những nhà tu khổ hạnh. Ông thuyền trưởng lấy ống nhòm ra nhìn, trước khi đưa cho vị Giám mục. Ông nói:

"Trình Đức Cha con thấy có ba người đứng trên bờ. Đức Cha xem, họ đứng ngay bên phải tảng đá lớn đó ạ."

Vị Giám mục cầm chiếc ống nhòm, nhắm hướng mà ông thuyền trưởng vừa bảo. Qua ống kính, Ngài thấy ba người: một ông cao, một ông thấp hơn và một ông lùn còng lưng. Cả ba đang nắm tay nhau đứng trên bờ.

Ông thuyền trưởng thưa với vị Giám mục:

"Thuyền con không đi vào sâu hơn được nữa. Con sẽ bỏ neo ở đây, nếu Đức Cha muốn vào bờ con sẽ cho anh em thủy thủ chèo ghe đưa Đức Cha đi."

Chiếc thuyền dừng lại, thủy thủ bắt đầu lo thả neo, cuốn buồm. Chiếc thuyền đang ngon trớn bỗng giật mạnh một cái và đứng khựng lại. Sau đó, thủy thủ đoàn thả một chiếc ghe nhỏ xuống, một vài thủy thủ được lệnh cũng xuống theo, cuối cùng là vị Giám mục leo thang bước xuống ngồi trong ghe. Thủy thủ mạnh tay chèo, chiếc ghe lao đi như tên bắn về hướng hòn đảo. Còn cách bờ chẳng bao xa, họ có thể thấy rõ hình dáng của những nhà tu khổ hạnh: ông cao nhất quấn tấm vải bố quanh lưng, ông thứ hai mặc bộ quần áo nông dân đã rách nát, và ông thứ ba già nhất trong bọn bị còng lưng mặc chiếc áo chùng thâm đã cũ kỹ. Cả ba đứng nắm tay nhau nhìn chiếc ghe đang tiến dần đến họ.

Đám thủy thủ kéo chiếc ghe lên bờ, giữ chặt để cho vị Giám mục bước xuống. Ba nhà tu khổ hạnh già nua cúi thấp đầu chào vị Giám mục, trong khi ông đưa tay ban phép lành cho họ. Ông bảo họ:

"Tôi nghe nói có các ông sống ở trên đảo cầu nguyện, ăn năn chuộc tội, sống đời thánh thiện nên tôi ghé thăm. Tôi là đầy tớ Nhà Chúa, được Chúa thương gọi đi rao giảng lời Người dạy. Không biết tôi có giúp được gì cho các ông không."

Cả ba người tu khổ hạnh nhìn nhau mỉm cười, nhưng không ai nói một lời nào cả.

Vị Giám mục nói tiếp:

"Các ông cho tôi biết các ông làm gì để ăn năn đền tội, các ông sống trên này phục vụ Chúa như thế nào?"

Một trong ba người ngước mắt nhìn vị Giám mục, sau đó lại đưa mắt nhìn sang người già nhất. Vị già nhất trong bọn lúc đó cười trả lời:

"Bẩm, chúng con không biết phục vụ Chúa như thế nào cả. Chúng con ở đây chỉ biết giúp đỡ lẫn nhau thôi."

"Được", vị Giám mục nói. "Thế các ông cầu nguyện với Chúa ra sao?"

"Bẩm chúng con cầu nguyện như thế này ạ", vẫn ông già nhất lên tiếng trả lời. "Ba Đấng Trên Trời xin thương đến ba đứa chúng con dưới đất."

Khi ông này nói xong, cả ba người đồng loạt ngước mắt nhìn lên trời, miệng hô to:

"Ba Đấng Trên Trời xin thương đến ba đứa chúng con dưới đất."

Vị Giám mục cười, ôn tồn bảo:

"Thế ra các ông cũng biết về Chúa Ba Ngôi, chỉ tiếc là các ông không cầu nguyện đúng cách, nhưng lòng chân thật của các ông làm cho tôi cảm động quá. Tôi thấy rõ các ông muốn phụng sự Thiên Chúa nhưng không biết phải làm gì. Lời cầu nguyện các ông vừa đọc sai rồi, nhưng không sao cả, tôi sẽ chỉ cho các ông. Tôi sẽ chỉ cho các ông lời cầu nguyện không phải của tôi mà của chính Chúa dậy cho nhân loại đã được ghi lại trong Sách Thánh."

Vị Giám mục sau đó bắt đầu lên tiếng giải thích cho cả ba ông biết Thiên Chúa đã mặc khải con người ra sao, nói cho họ biết Thiên Chúa Ba Ngôi, Ngôi thứ nhất là Cha, Ngôi thứ hai là Con và Ngôi thứ ba là Chúa Thánh Thần.

"Chúa Ngôi Hai xuống thế làm người" vị Giám mục giảng tiếp, "để chuộc tội cho thiên hạ. Người đã dạy chúng ta cầu nguyện như thế này. Bây giờ các ông nghe cho kỹ rồi lập lại lời tôi chỉ nhé. Lạy Cha."

Một người trong bọn lập lại "Lạy Cha", rồi đến người thứ hai cất tiếng "Lạy Cha", người thứa ba cũng đọc theo "Lạy Cha".

"Chúng Con ở Trên Trời", vị Giám mục đọc tiếp.

Người đầu tiên lập lại "Chúng Con ở Trên Trời" không khó khăn, nhưng người thứ hai có vẻ ấp úng và người thứ ba là ông cao nhất không lập lại được câu này một cách rõ ràng. Ông này râu dài che phủ cả miệng, thành thử ông nói rất có nghe. Ông già nhất miệng móm không còn một cái răng nào, cũng nhóp nhép lập lại lời vị Giám mục một cách khó khăn.

Vị Giám mục nhắc lại một lần nữa và cả ba ông già cùng lập lại. Vị Giám mục ngồi trên một hòn đá, ba ông già đứng trước mặt Ngài chăm chú nhìn miệng Đức Cha để nhắc lại lời cầu nguyện Ngài chỉ dẫn cho họ. Cả một ngày trời vị Giám mục cất công dạy dỗ, lập lại Kinh Lạy Cha hàng chục, hàng trăm lần cho ba vị tu khổ hạnh. Mỗi lần thấy họ ấp úng, đọc sai, vị Giám mục cố gắng sửa chữa và bắt họ đọc lại từ đầu, nhất quyết không rời đảo cho tới khi cả ba người đều thuộc lòng. Ông già lưng còng đứng giữa là người thuộc câu kinh đầu tiên, có thể đọc một mình từ đầu cho đến cuối. Vị Giám mục bảo ông này đọc đi đọc lại, cho tới khi người cuối cùng có thể tự mình đọc được mới thôi.

Mãi đến lúc trời tối, trăng đã lên cao, vị Giám mục mới rời đảo. Khi Ngài đứng lên, cả ba ông già đều quỳ xuống sát đất tiễn Ngài. Ngài nâng từng người dậy, ôm hôn họ và nhắc nhở đừng quên cầu nguyện với Thiên Chúa bằng câu kinh Ngài mới chỉ. Sau đó Ngài lên ghe ra về.

Ngồi trên ghe, đám thủy thủ đưa tay chèo trở về thuyền, vị Giám mục nghe thấy rõ mồn một tiếng ba ông già tu khổ hạnh, đang lập lại câu kinh mà họ mới học được. "Lạy Cha Chúng Con ở trên trời, chúng con nguyện danh Cha cả sáng..." Cho mãi tới khi chiếc ghe đến gần chiếc thuyền đang bỏ neo đợi, tiếng cầu kinh của họ mới mất hẳn cho dù dưới ánh trăng Ngài vẫn có thể nhìn thấy bóng họ đứng trên bờ y như lúc mới chia tay với Ngài: người còng lưng đứng giữa, người cao nhất đứng bên phải, người còn lại đứng ở bên trái.

Ngay sau khi vị Giám mục lên thuyền, viên thuyền trưởng ra lệnh nhổ neo, căng buồm đi tiếp. Vị Giám mục ngồi đằng sau lái tiếp tục nhìn về phía hòn đảo. Trong một thoáng chốc, ông vẫn còn nhìn thấy bóng những nhà tu khổ hạnh, cho đến khi không còn trông thấy họ nữa và hòn đảo chỉ còn là một dải đất mờ. Cuối cùng, hòn đảo cũng biến mất trong màn đêm, chỉ còn lại ánh trăng chói lòa nhảy múa theo sóng nước.

Đám người hành hương bắt đầu nằm ngủ, trên boong yên lặng như tờ. Vị Giám mục vẫn còn thức, một mình đằng sau lái nhìn xuống mặt nước, nhìn về phía hòn đảo đã xa tắp không còn thấy dạng và nghĩ đến những ông lão già nua hiền lành, chất phác sống trên đó mà Ngài mới gặp. Ngài sung sướng khi nghĩ đến chuyện các ông lão này giờ đây đã biết cầu nguyện, biết đọc kinh Lạy Cha và cảm tạ Chúa đã cho Ngài có cơ hội gặp gỡ những người hết lòng tôn thờ Chúa để hướng dẫn họ.

Vị Giám mục tiếp tục ngồi yên như vậy, suy nghĩ và nhìn theo sóng nước, theo ánh trăng nhảy múa trên mặt biển, trước mắt Ngài. Bỗng dưng Ngài chợt nhìn thấy một vật lạ chói lòa, sáng rực trên mặt biển đang no đầy ánh trăng. Một con hải âu hay một chiếc thuyền con nào chăng? Vị Giám mục vừa đưa tay dụi mắt vừa thắc mắc.

"Có lẽ là một chiếc thuyền nhỏ", Ngài tự nhủ, "nhưng chẳng mấy chốc chiếc thuyền này sẽ đuổi kịp thuyền mình. Mới lúc nãy thấy còn thật xa, bây giờ đã thấy gần hơn quá nhiều. Chắc chắn không phải là loại thuyền buồm rồi vì không nhìn thấy có dấu hiệu gì của chiếc buồm cả. Nhưng dù là cái gì đi chăng nữa", vị Giám mục tiếp tục nghĩ, "vật lạ này hình như cố ý bắt cho kịp thuyền mình đây mà."

Ngài tiếp tục nhìn vật lạ nhưng không tài nào đoán ra nổi. Không phải thuyền, chẳng phải chim, cũng không có hình thù của loài cá. Chắc chắn không phải là người rồi, vì vật này to lớn hơn vả lại làm sao có chuyện người đi giữa biển. Vị Giám mục đứng dậy, nói với người cầm lái:

"Này ông thử nhìn xem vật gì vậy? Trời ơi, cái gì vậy?" Ông lập lại câu hỏi với người lái thuyền, cho dù bây giờ ông đã nhìn rõ vật lạ: ba nhà tu khổ hạnh nắm tay nhau chạy trên mặt nước, cả ba tỏa ánh sáng chói lòa, ngay cả bộ râu bạc màu của họ cũng vậy. Họ tiến thật nhanh đến chiếc thuyền, tựa hồ như chiếc thuyền đang đứng yên một chỗ.

Người thủy thủ lái tàu đưa mắt nhìn theo hướng vị Giám mục chỉ. Anh ta buông tay lái hét to với giọng sợ hãi:

"Lạy Chúa tôi, mấy ông tu trên đảo đang đi trên mặt biển kìa."

Đám hành khách nghe tiếng anh la, chồm dậy ùa nhau ra đứng xem đằng sau lái. Tất cả bây giờ đều nhìn thấy rõ ba nhà tu khổ hạnh đang nắm tay nhau lướt trên mặt nước, hai người đứng hai bên

giơ tay vẫy ra dấu cho chiếc thuyền dừng lại, cả ba không ai cử động chân mà vẫn lướt thật nhanh. Chiếc thuyền chưa kịp ngừng họ đã lướt đến mạn thuyền, cùng nhau ngửng đầu và đồng loạt cất tiếng nói:

"Lạy đấng tôi tớ nhà Chúa", họ nói với vị Giám mục, "những gì Ngài dạy chúng con đã quên hết rồi. Cứ lập đi lập lại thì chẳng sao, vậy mà chỉ ngừng một tí là cả bọn đều quên cả, không đứa nào nhớ được hết. Xin Ngài dạy lại cho chúng con với."

Vị Giám mục đưa tay làm dấu Thánh Giá, nhoài người ra khỏi mạn thuyền đáp:

"Chúa sẽ nhậm lời cầu nguyện của các Ngài, con đây không xứng đáng để chỉ cho các Ngài. Xin các Ngài đừng quên thêm lời cầu nguyện cho chúng con là những kẻ tội lỗi."

Nói xong, vị Giám mục cúi đầu trước ba nhà tu khổ hạnh đã già nua, cả ba vị quay lưng lại tiếp tục đi trên mặt nước y hệt như đi trên đất liền để trở về lại hòn đảo. Mọi người ở trên thuyền ngước mắt trông theo bóng dáng sáng ngời của họ, chỉ biến dạng vào lúc trời ửng sáng. ‡

Dịch tặng anh Nguyễn Đức Liêm và Hinh.

DỖ KH.

khokke le zoute

Bên bờ Biển Bắc
Bà Ba Béo
Không còn
Không còn
Bán bánh bèo

Bà ấy bây giờ khác trước xa
Mảnh mai mềm tôi nhìn không ra

....
Trong cõi người ta
....

CAO XUÂN HUY

quyền tối thiểu

- Không, không thể nào có chuyện đó được. - Nét mặt Toàu biến đổi thật nhanh, lúc hân hoan, lúc đau khổ - Tao không thể tin được...

Thành cười hóm hỉnh:

- Kíuh thưa mày, lúc gánh tranh về trại, chính mắt bố mày thấy vợ mày vào văn phòng "khung", dù nhìn từ xa, dù vợ mày thay đổi khá nhiều, nhưng bố mày lầm thế chó nào được.

- Tao không bảo mày lầm hay không lầm, tao chỉ không tin là vợ tao bị kẹt lại, và bây giờ mò ra tận đây thăm tao.

- Bố mày chỉ trình với mày như vậy. Còn tin hay không là việc của mày, và được thăm nuôi hay không là việc của "khung". Bố mày đếch có trách nhiệm.

Toàn trầm ngâm:

- Phải chi lúc nãy tao gánh tranh về...

- Mày vẫn không tin? Mặc xác mày. Thôi, cất tranh đi con trai. Bố mày đếch nói chuyện với mày nữa.

Toàn thắc mắc:

- Mày biết quá rõ gia đình tao. Vợ tao đã vượt biên đếu gần cả năm nay. Tại sao lại có chuyện ra thăm nuôi...

- Vấn đề không ở chỗ vợ mày bị kẹt lại hay không bị kẹt lại, mà vấn đề ở chỗ, một chút nữa, mày có được thăm nuôi hay không.

Mặt Toàn ngẩn ra:

- Chắc là phải được thăm nuôi chứ. Tuy không được biểu dương nhưng tao chưa bao giờ bị phạt, bị kỷ luật. Nhưng mà... Có chắc là vợ tao không đã... Hay mày nhìn gà hóa quốc...

- "Một trăm em ơi" là vợ mày.

- Vậy thì chắc chắn tao phải được thăm nuôi... vì tao không làm điều gì trại gọi là sai trái.

- Ừ, thì cứ hy vọng đi con. Nhưng, mày nhớ một điều, hôm nay không phải ngày thăm nuôi. Thôi, - Thành nhìn vạt tranh - cất hết vạt này chắc là đủ một gánh nữa. Bố bó lại cho mày gánh về.

- Giờ này mới gánh về thì còn nước mẹ gì nữa.

*

Trời lạnh cóng tay, gió thổi buốt mặt, tranh ướt sương nhớp nháp, bẩn. Khó chịu. Toàn cúi xuống tiếp tục cắt tranh, lưỡi liềm cắt vào tay, máu lẫn vào sương ướt loang đỏ cả nạm tranh.

Toàn đưa ngón tay chảy máu vào miệng. *Máu mặn. Anh tưởng anh đang uống những giọt nước mắt của em, người đàn bà đã chia sẻ với anh những tháng ngày hạnh phúc và khổ đau. Anh tưởng như đang ôm em vào lòng, đang ôm tấm thân bé bỏng nồng cháy, đang ngửi lại mùi thơm của mái tóc dài mà anh say mê ngay từ phút đầu gặp gỡ. Anh tưởng như đôi môi nứt nẻ vì lạnh, vì đói của anh đang ấp lên đôi môi em. Anh tưởng như anh đang hòa nhập vào em, tan ra trong thân thể vợ anh, nghe lại những lời nói dịu dàng của người đàn bà mãi mãi là của anh.*

Toàn ngồi phệt xuống, ngả lưng trên đống tranh chưa bó. *Không, anh và em sẽ không thể nói một lời nào, bởi vì vợ chồng mình có quá nhiều điều để nói. Khi người ta có quá nhiều điều để nói, người ta sẽ không nói được gì. Người vợ yêu quý của anh, em có biết anh nhớ em đến là chừng nào, anh yêu em biết là chừng nào... Em yêu của anh, chỉ vài tiếng đồng hồ nữa thôi, không lâu lắm đâu phải không em, không lâu đâu phải không em. Anh như điên lên đây em biết không?*

Cùng với những tưởng tượng miên man, Toàn ngạc nhiên thấy những cảm xúc nôn nao, háo hức tưởng từ lâu không còn đang cuồn cuộn như sóng dâng lên trong lòng. Người chàng hừng hực như làm tan biến cả cái lạnh buốt của mùa đông.

*

Tiếng Thành oang oang mắng nhiếc:

- Tiên sư nhà anh, bao nhiêu thằng mơ ước được ngủ ở nhà khách với vợ, anh lại vác mặt vào đây. Chắc là vợ anh có thằng khác, đếch cho anh ngủ chứ gì, hay là anh đã liệt dương mẹ nó rồi, không còn làm ăn gì được nữa, sợ vợ nó chê, nó về kiếm đứa khác... Tiên sư nhà anh...

Toàn nhíu mày, nói nhỏ:

- Nói thật với mày, không phải tao không yêu, không phải tao không thèm vợ, không phải tao không đủ sức, mà vợ tao cũng chẳng có gì thay đổi cả, tuy có xấu đi một chút, già thêm một chút. Nhưng, không được, tao không... tao không... thích, thế thôi.

- Đồ ngu. Mày là thằng đàn ông ngu nhì trên thế gian này, mày hiểu không.

Toàn ngớ ra:

- Tại sao lại ngu nhì?

- Tao luôn luôn là một thằng nhân đạo. Nhân đạo thật chứ không phải nhân đạo vẹt như mình vẫn nghe ra rả hằng ngày đâu. Không bao giờ tao cho ai điểm nhất, và cũng không bao giờ cho ai điểm bét. Hạng nhì còn để chỗ cho thằng khác hy vọng lên hạng nhất, và tao cho mày ngu nhì là để an ủi mày, để mày hy vọng may ra còn có thằng ngu hơn. Nhưng cái ngữ mày, tao thấy khó có hy vọng lắm.

- Đồ điểu.

- Chứ không à? Bao nhiêu thằng bon chen, nịnh hót, kiếm điểm, làm "ăng ten", bôi mặt hại anh em, đồng đội chỉ để mơ ước một ân huệ là được ngủ đêm với vợ trong ngày thăm nuôi. Mày "bất chiến tự nhiên thành", vậy mà mày lại bỏ con vợ trẻ ngon lành của mày nằm trơ ra với muỗi mà mày chịu được à?

- Mày tưởng tao không đau khi quyết định bỏ vào trại sao?

Thành dịu giọng:

- Mày nói thật đi, có gì trục trặc giữa vợ chồng mày không?

- Không trục trặc mẹ gì cả. Tao không thích, thế thôi. Và dĩ nhiên vợ tao không biết là tao được ngủ lại nhà khách.

- Gàn, ngày xưa mày là lính chứ mày có phải là thày giáo chó đâu mà giở thói đồ gàn ra đây. Mẹ kiếp *con không ăn muối con ươn; con không ngủ với vợ, trăm đường... vợ con hư*, nghe không con.

- Nếu chỉ vì không ngủ với chồng một đêm mà vợ tao hư, thì tao cũng đành chịu thôi.

- Tiên sư cha nhà anh, vậy thì anh là thằng ngu nhất rồi, chứ không còn được hưởng ân huệ hạng nhì nữa. Không phải đêm nay chỉ có nghĩa đơn thuần là một đêm, hiểu không con trai, bao nhiêu năm chờ đợi trước đây, và sau hôm nay, bao nhiêu năm sau này nữa vợ anh mới lại được gặp cái mặt mẹt của anh. Bố anh muốn nói lỡ một đêm là lỡ cả một quãng đời dài, nghe thủng ra không con trai? Sao anh dại thế? Anh hãy giải thích cho bố anh nghe đi.

- Thì tao cũng đến chịu thôi, Thành ạ.

- Chịu thôi? - Thành ngạc nhiên - Như vậy là nghĩa làm sao?

Toàn gằn giọng:

- Nghĩa làm sao? Nghĩa làm sao hả? *Các anh được hưởng chính sách khoan hồng nhân đạo của cách mạng, cách mạng đã tha tội chết cho các anh, giáo dục các anh trở thành người tốt cho xã hội, lại còn cho gia đình đến thăm, lại còn được hưởng đặc ân ngủ lại đêm với vợ nữa...*

Thành cười:

- Chứ còn gì nữa. Mẹ kiếp, mày đừng lập lại như một con vẹt những câu thằng nào cũng thuộc chứ.

- Tao tưởng mày có khá hơn một chút. Mày hãy nghĩ xem, ừ, hãy động não thử xem. Vợ chồng ngủ với nhau mà là một đặc ân à? Ngủ với vợ mà cũng phải có thằng cho phép à? Thú vật ngủ với nhau cũng không phải là đặc ân của ai hết mà. Hừ, thái độ ngạo nghễ thi ân. Tao hèn, tao không dám chống đối, nhưng ít nhất, tao cũng còn có cái quyền tối thiểu là không thèm nhận sự ban phát ấy chứ. ‡

Cao Xuân Huy

HOÀNG CHÍNH

Tiền thân

Nắng
thơm vuông ngực trắng ngần
Thiền sư bỏ núi, xuống trần
bâng khuâng.
Ngàn xưa đốn củi trên rừng,
gã tiều tôi
giữa muôn trùng,
ngẩn ngơ.
Tội nàng vượn nhỏ làm thơ
ghen thầm với gió và mưa,
ít nhiều.

Vai mềm, dáng nhỏ
xiêu xiêu
đốt đêm củi nở
gã tiều phu tôi.

HOÀNG CHÍNH

ni cô

Ý
từ câu nói đong đưa
từ con mắt liếc
dạ thưa
ngại ngùng

Lời
tan trong gió bão:
đùng!
da thơm đã vội giăng mùng,
trải drap

môi ngoan nạt cái tâm tà
mười nam sám hối
cũng là hư không

THƯỜNG QUÁN

của gió hạn

Tặng Phạm Việt Cường, Chân Phương

Tháng hạ cháy tiêu trầm hoang phế
không ai còn giữ những ngôi nhà
Cỏ lấn át mọc xuyên nền vách phông trần
chấn song bản lề cửa ngõ rỉ sét cỏ tái sinh
Giờ hẹn của gió hạn phải về trên đất
phủ phục tóc đơm hoa trắng bạc
Cỏ xanh ngơ chào đời trong những đêm khuất lấp
côn trùng cắn bấu rễ lặng thinh
Cuộc sinh hạ trong đất ẩm không máu ướt
chỉ những nhánh rễ giấc ngủ khô bị đánh động
là biết kẻ nào toàn vẹn kẻ nào phế tật
Những kẻ chào đời dưới trời tăm tối
đám hôn chúa chưa đổi ngôi
Trăng trong sương bít ngọn đèn lu vú sữa gầy guộc
Đêm nhểu chảy nước kháng sinh
Hãy nhớ, cỏ! mặt trời chiếc đầu đá khô khốc
Của sa lầy trong cát
Những gối đá mồ côi.

Tháng hạ mây đá vôi trám bít cạn kiệt
sông tử cung cát trầm đọa kinh kỳ tắc nghẽn
Nước - những tiếng kêu khan
đằng sau những ngôi nhà trống hoác rớm đỏ cổ sơ sinh

Người mẹ - một khoảnh chiếu cói sờn
những chiếc bóng cất nón đi ra không trở lại
Đừng hỏi có nên mọc lấn qua những chỗ cát bồi
Mấy đụn cát vô chủ gió đã mang đi
những con đường mất dấu
Biển còn là một bóng ảo xa xôi
trong mắt-phù-thủy-chân-trời
Chẳng ai trên đường dấy bụi ta nằm
đất đai ngươi cứ phủ lấp
Cứ tự nhiên mọc đưa đầu qua chiếc cửa lũ đóm xăm xoi
Cỏ của những khuya sống trở lại
Sương nhỏ đổi canh côn trùng giọng lạ
Làng thôn bó chiếu xiêu tán gò bồi
Những chiếc răng sâu những đầu sọ cổ sơ mở miệng
Trận gió kinh thiên thời gian lấp núi
Đá va vào biển trống bặt tăm trăng còn chấn thương hãi sợ.
Mà cỏ, chúng ta chỉ là những bó gân
rễ nhánh bẩm sinh chứa những trận sốt
Trên đường biên chờ một tiếng gõ cửa
Một tiếng sấm khô một trận roi da đập động miếng vỡ
Đằng sau biển lụt khuôn mặt thân sơ
Trên cao lửa cháy tóc trắng lão già
Chúng ta chiếc miệng đắng mô hình lập lại
Chiếc họng chân trời vô vọng
Trận hạn còn trận gió chưa đi qua
Nền vách giữa khoảng lặng

Nhắm cặp mắt đất
Hồi niệm lần bước ra
Đêm thăm thẳm
Tiếng khóc tìm theo lũ sóng chạy ngược
Lẫm đẫm mớ tóc lau xóa nhòa bài cuồng ca
Trên chiếc xoáy đầu tinh vân xoay vòng thống thiết:
- Hãy bước ra! Ngươi là ta. Là cháy biến không ngừng
Là phế tật, toàn bích, rỗng không, sôi sục
Là từng trận sáng thoắt lên giữa chập chùng mông muội
Đá va vào biển trống lại thăm thẳm u minh, người ta là
Kẻ ra đi đầu tiên kẻ trở về phút cuối
Vẫn một mình: cỏ của gió hạn.

Tiếng không gian, tiếng cười to ấy trận gió cửa đầu
Như từ đấy trên đường đi tiếng trùng lập
của những trận mưa thầm thấm mất vào cát
Những trận mưa cốt chỉ để lại
hơi mốc, mùi bụi ẩm, dấu mộc mờ nhạt
Trên trang giấy mùa khô
ngoài kia cánh đồng nhăn rúm đòi bắt cháy
Viền tai nghe, nghe hết, lầm lì
Nền vách thời gian vết cắt của trăng hồi khứ
Chiếc lưỡi gió mù lại đập dậy đứa trẻ con
Đi, phản loạn, phất phơ xanh không khứ tích
Mùa hạ vùng trầm địa tàn tạ dấy hương.

ĐINH PHỤNG TIẾN

phù du

Và Hạnh bước xuống con dốc. Từ đây mình đi xuống cho đến hết đời, Hạnh thầm nghĩ thế. Huấn đã thỏa thuận cùng với Hạnh ký tên trong tờ đơn ly hôn cuối tuần qua. Văn phòng luật sư đang xúc tiến những thủ tục cần thiết để có thể kết thúc thật nhanh vụ án theo ý muốn của hai người. Từ đây Hạnh sẽ đi lầm lũi trên những con dốc, với bé Thi, đứa con gái duy nhất và là kết quả của cuộc sống vợ chồng giữa hai người.

Chiều nay, thêm một nỗi buồn xót xa chợt đến, khi Hạnh chuẩn bị rời tiệm ăn trong phố Tàu. Hạnh nhớ lúc đặt những đồng tiền "típ" trên đĩa, thì người đàn ông ấy nhìn Hạnh một cách rất lúng túng. Rất nhanh, Hạnh đã nhận ra người đàn ông nọ. Trong một giây, Hạnh quyết định bén nhậy như một cầu thủ đã lừa được trái banh tới trước khung thành, và sút vào một góc hiểm hóc nhất. Hạnh ung dung bước tới bàn ông ta, lễ phép chào... thưa bác. Người đàn ông ấy lúng túng giây lâu, rồi dường như để che lấp điều không bình thường ấy, ông đưa bàn tay ra. Hạnh nắm lấy tay ông, hỏi thưa bác vẫn khỏe? Ông đáp, cám ơn... cám ơn cháu. Hạnh trao đổi với ông vài câu xã giao và xin số điện thoại. Hạnh bước nhanh ra khỏi tiệm ăn, và Hạnh quay lại nhìn vào chỗ người đàn ông ấy đang ngồi, khi hai cánh cửa tự động đang từ từ khép lại. Mái tóc đã bạc phơ và đôi kính trắng gọng đồi mồi của người đàn ông là hình ảnh cuối cùng giữa hai cánh cửa vừa khép kín.

Hạnh đi lên con dốc cao. Lòng đường hẹp. Phố xá lao xao bởi nhiều loại ngôn ngữ khác nhau của thành phố San Francisco, làm cho Hạnh liên tưởng đến một chỗ nào đó của đường Đồng Khánh. Những toa xe điện cùng tiếng chuông leng keng cho Hạnh nhớ đến một nơi nào đó của bờ hồ Hà Nội xưa. Con dốc mà Hạnh đang đi lầm lũi một mình dưới bầu trời cuối đông đang đưa Hạnh vào trong không gian Đà Lạt của dĩ vãng.

Hạnh tiếp tục đi lên con dốc ấy trong một cảm giác dập dềnh

trên những thân sóng ngoài biển khơi. Con thuyền đưa gần bốn chục người cùng với Hạnh đã mất hướng đến ngày thứ mười tám. Xăng dầu, lương thực và nước uống đã hết. Huấn đã nhường cho Hạnh một nắp bi đông nước lạnh như một liều thuốc hồi sinh. Đêm ấy trời lặng gió, biển đen êm ả. Con thuyền bơ vơ không biết sẽ đi về đâu. Thân xác Hạnh rã rời, khô quắt. Hạnh ôm chặt lấy Huấn, tìm miệng chàng để nút những giọt nước miếng cuối cùng trong miệng người đàn ông xa lạ. Huấn nằm yên, bất động. Hạnh tưởng chàng đã chết. Nhưng những giọt nước miếng ấy đã không làm cho Hạnh bớt cơn khát bỏng.

Hạnh vẫn đi lên con dốc ở giữa phố Tàu. Những tiếng nói to và ồn ào mang âm hưởng Trung Hoa quanh Hạnh làm cho Hạnh, trong một góc nào đó, có một niềm thông cảm với những tâm hồn xa xứ. Những người Trung Hoa mà ở vào thế kỷ trước, đã đến đây với hy vọng tìm kiếm những núi vàng. Nhưng dường như những quả núi vàng ấy cũng biết trò chơi cút bắt. Một số người đông đảo đã xuôi về miền nam để hy vọng tìm thấy những núi vàng mới. Còn lại, những con người mệt mỏi. Và phố Tàu của San Francisco ngày nay sầm uất. Nhà cửa, đất đai cũng đắt giá như vàng.

Khi Hạnh bước chân tới thành phố San Francisco lần đầu, là cảm giác của một nửa thân quen, một nửa hết sức bơ vơ và xa lạ. Tâm hồn tha hương lại quay về với với tiếng chuông tầu điện leng keng quanh bờ hồ của một Hà Nội năm xưa. Lòng phố hẹp, vỉa hè đông người qua lại cho Hạnh một Sài Gòn với phố Tàu Đồng Khánh. Con dốc và những ngôi nhà cổ của không gian Đà Lạt cuối đông.

Gần bốn chục người trên chiếc thuyền mỏng manh cùng với Hạnh đã được cứu sống khi nó tấp được vào bờ biển Mã Lai. Đến tận bây giờ, Hạnh vẫn không thể biết được rằng, Hạnh đã là vợ của Huấn vì tình hay vì nghĩa. Những giọt nước miếng trong miệng Huấn ở giữa biển đêm đen hay những ngày tháng mà Huấn đốn củi trong rừng già Mã Lai khi còn ở đảo. Trong đời, dường như Hạnh chưa hề biết tình yêu là gì. Với Huấn, vẫn là một con người xa lạ. Cho đến khi bé Thi chào đời, thì Hạnh biết rằng mình đã là vợ của Huấn. Thoắt Hạnh rùng mình. Trời cuối đông có những hơi gió khô se làm cho Hạnh chợt tê tái. Hạnh cảm thấy như có những giọt mồ hôi nhỏ lăn tăn trong cổ áo. Và, trong phút giây, Hạnh chợt cảm

thấy kinh hoàng quá đỗi. Dường như ý nghĩ ấy, đã có một lần mẹ đã nói như thế. Mẹ bảo, khi sanh con ra đời, mẹ mới biết rằng mẹ đã là vợ của bố. Rồi mẹ khóc, như một niềm ăn năn, như một lời cầu khẩn để xin Hạnh tha thứ. Không. Không. Mẹ đã làm con tủi nhục. Con không bao giờ bỏ qua những điều nhơ bẩn như thế. Bây giờ mẹ không còn nữa. Hạnh khóc ngất, và hình bóng người đàn ông tóc bạc dang lãng đãng trong vùng nước mắt.

Gần bốn mươi tuổi đầu, Hạnh cảm thấy hình như tình cảm của mình vẫn như thời con gái. Những nỗi buồn bâng quơ, những niềm vui không tên chợt đến rồi đi. Hạnh nhớ những ngày cuối đông đi với mẹ bên hồ. Những hột lạc rang nóng hổi trong túi áo. Những toa tầu diện, lại tiếng chuông leng keng, đưa Hạnh về khung trời thơ ấu. Hình bóng của bố mờ nhạt bên mâm đèn thuốc phiện. Suốt đời, cho đến khi mẹ nằm xuống, Hạnh chưa bao giờ được đi chơi với bố một lần. Cho đến khi vào miền Nam, mẹ Hạnh vẫn ngược xuôi buôn bán khắp nơi và, đã nhiều lần Hạnh đi theo với mẹ trong những chuyến buôn xa. Hạnh đã bắt gặp mẹ... với người đàn ông ấy ở một phòng trọ, khi xuống một ga xép miền Trung, qua đêm hôm ấy. Đó là lần đầu tiên trong đời mà một vết thương cùng một lúc đã khoét sâu trong tâm hồn Hạnh. Hạnh vội vã bỏ dở cuộc hành trình, một mình lặng lẽ xuôi về nam. Năm ấy Hạnh mười bốn tuổi. Vết thương ấy sẽ không bao giờ lành lại được. Mãi mãi vẫn là một vết hằn trong tâm khảm. Từ đó Hạnh không còn được đi với mẹ nữa. Đúng ra, Hạnh không đi với mẹ nữa. Nhưng Hạnh biết rất rõ rằng người đàn ông ấy vẫn tiếp tục đi với mẹ Hạnh trên mỗi chặng đường. Những chuyến buôn xa trên những toa tầu là những buổi hẹn hò bất chính. Những phòng trọ sân ga, những bến xe có nơi ngủ dỗ qua đêm cùng những chuyến hàng rong ruổi là thời gian gần gũi của hai người. Hạnh đã khóc tưởng chừng như đã hết nước mắt. Một lần, Hạnh đã đem điều ấy nói cho bố nghe. Hạnh nhớ, bố chỉ lặng đi. Khuôn mặt bố không biểu lộ một cảm xúc nào. Thái độ ấy cho Hạnh hiểu lờ mờ rằng dường như bố đã biết tất cả. Hạnh thương bố quá. Hạnh chờ đợi bố phải có một phản ứng tích cực hơn. Chẳng hạn, bố phải bắn chết gã đàn ông ấy. Nhưng bố đã không làm. Gia đình Hạnh, từ đó phân liệt. Ba con người là ba ốc đảo cô đơn. Cho đến khi bố qua đời thì người đàn ông ấy công khai đến căn nhà gia đình Hạnh. Nhiều lần Hạnh tính bỏ nhà lặng lẽ ra đi. Hạnh sẽ làm như Hạnh đã làm một mình trong lần bỏ dở cuộc hành trình trước

đây để xuôi về nam. Một lần, mẹ nói với Hạnh rằng, mẹ yêu người đàn ông ấy. Khi sinh con ra đời, mẹ mới biết rằng mẹ là vợ của bố, mẹ nói thế trong vùng nước mắt nghẹn ngào. Những niềm bí ẩn ấy đến tận bây giờ Hạnh vẫn chưa được ai giải đáp. Suốt cuộc đời của mẹ là một đời lận đận. Cho đến một thời gian, Hạnh nhớ là sau 75, mẹ buồn lắm. Hạnh biết mẹ khóc hằng đêm. Và người đàn ông ấy không thấy đến với mẹ mữa. Cuộc sống cơ cực và nỗi cô đơn khiến cho mẹ già đi mau chóng. Lúc ấy, Hạnh mới cảm thấy thương mẹ một phần. Nhưng càng thương mẹ bao nhiêu thì Hạnh càng thù hận người đàn ông ấy bấy nhiêu. Lúc ấy tóc mẹ đã bạc trắng vì buồn phiền. Tròng mắt đục khô sau nhiều lần khóc trong đêm. Da mẹ đang điểm những vết đồi mồi báo hiệu tuổi già đang đến.

Hạnh tiếp tục leo lên con dốc của phố Tàu mệt mỏi. Cuộc hành trình Hạnh đang đi hoàn toàn không có ai chia sẻ. Con dốc cao, bầu trời thấp và đục. Những cơn gió lạnh ngọt khiến lòng tha hương nhớ về một thị trấn của quê nhà. Tiếng gió reo bên tai, Hạnh nhớ đến những đồi thông mà tiếng reo trong kẽ lá ở tít trong không. Thời ấy, tình cảm của Hạnh đang căng như một sợi dây đàn. Chỉ một chút xao xuyến trong lòng cũng đủ ngân lên những âm thanh rền rĩ. Thời ấy, tình cảm Hạnh như một con thuyền trôi nổi lênh đênh. Hạnh đã tắm ánh nắng của quê nhà. Hạnh đã hít thở mùi nhựa mới bay trong gió những đồi thông. Nhưng những ngày ấy Hạnh vẫn chỉ có một mình. Một mình trong một hoàn cảnh nghiệt ngã. Bố sống một cuộc đời lặng lẽ trong tăm tối, với mâm đèn của một người nghiện hút. Mẹ rong ruổi trên những chuyến buôn xa với một người đàn ông xa lạ. Trong cùng một lúc, Hạnh thương bố đồng thời cũng bất bình về sự nhu nhược của bố. Trong cùng một lúc, Hạnh cảm thấy thương mẹ đồng thời cũng căm giận về những bước đi quá trớn của mẹ. Với người đàn ông ấy, Hạnh không giấu diếm nỗi căm hờn. Suốt trong tuổi thanh xuân, Hạnh chưa hề được sưởi ấm bởi than lửa tình yêu. Đứa con gái cô đơn vẫn sống một cuộc đời cô quạnh.

Khi người đàn ông ấy đột nhiên vắng bóng vào thời kỳ sau 75, mẹ như một tầu lá rũ. Những chứng bệnh của tuổi già và những chứng bệnh của nhiều nguyên nhân khác nhau đã đến với mẹ trong một hoàn cảnh hết sức ngặt nghèo. Căn nhà mẹ con Hạnh ở vốn đã xơ xác dần dần trở nên cùng quẫn. Một mình Hạnh bươn trải không đủ cho hai mẹ con. Mẹ nằm trên giường bệnh, nhưng vẫn luôn luôn nhắc tới tên người đàn ông ấy. Việc ấy càng làm cho

Hạnh thêm bối rối và khó chịu hơn. Khi mẹ phải vào nằm trong bệnh viện thì Hạnh gần như đã kiệt sức về mọi mặt. Hạnh vẫn phải chịu đựng mọi khó khăn một mình, không người chia sẻ. Nhưng bất ngờ, một buổi chiều kia, người đàn ông ấy trở lại.

Hạnh nhớ rõ cái buổi chiều hôm ấy. Người đàn ông đã đến bên giường bệnh, nơi mẹ nằm, với dáng mệt mỏi. Ông ta đặt bàn tay thô lên vầng trán của mẹ và gọi, em... em... Lúc ấy Hạnh tính bỏ ra khỏi bệnh viện mà đi rất xa, nhưng không biết Hạnh đã nghĩ thế nào, lại thôi. Và như một phép mầu, khuôn mặt mẹ sáng rỡ. Hạnh thấy rõ vầng trán của mẹ, dưới bàn tay thô của người đàn ông, thoắt rực rỡ. Những nét sầu đau tan biến mà chỉ còn là một sự bình yên. Sự bình yên của những thảo nguyên xanh. Sự bình yên thiên thần. Và mẹ khóc. Sau những dòng nước mắt, Hạnh đã thấy lại ánh mắt của mẹ trong thời xuân sắc. Người đàn ông nói nhỏ bên tai mẹ nhưng Hạnh nghe thấy rõ, anh xin lỗi em. Mẹ nói yếu ớt, anh không có lỗi... lúc nào em cũng cầu mong anh được bình yên. Người đàn ông ấy nói qua từng hơi thở ngắn, chúng ta đã làm tất cả những gì chúng ta có thể làm được. Nhưng đến nay, anh hiểu rằng chúng ta không thể xa nhau. Bây giờ là lúc anh đã trở về bên em mãi mãi. Mẹ nói, em cám ơn anh. Trong đời, em đã có những thời gian có anh, dù giá rất đắt, thế cũng đủ cho em. Người đàn ông hạ thấp giọng xuống, anh sẽ ở bên em mãi mãi. Một lần nữa, Hạnh nghe mẹ nói, em cám ơn anh. Lúc ấy hai hàng nước mắt của mẹ trào ra, mẹ nấc những tiếng nhỏ yếu ớt. Đêm hôm ấy, mẹ đã trút hơi thở cuối cùng trong tay người đàn ông rất xa lạ với Hạnh. Căn phòng mầu trắng của bệnh viện buồn tênh. Tiếng máy nổ của chiếc xe cũ đưa mẹ xuống nhà xác gầm rú từng hồi. Hạnh tưởng mình không khóc, nhưng có vị mặn ở trên môi. Nước mắt đã trào ra nhòe nhạt. Những bóng đèn lung linh. Mẹ nằm đó. Em ngủ đi, ngủ đi... người đàn ông nói thế như trong một cơn mê...

Hạnh bước chân xuống thuyền sau đó một năm. Gần hai mươi ngày lênh đênh trên biển khơi. Những giọt nước miếng của Huấn và những ngày đốn củi trong rừng già Mã Lai đã cột đời Hạnh với Huấn đến ngày hôm nay. Cho đến khi bé Thi ra đời thì Hạnh biết rằng mình đã là vợ Huấn. Người đàn ông đã cho Hạnh một đứa con, giờ này đang quanh quẩn bên những sòng bài Roulette ở Las Vegas.

Hạnh không muốn lặp lại cuộc hành trình định mệnh của mẹ. Cho nên Hạnh đã thỏa thuận với Huấn để cùng ký tên trong tờ đơn ly hôn. Điều ấy, sau này Thi sẽ hiểu. Trong cùng một lúc, tâm hồn Hạnh ngập tràn những điều mâu thuẫn. Hạnh nghĩ mình sẽ đi xuống con dốc trước mặt kia một mình, suốt đời. Nhưng đồng thời, những tình cảm của một thời con gái bỗng trở về. Và Hạnh khao khát một tấm tình yêu. Một tấm tình yêu của một thời mới lớn với một người đàn bà trong buổi xế chiều. Ôi, những buổi chiều tha hương. Những buổi chiều quạnh quẽ. Những buổi chiều chất chứa những kỷ niệm quê nhà buồn bã. Hạnh nhớ, sau khi chôn cất mẹ được một tuần thì người đàn ông ấy trở lại căn nhà Hạnh đang ở. Đáng lẽ, lúc ấy Hạnh đã đuổi ông ta ra khỏi nhà. Nhưng dường như, tận trong một góc nào đó của tâm hồn mình, Hạnh xúc động mạnh khi hồi tưởng đám tang của mẹ. Người đàn ông ấy đã làm hết sức mình cho mẹ được ngủ yên. Hạnh đã thấy ông quỳ bên mộ mẹ mà nói nhỏ, em ngủ đi... ngủ đi. Lúc ấy, khuôn mặt ông như tượng đá, tợ hồ như những đau thương giống như làn nước đang trôi mà khuôn mặt ấy chìm ngập trong những nỗi đau buồn. Lần ấy, ông đã đến để tạ lỗi với Hạnh. Ông giải thích cho Hạnh hiểu rằng, cuộc tình giữa ông và mẹ về phương diện hình thức thì không đúng. Chính vì thế mà những việc làm không công khai giữa ông và mẹ đã đem đến biết bao nhiêu là hệ lụy. Họ đã có ý định xa nhau, để trả lại cho nhau mỗi cuộc đời riêng rẽ. Nhưng những tính toán ấy, là thêm một lần nữa cho những lần nhầm lẫn. Đó là lần cuối cùng trước khi ra đi Hạnh gặp ông. Hôm ấy, Hạnh thấy ông tiều tụy quá. Bất chợt, Hạnh nắm lấy tay ông kêu to, bác Phước. Rồi Hạnh bỏ chạy vào nhà trong, gục đầu lên gối khóc nức nở. Tên người đàn ông ấy là Phước. Nhưng suốt tự Lồi nào, Hạnh cố tình muốn tránh không nhắc tới cái tên đó.

Chiều hôm nay, một niềm xót xa xâm chiếm tâm hồn Hạnh, khi Hạnh tình cờ gặp người đàn ông tên là Phước trong một tiệm ăn ở phố Tàu. Ông đã già. Mái tóc bạc trắng.

Hạnh bắt đầu bước xuống con dốc để trở về nhà. Có lẽ Thi đã ngủ sớm. Phố đã lên đèn từ lâu. Sương mù bao quanh những ngọn đèn vàng. Bác Phước bây giờ ở đâu? Vì sao bác có mặt ở nơi này? Đó là những câu hỏi mà Hạnh muốn có câu trả lời. Hạnh cảm thấy ân hận về thái độ của mình khi bất ngờ gặp ông trong tiệm ăn.

Hạnh tiếp tục bước xuống con dốc. Người đàn ông ấy đã ít nhất

có một thời cho mẹ nguồn hạnh phúc. Người đàn ông ấy đã đi với mẹ đến hết cuộc đời. Người đàn ông ấy, trong một phần đời nào đó, đúng ra là ân nhân của Hạnh. Hạnh nghĩ thế. Và Hạnh bước nhanh về nhà. Hạnh đi, mang theo tất cả những nỗi buồn và niềm vui trong đời mình. Hạnh thầm cám ơn người đàn ông tên là Phước ấy. Người đàn ông trước đây hoàn toàn xa lạ với Hạnh, nhưng ngày hôm nay ông đã trở nên gần gũi.

Hạnh bước vào nhà, để lại bên ngoài những nỗi xôn xao, và những ồn ào phố xá. Bé Thi đã ngủ rồi. Hạnh vào phòng, đứng bên giường con bé một hồi lâu. Vầng trán thơ ngây của con bé, thoắt giống hệt vầng trán của mẹ mà những sầu đau đã tan biến dưới bàn tay thô của bác Phước ngày nào. Hạnh thảng thốt kêu lên, Thi ơi... Thi ơi, mẹ... mẹ ơi... và cùng một lúc, lẫn lộn trong những âm thanh thảng thốt của mình, Hạnh nghe thấy cả những tiếng thầm... ngủ đi em... ngủ đi. Hạnh muốn ngủ yên trong lời ru của người đàn ông ấy. Con thuyền đang đi vào giữa đêm đen. Bầu trời lộng gió mang những tiếng thông reo của quê nhà. Mẹ đã ngủ thật rồi. Ít ra, trong đời mẹ cũng đã có một lần được ngủ dưới những lời ru êm ái. Mẹ đã cám ơn người đàn ông ấy, một lần trước khi lìa đời. Hạnh muốn theo mẹ, ít ra cũng một lần bầy tỏ lòng biết ơn của mình đối với người đàn ông ấy. Và Hạnh nhấc điện thoại để gọi cho bác Phước, ngay trong đêm nay... ‡

Đinh Phụng Tiến

PHÂN ƯU

Nhận được tin trễ Giáo sư

ĐOÀN NHẬT TẤN

Nhà văn hoá uy tín tác giả cuốn "Chúng ta đi về đâu?", tập thơ "Ngụ ngôn" và nhiều công trình nghiên cứu về giáo dục, văn học, ngữ học. Cộng tác viên lâu năm của tạp chí Văn Học

Vừa từ trần tại Úc ngày 26 tháng 3 năm 1993, hưởng thọ 74 tuổi.

Xin trân trọng phân ưu cùng gia đình Giáo sư Đoàn Nhật Tấn, và cầu chúc cho linh hồn Giáo sư được tiêu diêu miền Cực Lạc.

Võ Phiến, Nguyễn Mộng Giác, Tạ Chí Đại Trường, Từ Mẫn Võ Thắng Tiết, Châu văn Thọ, Trịnh Y Thư, Cao Xuân Huy, Thạch Hãn, cùng toàn thể cộng tác viên của tạp chí Văn Học, Văn Lang, nhà xuất bản Văn Nghệ, nhà xuất bản An Tiêm, Thanh Văn.

TRẦN MỘNG TÚ

trong khu vườn mùa hạ

Gửi Bùi Bích Hà, Diệu Chi, Quỳnh Giao

Mùa Hạ đem mặt trời rắc lên cỏ
gót chân son nôn nả những vòng quay
tia nước bắn ướt đầm vai áo mỏng
đất thở hơi nồng như sau cơn say

Hoa Impatien đã lan đến ngõ
một loài hoa từ chối sự đợi chờ
chúng nở trước khi mùa chưa kịp đến
như người xa về gõ cửa bất ngờ

Những viên sỏi ngủ say choàng thức dậy
dắt nhau đi rửa khuôn mặt trắng tinh
con sâu nhỏ đang co mình trong kén
bỗng vươn vai thành con bướm đa tình

Lưỡi cuốc nhỏ hôn lên từng mảnh đất
những mầm xanh non mọc rất tình cờ
gió và nắng cùng ngỏ lời tình tự
hoa bông goòng bay trắng xóa như mơ

Cành Iris soi mặt vào khung kính
nắng thủy tinh rạch từng vệt tháng Năm
Nàng ngừng tay thở giữa vườn mùa Hạ
ngực rám hồng, hương Sunkist thơm căng

Hàng cây trên cao giơ bàn tay vẫy
sông chảy hiền hòa bầu trời thật xanh
núi tình tứ và Nàng lên tiếng gọi
mùa Hạ rất đầy, sao thiếu mình anh!

Hoa Impatien: Hoa vô kiên - Iris: Hoa lan đất mầu xanh - Sunkist: Loại cam đỏ ở Mỹ.

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

bao nhiêu buồn bã

Buổi sáng, một hồi chuông điện thoại réo tôi, và rồi giọng anh bạn buồn bã cất lên:

- Biết tin gì ở Việt Nam chưa?

- Chưa, chưa, có chuyện gì rắc rối hả?

Anh nói vắn tắt và vội vã về chuyện mấy chục ngàn người biểu tình tuyệt thực ở khuôn viên chùa Thiên Mụ hay Diệu Đế gì đấy và cả ở lề đường Lê Lợi... nghĩa là xuống đường, đấu tranh, tuyệt thực, tự thiêu...

Mỗi người buồn theo một cách riêng. Riêng anh bạn tôi thì có vẻ lo âu nhiều hơn là buồn:

- Bao nhiêu đứa nước ngoài trông mong cho mọi người trong nước hãy đổ máu...

- Đổ máu hộ mà làm sao chẳng trông mong...

- Có điều tôi lại chỉ sợ tụi Bắc Bộ Phủ tranh chấp quyền lợi với nhau, lại nhân cơ hội dân đen bất bình, chúng mượn gió bẻ măng, lợi dụng xương máu mọi người để tiện tay thanh toán lẫn nhau.

- Nghĩa là chẳng đấu tranh được cho tự do, dân chủ, hòa bình hay thịnh vượng quái quỷ gì hết?

Anh bạn tôi thở dài áo não:

- Thời buổi nào bọn dầu cơ chính trị vẫn lanh tay lẹ mắt hơn tất cả mọi người.

Tôi bỏ điện thoại ra ngắm trời:

Ngó qua Diệu Đế bốn lầu ba chuông

và nghĩ: biết đâu, có một góc trường, một mái chùa, một gác chuông, một đường hầm xe lửa, một ngọn lau úa vàng xơ xác đâu đó vẫn nhớ tới tôi và vẫn đợi tôi về? Như tôi vẫn nhớ chúng, vẫn muốn về thăm qua, dù tôi chẳng lấy gì làm ghét bỏ nơi đây. Vì đâu cũng vậy, cũng có người thương kẻ ghét, người thân kẻ thù, điều xấu làm mình buồn nôn và điều vui làm mình rơi nước mắt... Như một người tình chung thủy, tôi không nỡ nói lời nặng nhẹ cái chốn đang cưu mang mình, dù chẳng phải vàng son lộng lẫy, ba dặm một tiệc rượu, mỗi xuống ngựa một vàng dâng, chưa trọng đãi mà cũng chẳng bạc đãi, tôi không có gì trách cứ vì chẳng có tư cách gì, mà

thương mến đậm đà thì chắc vì còn thiếu thời gian! Biết đâu năm mười năm nữa tôi lại chẳng khóc thương bịn rịn vì phải rời bỏ nó!

Bạn tôi lại than (một anh bạn khác):

- Mỗi sáng thức dậy, tôi lại thấy buồn quá. Biết bao nhiêu điều phải làm, phải học, tôi đã làm, đã học, làm mãi học hoài mà vẫn thấy chưa tới đâu là đâu.

- Bộ sợ chết tới nơi rồi sao? Hay hoài cổ mênh mông nổi dậy, sợ một mai mình đi mất, trên thế gian này cóc còn ai nhớ đến ta chăng?

- Có thể đúng, dám lắm, sao bỗng dưng, tôi thấy đời ngắn ngủi quá bạn ạ.

- Tôi thì chỉ ước lúc sống, có ai muốn tử tế với tôi thì làm ơn tử tế giùm, sao lại phải đợi tôi ngủm củ tỏi rồi mới đọc lời ai điếu, thì liệu có ích lợi gì cho cái thân thể sình thúi của tôi?

Nếu mai anh chết, em có buồn không?
Sao em không đến khi anh còn sống?

Tôi vẫn thường nghe Chế Linh rên lên như thế, thật là thẳng thừng, thật là tát nước vào mặt, há chẳng đã đời sao? Chừng nào tôi còn sống, quyết không để ai lừa gạt hoặc lợi dụng tình cảm của tôi, và khi chết rồi thì xé giấy nợ, quên tuốt hết cõi trần. Như vậy không ai có thể mắng tôi là kẻ trắng tình hay đen tình.

Bạn tôi vẫn không hết buồn nên vẫn nghe có tiếng thở dài thườn thượt bên kia.

Một hôm, có chuyện đi chơi (chứ chẳng phải hẹn hò gì) với một con nhỏ nọ, nó thủ thỉ tâm sự:

- Đàn ông sao dở quá hà, mặt thì lộm cộm những râu và mụn, mình mẩy thì sù sì như da cóc, em chỉ mê đàn bà tụi mình, đứa nào già trẻ lớn bé gì, mặt mũi chân tay cũng dều láng trơn như lụa, lại thoang thoảng mùi hương mà không cần tới mấy thứ nước hoa giả tạo.

Nó nhận xét độc đáo quá, làm tôi phải giật mình và bất giác đưa tay lên mũi ngửi. Ngạc nhiên, thấy quả là mình cũng có mùi thơm.

Trước kia, tuy không nhiều, nhưng tôi vẫn ảm thấy hơi hơi thương hại cái con bé chỉ chuyên môn đi mê đàn bà con gái lẫn nhau! Cứ ngờ thâm tâm nó có điều gì không an lạc lắm, hoặc một nỗi đau đớn hoặc một điều bất bình phật ý, đến bây giờ thì tôi mới ngẩn ngơ người mà thấy cô bạn trẻ thật trong sạch, thật tinh ranh hơn tôi hàng vạn lần!

Tuy nhiên, dẫu tinh ranh và trong sạch như thế mà nó vẫn buồn!

- Cứ công bình mà nói, thì hễ cứ mình thương ai, thì chẳng ai nỡ ghét lại mình. Có thể không thương lại được, nhưng chẳng thể ghét, dù là cùng phái hay khác phái. Có điều thương nhau mãi thì cũng phải có lúc chán, hoặc mình chán nó hoặc nó chán mình, nhưng chung quy là chán, đến phải bỏ nhau mà mê người khác thôi, bà có thấy vậy không?

Tôi cũng ngậm ngùi thay cho cái giọng nói dường như rơi lệ của nó!

Rồi tính sổ thầm: đã có bao giờ trong đời, tôi đã yêu, chết mê chết mệt một ai đó, yêu khùng yêu điên, yêu bỏ nhà bỏ cửa, bỏ cha bỏ mẹ, bỏ vợ bỏ chồng, yêu muốn tan thành nước, muốn biến thành mây, muốn bay thành khói mà đến giờ vẫn yêu mãi ngàu năm? Tôi ngấm hai bàn tay mình trống trơn, nghe trái tim đập bình thản, và có lẽ mắt nhìn có hơi thất thần ngơ ngác, thì dâm ra tuyệt vọng.

Bởi vì tại sao, mọi người, và cả tôi nữa cứ phải giả bộ kêu than những lời oán trách kẻ bạc tình, ca vang lời chung thủy và nêu cao những tấm gương tiết liệt đoan trinh... Trong khi tự tôi, tôi lại cho sự thay đổi là một điều rất tự nhiên cần thiết, không xấu mà cũng chẳng phải tốt, chỉ tự nhiên thế thôi! Vậy thì cái gì đã làm cô bạn thông minh của tôi lại hết sức buồn? Vụ này thì vì bí lối, nên tôi đổ dại là có giời mới biết.

Và nếu cứ như đói thì ăn cho hết đói, tức thì nói cho đã tức, thèm cái gì đó thì đớp cho đã thèm, hiểu theo nghĩa nào cũng được, nhưng buồn thì làm sao đây? Vác súng bắn cũng không hết buồn, sỉ vả mãi thì chỉ tổ mỏi miệng, than thở to to nhỏ nhỏ thì điếc tai người nghe, ôi *dục phá thành sầu tu dụng tửu*, muốn dứt sầu thì phải nhậu, nghe cũng không phải là vô lý lắm. Nhưng nếu có lân la thăm hỏi vài người rồi hỏi là, có phải cốc rượu đầu tiên anh chị nhấp trong đời là để cho tiêu cái sầu lai láng đi không, thì ai nấy đều hất vai ngoảnh mặt mà lắc đầu nguầy nguậy. Hay là "sầu đong càng lắc càng đầy", đã lỡ buồn rồi thì nên nằm yên chứ động đậy, vì càng quậy bao nhiêu thì lại càng buồn bấy nhiêu! Lời tiên tri đó cho tới sáng hôm nay tôi mới nhận ra được?

Tôi vẫn lạc quan tin rằng, thời buổi này văn minh tiến bộ, bệnh gì rồi ra cũng chưa hết được, cứ như bệnh AIDS cà chớn nọ, không chữa được thì cũng chận đứng lại như chơi, chả lẽ khoa học tiến bộ

của chúng ta lại đầu hàng căn bệnh buồn tênh tầm thường này hay sao? Rồi đâm ra tiếc mình tuổi đã già, sức đã yếu, tính lười biếng đã dâu dây nổi dậy, nếu không thì tôi sẽ hiến thân cho y khoa tìm cho ra cái thứ thuốc trị bệnh buồn!

Trong niềm ân hận và nuối tiếc đó, tôi thường có những biện pháp như trên vừa kể, ngoài ra còn những môn ngoại khoa vô thưởng vô phạt như, đối với mấy đứa trẻ đáng tuổi con tuổi cháu tôi mà than buồn vì bị bồ đá, vì cha mẹ ruột nó cấu xé và lăng mạ lẫn nhau vì tranh chấp tài sản hoặc lẽ phải sau khi ly dị, buồn vì không lấy được vợ hay chồng vừa ý, buồn vì thấy người lớn càng ngày càng làm bậy mà lại càng bắt nạt con nít, hoặc buồn vì học hành giỏi giang, đỗ đạt rồi thì lại thấy trống rỗng vì chẳng muốn đua theo mọi người kiếm tiền, cua đào, nhảy nhót, đua xe hơi, uống bia, đánh bạc... nói chung chung là môn thuốc trong không uống chỉ ngoài thoa của tôi thường là câu nói vô thưởng vô phạt:

- Ôi, con nít mà bày đặt buồn làm gì!

Nhưng vài đứa bực bội vì bị gọi là con nít, quay lại xì nẹc tôi:

- Bộ buồn là độc quyền của người lớn sao?

Ủa, buồn là một thứ bệnh, cớ sao lại có đấu tranh giai cấp, có độc tài chuyên chế và dính liền là có cách mạng tư hữu và tập thể? Thường nghe nói *chia buồn* và *góp vui*, còn trung niên thi sĩ Bán Dùi Bùi Văn Bốn thì lại nói: *vui quá giả bộ buồn*.

Vậy thôi, trẻ buồn theo trẻ, già buồn theo già, thuốc nào mà chữa cho lại?

Các bậc học giả uyên thâm thì lại bảo trong kinh sách nói: có một cảnh giới, nếu bước vào được thì sẽ chấm dứt mọi chuyện: không buồn, không vui, không tranh chấp, không bệnh tật, không lo thuốc chữa. Tôi chưa từng biết cái cảnh giới ấy ra sao và ở đâu nhưng chỉ mới nhắm mắt tưởng tượng đến đó là đã thấy hâm mộ và dễ chịu lắm.

Một hôm vui chân lạc bước vào chốn tôn nghiêm, tôi đứng nhìn lên, ngắm mấy bức tượng trên bàn thờ: tượng Chúa, tượng Đức Mẹ, tượng Phật Thích Ca, tượng Quán Thế Âm, tượng Bồ Đề Đạt Ma, tượng Di Lặc... Có tượng buồn nhỏ lệ, có tượng vui nở nụ cười, tượng thẫn thờ, tượng trầm tư, tượng băn khoăn, tượng thương xót... Không hiểu sao, tôi bỗng lý luận rằng: trước khi trở thành tượng, tất cả đã là những người buồn nhất trần gian. ‡

Nguyễn Thị Hoàng Bắc

KHẾ IÊM

giả tảng

Dẫm lên quá khứ
Dìu dịu nghe trái tim ngàn năm rong sương

ở bên kia đường hầm đốm lửa xanh hắt hiu
ở bên kia rừng đồi lũ chim chóc khác nhau
về chiều nghìn trùng
Trên ngực biếc mênh mông, giấc mơ

Ai hát ca nhanh, phiếm du mãi lời hong phơi
Cuồng môi, tóc bay
Lăn lóc đời ngày, hỏi quê đâu
man mác dòng sông

Đội cho khoảnh khắc vòng kẽm gai
Ngồi chờ nỗi đổ vỡ, im sững
Lẩn lút trong cõi bến, tang thương sao

Đốt cháy bao nhiêu cánh gió buốt
Mắt hoen, góc núi ngun ngút quên
Như xa, những hồn nước và đất
Đã qua phân tranh, mộng và kịch

Giả tảng
Là bão tố cuốn đi
Mật đắng của thời ngổn ngang trăm mối

Là ẩn dụ về lời nguyền
Mảnh xương hóc
Hóa thân thành tai ách
và du giây

HỒ ĐÌNH NGHIÊM

bến đợi

Đông không phải thuộc hạng người khó tính. Hoặc nếu có, những thứ mà bạn bè anh xem là cầu kỳ lần hồi đã vơi dần trong anh. Miệng lưỡi Đông bắt đầu biết làm mặt lạ với ông thần khẩu, từ cái hambuger ăn vội dọc đường cho đến cốc cà phê ở Dunkin' Donuts nửa đêm lờ hứng chí đi lang thang như kẻ đầu đường xó chợ; canh khuya tấp vào nhìn những khuôn mặt mộng du và cúi đầu uống lấy cái dung dịch có tên gọi coffee mà kỳ thực rất bà con láng giềng với trà cọng sữa. Xong tuốt luốt, chẳng có gì phiền hà.

Và bây giờ, vừa ngồi nhìn xong những giọt đậm đen chậm rãi rơi xuống tách từ cái phin lọc quen thuộc, vừa hút mơ màng hết một điếu thuốc, vừa uống cạn thứ nước chính hiệu là cà phê; thì hẳn nhiên lý do chính đang khi vào ngồi trong quán này không thuần chỉ để nhâm nhi hưởng thụ, không thuần phải lâu ngày nên tập lại cái sự làm khó bản thân. Đòi cho được cái này, hỏi cho ra lẽ cái vật kia.

Ngồi với một cái đầu đâm bông kết trái quàng xiên những ý nghĩ như vậy khá lâu thì Đông lai tỉnh. Cái sự kiểm thảo bản thân ấy bỏ đi khi mà màu áo sẫm tối di động từ hành lang ăn thông tới sau bếp mỗi lúc một sáng rõ dần và lộ tươi sắc tím khi đến gần bên Đông. Nghe ra một hơi thở kề cận.

- Vẫn chưa về à?

Giọng chẳng lộ vẻ ngạc nhiên. Chắc hẳn là không luôn một sự duổi khéo. Nhìn lên, một khuôn mặt mờ tối. Bóng chụp đèn vàng treo lơ lửng trên đầu Đông, khói thuốc ùn lên như sương mù ở lũng thấp. Bàn tay trắng, những móng sơn đỏ, chiếc nhẫn vàng và vòng ngọc xanh. Bàn tay vịn mép bàn, phủi một vật gì đó trên tấm khăn trải màu lục đậm rồi thò tới nắm lấy cả đĩa lẫn tách.

- Làm thêm cái khác nghe.

- Thôi. Cám ơn.

- Cà phê mà cũng sợ hay sao? Ngại mất ngủ à?

Đông chưa có câu trả lời, bàn chân đã bỏ đi. Có nghĩa là sẽ uống qua hiệp hai hoặc sẽ chẳng có gì cả. Bàn trống trơn. Cái gạt tàn còn ở lại với bao thuốc con lạc đà giỏi chịu khát. Bàn chân bỏ đi xa, tiếng giày cao gót đội lại nghe đay nghiến. Nền gạch hoa đen trắng kiểu op-art nửa quen thuộc nửa lạ lẫm. Nhìn miết thấy hoa mắt, choáng váng. Hình như cái clinique ở trên phố kia cũng lót những ô vuông tựa thế? Trơn bóng và sạch sẽ hơn. Cánh cửa mở sau khi cô thư ký gọi đúng tên. Trước khi đóng lại, mái tóc dài xô động quay lui: Coi báo đi, không lâu đâu. Đông lật vội những trang tạp chí ngoại ngữ. Nhìn nhưng chẳng thấy gì ở đó cả. Nền gạch bông vuông đen trắng và những ánh mắt tò mò của mấy người đàn bà quây quần chung quanh. "Huệ bị bệnh à? Đâu có bệnh, mỗi năm phải đi khám tổng quát một lần, tựa như chiếc xe vậy, lâu lâu nên lái vào garage để cho họ xem xét". Đông ngồi suốt cả buổi chiều hôm ấy trong cái garage kỳ quái để chịu trận những tia nhìn của mấy "chiếc xe" đa số là bụng mang dạ chửa. Những ngọn đèn quét ngang dọc trên người Đông chuyên chở một sự đo lường: Hắn có phải là một tên đàn ông yêu vợ rất mực, khi mà chúng ta đều đi khám bệnh lẻ loi?

- Nè, đặc biệt đó nghe.

- Đặc biệt?

- Ừ. Cà phê Ban Mê Thuột chính gốc. Đứa em gái vừa mới được sang và mang theo làm quà.

Bóng áo tím ngồi xuống. Mặt còn giữ nụ cười tươi, như sự đoàn tụ vừa loan tin là nỗi hân hoan khó tìm mất dấu. Chỉ có những đường nhăn ở khóe miệng, ở đuôi mắt can thiệp vào không đúng chỗ ở trên cái nhan sắc kề cận chín tới kia.

- Uống đi, thử có ngon không?

Đông khuấy đường. Trong đầu, có thứ ý nghĩ nào vừa hiện lên, quay tròn, đậm đặc và chưa thể thành hình. Tuổi tác và cách cư xử. Nghề nghiệp và những vật lộn không thể tránh ở đời sống.

- Thấy sao?

- Dĩ nhiên là phải ngon rồi.

- Còn cái quán?

- Không thay đổi, kể cả cái vật mà ngỡ là nó đã được biến mất.

Bốn con mắt vô tình nhìn lên cùng lần ở một góc tường. Bức tranh trông nó lạnh lẽo làm sao, kể luôn cả nỗi lạc lõng mà nó đang có.

- Tháng trước có một bà khách bước vào hỏi mua. Uyên nói giá và biến bà ấy thành Kinh Kha một đi không trở lại. Có lẽ chỗ này không là nơi để treo tranh của Đông. Con em Uyên bảo bức này mang về bên nhà thì tiền tiêu không hết.

- Đùa nghịch hay an ủi?

- Không gì cả. Sự thật thôi. Nó thích hội họa và cứ hỏi về tác giả bức tranh hoài.

- Mấy giờ quán đóng cửa?

- Sao tự dưng nóng lòng thế? Nó vừa mới qua và dĩ nhiên sẽ không ham vượt biên nữa đâu.

- Uyên là người có máu khôi hài.

- Chút chút thôi. Đâu có ham sống lâu với cái liều thuốc bổ kỳ lạ đó.

- Dạo này có gì lạ không?

- Quán mỗi lúc một ế... Và con em Uyên nhận xét ở ngày đầu gặp nhau, sao chị chóng già thế? Điều ấy có đúng không?

- Ế và già. Mình chẳng hiểu được chữ già ấy. Uyên thừa sức để làm khác đi. Đừng nói là hãy bước thêm một bước nữa. Uyên bước ba bước cũng chẳng sao.

- Thừa sức? Chính Đông mới có máu khôi hài.

Đông uống hết tách cà phê. Anh chẳng có gì nôn nóng để muốn rời đi. Uống là cách che đậy, cách dằn lòng. Cái ý nghĩ chưa thành hình hồi nãy đã hiện tới trong đầu và chính nó, nó rõ ràng làm Đông bứt rứt. Anh luôn là người thiếu can đảm. Tuổi tác, có cái gì đó thật già nua hơn thế để biến mình thành một tên cà lăm. Vả lại, tình yêu chắc hẳn sẽ có một ngôn ngữ riêng. Và chắc gì cuộc sống hối hả này sẽ đóng cửa hết những lối đi dành cho mấy tên ưa ngâm nga ca kệ như anh?

- Bấy lâu có vẽ vời gì thêm không?

Uyên hỏi, đồng thời đứng lên đi lại gần cánh cửa kính. Đông thấy tấm bảng nhỏ gắn ở đó vừa xoay mặt lại cho anh nhìn ra chữ open.

- Không.

- Hồi nãy hỏi bao giờ thì quán đóng cửa. Uyên đang đóng đây. Rồi sẽ làm gì? Đông muốn đi đâu?

Làm gì? Đi đâu? Những dấu hỏi như bắt vít vào người. Những vấn nạn mà ta thường gặp phải cũng tựa như tấm bảng nhỏ ấy. Khi mở ở phía này cũng có nghĩa là ta phải chịu đóng lại một cánh cửa tương xứng, hoặc có khi lỗ lã hơn. Công việc lam lũ kiếm sống thường nhật bên ngoài và những mưu toan thầm lặng cố đeo đuổi bám víu ở những khe hở thời gian. Hai thứ ấy chẳng ăn nhập gì với nhau và đôi khi là kẻ thù của nhau. Nó giết nhau lần mòn và lòng Đông là một bãi cỏ xác xơ, dựng nên một ông trọng tài bất lực. Anh đứng lên, lại gần bức tranh ngấm nghía. Tảng màu sắc trước mặt đọng trong mắt anh những vẫy vùng của một bàn tay người đang chết đuối. Đông đứng vòng tay, nghĩ tới những mảng xám, xanh, tím và trắng. Người đàn bà than già ấy sẽ nằm khỏa thân ở giữa, như dòng sữa chảy nghiêng đổ, buông thả và gợi mời.

- Vào phố Tàu kiếm một tô cháo cá. Uyên nghĩ sao?

Một vài ngọn đèn chợt tắt. Bề rộng của quán tự dưng biết co rúm lại. Nếu vũng sáng trên đầu Đông dồng lõa với bóng đèn đặt trên quầy đồng loạt tắt ngúm đi thì chuyện gì sẽ xảy tới? Bóng tối vây chặt lấy hay không gian này sẽ mênh mông rộng mở hơn? Không là gì cả, hoặc nó sẽ xúi dục lòng Đông một âm mưu. Anh thấy trên chùm lá cây cao lớn đặt ở góc có một cái nút điện lộ hẳn khỏi mặt tường. Cũng không chắc lắm, có thể đụng vào đấy rồi nó sẽ phiền nhiễu tới mái ấm gia cư nơi cái trang thờ thần thổ địa lúc nào cũng đèn đuốc mờ tỏ, hoặc những cây quạt trần bất chợt run rẩy thổi xuống bên dưới những làn gió lạnh tưởng không nên có.

- Lại vào phố Tàu? Uyên vừa thu dẹp ly tách vừa nói. Không có gì vô lý hơn khi đóng quán này lại chui vào ngồi ở một quán khác.

- Nếu vô lý thì thôi vậy.

- Đói bụng hả? Ưa ăn gì để Uyên nấu cho.

Đông mang tách cà phê của mình cùng với cái gạt tàn tới đặt trên quầy. Ở đó, những cành hoa vẫn tươi ròng rã tháng này qua tháng khác. Anh không tài nào hiểu được tại sao một loài hoa gọi là đẹp khi hồi nào nó chịu đi qua cái vòng luân hồi của nở và tàn. Hoa vãi nó vô duyên vì nó cắc cớ không chịu chết đi? Một mối tình mãi sống hoài có xấu hơn thứ tình duyên yểu mệnh chết sớm chăng?

- Uyên biết quán Trường Thành không?

- Biết. Tại sao? Ở đó làm gì có bán cháo.

- Ừ, chắc vậy. Mình cũng không đói, chỉ là cái cớ để nhìn mặt cái quán ấy nếu đi ngang qua phố Tàu.

- Ở đó chỉ có chạm trổ long phụng thôi, hoặc bất quá thì người ta treo tranh thủy mặc chứ không có sơn dầu đâu.

- Ừ, đúng đấy. Một ý kiến hay.

- Cái gì?

Uyên hỏi. Những cái ly tách như rơi tuột khỏi tay xuống bồn rửa chén. Và vòi nước chảy xối xả không cuốn trôi đi hết nỗi thắc mắc. Đông nhìn một bên người Uyên, những đường cong có trên vùng vải tím. Huệ cũng có những đường lượn núi đồi ấy và mai này sẽ bị những ngón tay cày xới lên, mân mê, vuốt ve, khai phá tất cả cái vùng da thịt mà anh đã có một thời trân quý.

- Hai hôm nữa mình tới quán đó ăn cưới và chắc sẽ xin lại bức tranh kia để mang theo làm quà.

- Hôm nay đến đây vì mục đích ấy, có phải không?

Uyên tắt vòi nước, vẫy vẫy hai tay trước khi tìm được một cái khăn. Đông hứng lấy những giọt nước lạnh bắn vào mặt và anh để y như vậy, đứng yên chẳng nhúc nhích. Cái nút điện nhô ra trên đầu chậu cây lại đập vào mắt anh. Giờ này thì nó gần gũi hơn, cách có ba bước. Nhưng giả như đèn tắt đi thì mình sẽ làm gì với cái bóng tối dễ làm yếu bóng vía kia. Đừng, đừng, buông tôi ra. Làm cái gì kỳ vậy? Đông nghe như có tiếng Uyên la lên với cái giọng khản bị nghẹn bít bằng một môi hôn tham lam.

- Mình chẳng có mục đích nào cả. Thấy nhớ Uyên và đón xe đến thăm vậy thôi. Gần cả nửa năm rồi. Đúng không?

- Trong nửa năm đó mối tình nào đã cầm giữ chân? Và mối tình ấy đã vừa mới sang trang, có đúng không?

- Đừng nói vậy.

- Việc gì mà phải giấu. Vài hôm nữa đi ăn cưới, có phải đám cưới của cô Huệ không?

- Sao Uyên biết?

- Đừng quên đây là một cái quán nước. Đứng ở đây lỗ tai mình phải chịu nghe đủ mọi thứ tin tức, vấn đề là tin đồn bậy hay chính xác, tin hay không tin mà thôi.

Uyên mở tủ lạnh, khom mình nhìn vào ô cửa đèn vàng hồi lâu. Đông thấy cánh tay trần đang vịn cánh cửa ấy trắng ngần một màu da. Chắc chắn nó sẽ mát lạnh và thơm tho một mùi vị mà những thức ăn ghi trên tấm thực đơn kia chẳng bao giờ có được. Đông nhớ một đoạn phim cũ, chú rể khui rượu đổ lên người cô dâu rồi lè lưỡi liếm uống không chừa một giọt trên cái "ly" thịt da đang dựng đứng những sợi lông măng.

Một tô xà lách đã được trộn sẵn. Những khoanh bánh mì đã có ai xẻ cắt. Những cục fromage của Pháp và Thụy Sĩ. Một chai rượu chát và hai cái cốc thủy tinh. Uyên lần lượt mang chúng ra, đặt trên bàn.

- Lại ngồi đây.

Uyên nói. Đông nhìn chiếc bàn có hai chỗ và chiếc ghế trống còn lại. Đó là nơi dùng để cho người trong quán ngồi chờ đón khách. Nó được đặt sát gần cửa vô ra nhà bếp và nó giống như cái bàn mà có thời Đông làm chủ một cái tiệm cà phê ở bên nhà. Khi ấy, Uyên còn có những rụt rè của một cô gái vừa rời trường lớp, ngại ngùng phải đi xa khi có giấy bổ nhiệm làm một giáo viên miền núi. Lại ngồi đây. Câu nói ấy Đông thường rủ rê và Uyên từng nghe theo. Ngồi uống ly cà phê đá, nghe nhạc không lời và những nhỏ to bàn tính về một lần vượt biển. Mới đó mà hơn mười năm. Trí nhớ Đông tốt hoặc thời gian nó không muốn đi chậm, vụt một cái trong chớp mắt, để hình bóng cũ còn lung lay ở dấy mà ngày tháng thì chồng chất lên không ngờ tới. Mười năm, Uyên đã hơn một lần lập gia đình, Uyên đã làm bà chủ quán. Và Đông, thời gian như chẳng hề dếm xỉa tới anh, những đổ vỡ vẫn như luôn mới trong anh, giữ anh chết cứng trong những lối đi cũ kỹ, những đường mòn. Nếp suy nghĩ cũng như những thủ thuật khi dựng nên một bức tranh, một bút pháp đầy hoang mang.

- Nhớ thầy Trí dạy Pháp văn không? Cái ông luôn kể chuyện khôi hài, chia động từ Có bằng câu vua Gia Long về Dạ Lê (nous avons, vous avez).

Đông ngồi xuống ghế. Thầy Trí? Rõ là anh có một trí nhớ tồi. Thầy Trí dạy Pháp văn? Nghe như nghe một câu chuyện cổ tích. Đâu phải cứ nhất thiết tuổi học trò là tuổi đáng nhớ nhất?

- Chịu, mình không tài nào nhớ ra. Uyên dạo đó chắc giỏi môn Pháp văn?

- Đội sổ là đằng khác. Ghét môn đó đến độ nhập tâm khuôn mặt người thầy. Ông ấy vừa mới từ đảo sang. Ông có đến đây và nói như thế này: Bước đầu nơi xứ lạ, Uyên giúp tôi bằng cách cho tôi vào rửa chén bát.

Uyên mở nút chai rượu, nghiêng đổ vào hai ly. Óc ách rượu chảy, như máu loang đổ từ một vết thương miệng lớn.

- Nghe thảm quá.

- Ừ, mà cũng thật khó xử trí. Ông ngồi ở cái ghế mà Đông đang ngồi. Tóc đã bạc và dường như tay đã run.

- Rồi câu trả lời của Uyên như thế nào?

- Mình vẫn gọi ông là thầy. Xin thầy ghi cho cái số phone, lúc nào quán đông con sẽ gọi thầy nhờ thầy giúp một tay. Mình chỉ biết nói thế, không là một sự từ chối khéo mà nói bằng cả sự thành thật. Tiên học lễ hậu học văn, nếu theo đúng câu đó mà làm, thì chắc là mình phải làm mất cái số điện thoại của ông ấy. Ai lại nỡ ngó một người thầy cũ lam lũ như thế, bất nhẫn quá.

- Nếu một người bạn học cũ thì sao? Uyên còn giữ số điện thoại của mình không?

- Nói vậy là ý gì?

- Muốn được lam lũ với Uyên. Nói thành thật đó.

- Khi người ta thất tình, người ta tự hành hạ mình hay còn có một cái nghĩa nào khác?

Đông uống hết ly rượu đỏ. Nếu có một lỗi lầm nào thì cái lỗi đó là do nơi trí tưởng của Đông. Trong đầu, Uyên vẫn là cô sinh viên ngày nào. Cô sinh viên uống cà phê đá, mặc áo bà ba hở cổ và anh nhìn thấy một nốt ruồi đen nằm giữa trũng ngực. Nốt ruồi ấy chắc là vẫn còn nằm yên ở đó, nhưng Uyên giờ đã là một bà chủ. Có những điều mãi hoài không thay đổi. Và có những chuyện sáng ra, thức dậy đã thấy khác đi.

- Có thể kể chuyện Huệ cho Uyên nghe không?

- Đó là một người thực tế và hy vọng sự thực tế làm cho người ta hạnh phúc.

- Là sao?

Mắt Uyên long lanh. Chất rượu kể cũng hay. Khi đổ nó vào trong cơ thể, nó có thể biến người này thành ra một người khác. Đông thích nhìn rõ sự chuyển hóa ấy ở Uyên. Bạo dạn hơn, hoặc

bớt đi chút thông minh, chút tính toán. Đông sợ là rượu không đủ để làm Uyên choáng váng, nhưng dầu gì anh cũng cụng ly, nhìn cái dung dịch ấy vơi dần sau bờ môi hồng.

- Là không thích đùa dai với những kẻ như mình. Là người mà khi nói ra nghe như đang đọc một câu văn: Anh chỉ nên làm một người tình chớ không nên làm một người chồng. Uyên biết Huệ lấy ai không?

- Không.

- Một tay chuyên bán đồ dùng và máy móc điện toán. Là cái tên mà có lần suýt chút nữa mình đã đâm đầu vào làm công cho hắn.

Uyên cười thành tiếng. Da mặt ửng hồng và tiếng nói nghe xa vắng:

- Một mai ngồi với ai đó, Đông cũng có thể kể rằng: Biết con Uyên không, cái con mà suýt chút nữa tôi lại dâm đầu vào làm trong quán với nó.

Đông đưa tay ra tìm lấy tay Uyên. Anh bóp chặt những ngón đang nghịch xới từng cọng xà lách. Không có một phản ứng nào, không luôn một âm thanh dấy lên, ngoại trừ chiếc nĩa bạc vừa rơi trên thành tô thủy tinh. Đông ngửi được mùi dấm chua từ đó bốc lên trước khi ngửi ra một mùi thơm có bên má Uyên. Ám ảnh. Độc dược. Bất tử. Báu vật... Người ta khéo dùng chữ để gọi tên một vài loại nước hoa. Đông thấy chậu bông giả đặt trên quầy và anh hiểu cái xấu xa của nó chính là sự vô hương, không mảy may rung động, hiện diện ra ở đó mà chết sững, chết cứng; một cái xác không hồn.

- Cái nút điện đó dùng vào việc gì?

- Để báo động, chống cướp giựt và đề phòng những trường hợp bị ăn hiếp.

- Như thế nào là được gọi bị ăn hiếp?

Đông hỏi và chồm người tới sát Uyên. Anh nghĩ là mình còn đủ sáng suốt để đóng trọn vai trò một tên say. Anh thở gấp rút và tin là Uyên ngửi ra mùi rượu. Cũng như anh tin cái nút báo động kia là đồ giả, không đúng như Uyên nói.

- Uyên biết không, có nhiều đêm mình không ngủ được với cái nốt ruồi giữa ngực Uyên...

Đông bị xô trở lại ghế ngồi bằng một bàn tay ướt nhẹp mồ hôi. Hơn mười năm bệnh đổ mồ hôi trộm vẫn chưa chịu bỏ Uyên mà đi.

Đông nhớ rõ có lần anh đùa, Uyên là người thiếu tự chủ, hay lo ngại và thường sống trong hồi hộp. Những thứ ấy nó tìm cách chui ra thân thể Uyên bằng những giọt mồ hôi. Bây giờ thì bàn tay ấy đã có được sự tự chủ chưa mà nó biết cản ngăn một nụ hôn? Và nó thu về sờ soạng lại những hạt nút đang cài kín cổ áo. Đông cười bởi cái cử chỉ, cái phản ứng rất con nít kia. Yêu biết mấy những ngón tay đang giữ kín, đang trấn thủ ở trước ngực. Ngoài bàn tay, vùng da thịt nào sẽ bị mồ hôi trong người tháo chạy di tản ra ngoài?

- Ngủ không được và ý nghĩ mình cứ mãi thôi thúc một chuyện, làm cách gì để vẽ một bức tranh khỏa thân có Uyên làm người mẫu.

- Đừng đùa nữa.

- Uyên hiểu lộn chữ đùa rồi. Đùa làm gì có được cái nghiêm chỉnh như thế.

- Hay là Đông tìm cách đòi lại món nợ?

- Tình bạn và tình yêu mà cũng gọi là nợ nhau ư?

- Nợ một chỗ ngồi trên ghe.

- Mình ghét sự thực tế, càng ghét hơn cái mua bán dối chác kia. Uyên đừng làm cho chữ thơ mộng phải bị dổ mồ hôi trộm.

Uyên ném cái khăn chùi tay xuống mặt bàn, đứng lên thu dọn những đĩa thức ăn. Đông thắp thuốc, nhớ mơ hồ về khuôn mặt tên đàn ông dã cùng Uyên ly dị nhau. Hắn nói những điều gì khi tán tỉnh và rồi sẽ lộng ngôn ra sao khi bỏ nhau? Anh yêu Uyên, sự có mặt của em rất cần thiết trong đời sống anh. Đồ khốn nạn, cô là một con đàn bà đê tiện. Ngôn ngữ loài người thì chắc loanh quanh trong ngần ấy chữ? Những đường nét, những màu sắc bồi đắp lên khung vải hầu như lúc nào cũng đòi hỏi công phu, và hủy hoại nó đi người ta chỉ cần cầm dao vung tay một phát. Uyên là một bức tranh đã bị xé rách. Đông tự hỏi thầm, sức mình có vá nổi tờ mộng ấy không? Đông thở khói xuống mặt bàn trống, buồn bã và mỏi mệt. Anh nhìn đồng hồ. Mười hai giờ đêm sẽ là chuyến buýt cuối cùng mang anh về lại cái phòng trọ bên kia dòng sông. Những nhịp cầu luôn tuần hoàn cái nhịp khúc buồn ngủ mỗi lần bánh xe lăn qua. Dòng sông nước đen bên dưới và sau lưng cao ốc phố thị như một tấm sơn mài óng chuốt khảm thật nhiều xà cừ, vỏ trứng. Huệ từng chở anh ngồi trên xe chạy trên mặt dòng sông khi đông về đóng băng. Ngồi với một cảm giác kim dâm thích thú chẳng biết nơi nào đang là một chỗ trũng của băng tan. Sự chết có ở bề mặt nhưng dưới độ sâu kia biết

bao sinh vật đang sinh tồn bơi lội. Màu trắng trinh bạch của dòng sông dập vào mắt người mù lòa, nheo mắt nhìn và thấy ra chút triết lý lẩm cẩm có nơi dòng sông đang chít khăn tang. Quê hương Đông cũng có một con sông nổi tiếng. Đông mang nợ dòng sông ấy nhiều thứ, kể cả phút cuối nhờ nó cưu mang xô dạt anh ra với biển cả. Và trong phiêu bồng có Uyên say sóng nằm rũ liệt trên tay Đông như một con cá ươn ngấm đầy nước muối. Một bộ ngực nhấp nhô, những lọn tóc xác xơ bện cứng, một màu da ăn nắng như tôm luộc với một cái quần đen trơn bóng ướt nước bó chặt vào cơ thể. Lần đi ấy, dục vọng có thể áp đảo những lo toan và biến Đông thành một tên hải tặc mù quáng. Lên tới đảo vắng trốn giông bão cũng thế, những lùm cây bụi cỏ, những tảng đá dựng xanh rêu, những nghêu sò ốc hến đi loanh quanh thu lượm giữa một bãi hoang, cái thằng bàng môn tả đạo vẫn dại khờ khoác áo môn đệ Võ Đang, Thiếu Lâm. Và nó thực hiện đúng lời hứa khi ngồi ở quán cà phê mà đời sống mới biến nó thành một thằng chủ tiệm: Đừng ngại, mình sẽ mang Uyên an toàn đi tới bên kia bờ đại dương...

- Thôi khuya rồi... Nhớ đừng quên mang theo bức tranh.

Uyên đứng vòng tay trước ngực. Dưới vú Uyên chùm chìa khóa như biết thổn thức xô động leng keng. Người ta có thể nhìn đoán ra chủ nhân của xâu chìa khóa. Trong túi Đông vỏn vẹn có ba chìa. Một cho cửa ngoài, một cho thùng thư, và cái cuối cùng dành để mở cửa phòng trọ. Uyên thì nặng nề hơn, không dưới mười chiếc. Có chiếc nào mở giùm cánh cửa ở người anh không? Hay lại mỏi tay nghĩ rằng anh chỉ là thằng giản dị đến độ trống trơn mọi thứ?

Đông đứng lên.

- Có lẽ mình nên trốn biệt đi là hơn.

- Về chuyện gì?

- Mình sẽ không có lỗi gì cả nếu giả lơ chẳng tham dự cái tiệc cưới kia. Đúng không?

- Sao lại hỏi Uyên?

- Ừ. Có những việc mà người trong cuộc nên tự giải quyết lấy.

- Muốn nói khéo tới chuyện gì nữa đây?

- Không gì cả. Bức tranh đó mình gửi tặng Uyên. Đừng bán buôn làm gì, treo ở đó xem như một kỷ niệm.

- Uyên không nhận đâu. Uyên không muốn mang thêm nợ của Đông.

- Nợ không có tiền lời và cũng không luôn một sự bắt buộc phải trả mà cũng sợ hay sao?

- Sợ.

- Vậy thì cho mình được tặng lại cô em Uyên. Một người thích hội họa như Uyên nói thì chủ nhân cũng đỡ tủi hổ.

Đông vất cái đầu lọc điếu thuốc vào gạt tàn. Nó cháy tàn lụi dã lâu trên tay cầm nên chẳng còn cọng khói nào vương vấn. Đông tự hỏi, không biết bao lâu nữa mình mới trở lại quán này, lần khác? Anh nhìn bức tranh lần cuối, ở đuôi mắt, thấy Uyên đưa tay sờ tới cái nút điện trên chùm lá cây. Những bóng điện đồng loạt yên nghỉ trong bóng tối. Quán lờ mờ sáng nhờ những cây hương thắp diện tù mù, nhờ ánh điện đường tạt vào một ô vuông xanh mét. Đông nói trong đầu, nếu tôi là Uyên thì lúc này đây tôi sẽ ôm người ấy mà ban phát một nụ hôn từ giã.

Uyên mở cửa, đứng ngoài chờ đợi. Chùm chìa khóa được lật qua lật lại rồi cuối cùng cũng tìm ra được một cái, duy chỉ mình nó mới chui vào được cái lỗ khe rắc rối kia. Đông bước ra, mùi hương tóc Uyên bị gió lùa thốc vào mũi Đông kèm theo mùi hăng hắc của mặt nhựa đường. Thành phố vẫn còn sinh hoạt nhộn nhịp ở dằng ngã tư, gửi về những tiếng thắng xe ken két, tiếng nhạc rock n' roll và tiếng cười rú của một đứa con gái trẻ dại nào đó.

Lại một cái chìa khác đút vào ổ khóa. Chiếc xe màu xanh lá mạ nhỏ nhắn mở ra một cánh cửa. Phải chi mình được ngồi ở ghế bên kia, bằng lòng được trói đến ngộp thở bằng những sợi giây an toàn và chạy về trung tâm thành phố, nơi có Uyên trú ngụ. Đông nhìn thấy cái dấu hiệu cấm hút thuốc dán trước ghế.

- Đi buýt hay métro?

- Buýt. Mình ưa ngắm cảnh vật khi xe chạy qua cầu.

- Tưởng métro thì Uyên chở cho một đoạn tới đó.

Chiếc xe nổ máy. Cửa gương được quay xuống từ tốn.

- Hồi nào quán đông khách thì có tới phụ Uyên một tay không? Dĩ nhiên là vào cuối tuần.

- Không thấy bất nhẫn à? Ông thầy dạy Pháp văn vua Gia Long về Dạ Lê đâu?

- Còn giận đấy hả? Tới quán rồi Uyên giới thiệu đứa em gái cho.

Đông thấy nhạt miệng, móc gói thuốc ra khum tay che gió đốt lửa. Cửa kính xe lại từ tốn quay lên. Còn ba phân của khe hở, Uyên nói vọng ra:

- Ngủ ngon.

Chiếc xe lao đi như một cụm khói lớn và tan biến dằng ngã tư nhấp nháy đọng nhiều màu sắc. Ngủ ngon ngủ ngon. Đông nhai những chữ ấy trong miệng đắng.

- Làm phiền cho xin một điếu thuốc.

Từ hẻm tối có đứa con gái bước ra. Tóc nâu, mặt son phấn và áo quần mát mẻ nhiều da thịt hơn là vải vóc. Cái nịt to bản, chớp nháy những khoen sắt bất dầy ở đó.

- Thuốc lá? Ừ, có chớ.

Đông bật ngọn lửa. Khuôn mặt phì nhiêu cả mỹ phẩm ấy chúi sát vào đầu anh. Những ngọn tóc tua tủa như muốn kích thích chọc nhột vào trán Đông. Ngọn lửa tắt, đứa con gái ngoại quốc không nói cám ơn mà thổi vào mặt Đông một hơi thở đầy khói:

- Có tám chục không?

- Không có.

- Năm chục?

Đông lục soát trong trí nhớ. Hồi chiều, trước khi vào tiệm của Uyên, anh có ghé máy rút tiền lấy ra hai chục. Mua gói thuốc hết bốn đồng. Cà phê thì Uyên cho uống free.

- Moa còn mười sáu đồng.

Đứa con gái nhổ xuống chân Đông thỏi kẹo cao su màu xanh, như cục dờm biết nhún nhẩy. Nó nện gót giày và đi uốn lượn trở vào con hẻm tối. Đông rùn vai, anh nhấn gửi vào bóng đen vừa nuốt chửng cái lưng tôm da trắng:

- Ngủ ngon.

Không có tiếng trả lời. Đông nghĩ thầm, cũng đúng, chúc cho vui vậy thôi chứ ngon dở cái nỗi gì! Đông băng qua đường, ngồi xuống băng ghế của trạm đợi xe buýt. Đường im vắng tiếng động dần. Sao trần gian này không có bọn người gọi là đàn ông ăn sương? ‡

Hồ Đình Nghiêm

HOÀNG KHỞI PHONG

nhà văn và tác quyền

1- Nhà văn Gabriel Garcia Márquez của Columbia, người đã đoạt giải Nobel về văn chương năm 1982 với tác phẩm "Một trăm năm cô đơn - *One hundred years of solitude*" mới đây trong một cuộc phỏng vấn tại Mexico City khi được hỏi về tình trạng tác quyền của nhà văn đã phát biểu: *Họ chính là những kẻ cướp, những kẻ in lại những tác phẩm mà không có sự cho phép của các tác giả, những kẻ phát hành và sau đó không bao giờ nói tới chuyện tác quyền.*

Nhà văn hiện đang sống ở Mexico City đã cho biết mới đây khi một viên quan tòa ở Columbia cho giải tỏa những quyển sách in lậu của nhà văn đã bị tịch thâu và cất giữ. Gabriel Garcia Márquez rất phẫn nộ về việc này. Ông lớn tiếng yêu cầu phải đình chỉ lưu hành những quyển sách của ông tại chính quê hương ông, cho dù đó là những quyển sách đã được in một cách hợp pháp. Đa số những tiệm sách đã tuân thủ ước mong của nhà văn, nhưng liền ngay lập tức khi những quyển sách của ông biến mất nơi những kệ sách, ngoài đường phố của thủ đô Bogotá những quyển sách của ông xuất hiện với một giá rẻ, rẻ hơn được bán ở trong tiệm. Những quyển sách của ông được bán như là những bao thuốc Marlboros của những tay bán thuốc dạo trên đường phố. Mặc dù hành động đình chỉ lưu hành tác phẩm của chính mình nơi một nhà văn thì có khác nào như là tự sát. Nhưng đó là một hành vi có tính cách luân lý cần thiết để luật pháp có thể chen vào.

Márquez cho biết ông có thể sống hoàn toàn đầy đủ mà không cần tới số tiền bán sách ở Columbia quê hương ông, nhưng những tác giả khác không đủ mạnh để bảo vệ tác quyền của nhà văn: "Tôi rất khoan thứ với sự thiệt hại tài chánh nơi những tác phẩm của tôi, tôi cảm nhận được những hậu quả việc làm của tôi. Nhưng khi hệ thống pháp luật hợp lệ hóa hành vi xâm phạm tác quyền thì chính là thời điểm nguy hiểm cho cả thế giới" Márquez cũng cho biết tác

phẩm mới nhất của ông vừa hoàn tất có tựa đề là: "Of love and other demons" sẽ không được in ở bất cứ đâu cho tới khi nào chính phủ Columbia đàn áp hành động xâm phạm tác quyền của nhà văn.

Gabriel Garcia Márquez còn nói rằng ông không cần biết ai chịu trách nhiệm về những ấn bản lậu này, điều quan trọng đó là những ấn bản không có phép tác giả. Nếu trong hợp đồng chỉ ghi có năm mươi ấn bản mà nhà phát hành thực hiện năm mươi mốt ấn bản thì đã có một ấn bản lậu, làm thiệt hại đến tác quyền của nhà văn. Tôi không thể chỉ đích danh thủ phạm, nhưng tôi đòi hỏi mọi chính phủ tìm cho ra những kẻ chủ động cũng như ngăn chặn cho điều đó không được tái diễn nữa.

2- Trông người lại nghĩ đến ta. Tình trạng của Gabriel Garcia Márquez bề gì cũng dễ thở. Trước tiên ông là một nhà văn lớn, giải Nobel về văn chương chắc chắn không phải như là giải Nobel hòa bình kiểu đã phát cho Kissinger và Lê Đức Thọ do những áp lực chính trị. Chính trị là những cái gì ngoắt ngoéo, đôi khi tù mù tăm tối và bất nhân. Văn chương là những cái gì rõ ràng, trong sáng, chữ nghĩa dù muốn cũng không có lòng đối trá đối với người đọc. Hay dở biết liền. Márquez có thể nói là nhà văn hàng đầu của châu Mỹ La Tinh, tác phẩm của ông được phổ biến rộng rãi trên tất cả các nước dùng tiếng Spanish làm ngôn ngữ chính. Cũng có tới vài trăm triệu con người trên trái đất này có thể thưởng ngoạn được văn chương của Márquez. Đặc biệt với hoàn cảnh chính trị của Châu Mỹ La Tinh trong nhiều thập niên vừa qua không được sáng sủa. Cái biển người Nam Mỹ trôi qua dạt lại nên vì đó mà Márquez tuy là người Columbia nhưng hiện đang sinh sống tại Mexico. Nếu muốn ông có thể về sinh sống tại quê hương ông. Dẫu sao chỗ ông tạm trú tuy không phải là quê nhà, nhưng ông không hề xa lạ với phần đất, với con người, với văn hóa địa phương vì nhà văn có cùng một nguồn cội, cùng một ngôn ngữ, cùng một văn hóa với những người hàng xóm. Márquez như vậy có đủ điều lợi hơn những nhà văn viết chữ Việt ở hải ngoại. Chúng ta dã chẳng có một cái giải nào đằng sau ngôn ngữ của chúng ta. Cái chính phủ đang cai trị bẩy chục triệu con người trong nước còn thua xa cái chính phủ Columbia về việc thượng tôn pháp luật. Ở Bogotá dẫu sao cũng còn có ông tòa, bản án tuy nghiêng về phía những tên đạo tặc chữ nghĩa nhưng

dù sao phát biểu của Márquez chắc chắn sẽ đến tai những kẻ cầm quyền ở Columbia, Márquez cũng không muốn làm nổi cho danh tiếng vốn có sẵn của ông. Ông chỉ muốn đòi hỏi cho những nhà văn đồng thời với ông những điều mà lẽ ra mọi nhà văn phải được tôn trọng.

Đối với những nhà văn Việt Nam của chúng ta trong nước, cũng như ở hải ngoại hiện nay đang gặp phải những khó khăn dường như to lớn hơn những điều Márquez gặp phải. Hãy khoan nói tới quyền tự do tư tưởng, quyền tự do ngôn luận, quyền tự do phát biểu. Những cái này dính líu đến chính trị tức là dính đến những cái ngoắt ngoéo, tù mù, tăm tối và đôi khi bất nhân. Những cái này khiến cho nhà văn ở trong nước vừa viết vừa nhìn sang hai bên phải trái, vừa phải lách cho thân hình đi lọt qua những cặp mắt, những khe hở của kiểm duyệt. Tính chất trong sáng, rõ ràng, đẹp đẽ của văn chương vì vậy mà mất đi thật nhiều. Bởi vậy mà trong suốt mấy chục năm, văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa ở trong nước, đã chỉ sản xuất cho văn chương Việt Nam một con số thật khiêm tốn những tác phẩm văn chương đích thực.

Ở hải ngoại những nhà văn tương đối có tự do hơn, nhưng hình như chúng ta vì... tế nhị nên chúng ta cũng tự giới hạn ngòi bút chúng ta trong một số lãnh vực. Kiểm điểm lại trong mười tám năm qua, những nhà văn ở bên ngoài vòng kiềm tỏa của bạo quyền Cộng sản tuy chúng ta có sản xuất được một số lượng sách báo nhiều hơn trong nước, nhưng những tác phẩm chống Cộng hay và không hay đã lấn át con số những tác phẩm văn chương đích thực. Làm như mười tám năm qua những nhà văn đã thoát hiểm nhưng vẫn chưa quên được những cơn mộng dữ thành thử chúng ta ít viết điều chúng ta thích mà chỉ viết những điều độc giả thích.

Xin mời bạn đọc cùng tôi lướt ngang qua một vài nhà sách, nhìn thử vào những kệ sách. Dấu hiệu của những quyển sách in lậu ngày mới sang còn vương vãi đó đây. Thời đó là những năm đầu sau 75, ai có quyển sách nào mang đi được thì cứ việc in, kỹ thuật nghèo nàn, nhiều trang mất, người ta in lại nguyên con, chụp lại cả những dòng chữ viết bằng mực nguyên tử của những người có cuốn sách được in lại, có những con dấu tủ sách gia đình còn nguyên vẹn. Thời đó là thời người Việt còn ở tản mác khắp nơi, cho nên ở khắp nơi người ta in sách. Nhiều nhất là truyện chưởng, truyện dịch của

những nhà văn Đài Loan và Hồng Kông kế đến là những tác giả đã có một thời viết sung mãn, có nhiều đầu sách như Duyên Anh, Mai Thảo cùng những sách của nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Những tác giả của những cuốn sách in lại trong giai đoạn này người thì đã chết, kẻ thì còn ở trong nước thì làm sao mà có thể nói chuyện nghiêm chỉnh với những nhà xuất bản đột xuất ở khắp mọi nơi trên thế giới. Những năm về sau, các cộng đồng Việt Nam bắt đầu hình thành cũng như đã bắt đầu sắp xếp lại cho có quy củ, những nhà xuất bản đột xuất khai tử lần lần, sau cùng còn tập trung vào mấy nhà xuất bản lớn có kích thước thật sự.

Mời các bạn dọc duyệt qua những thư mục của các nhà xuất bản. Ngoại trừ nhà xuất bản Văn Nghệ chủ trương in những tác phẩm mới viết sau này, tất nhiên là có một số tác quyền nào đó với các tác giả. Những nhà xuất bản còn lại có tới tám, chín phần mười sách phát hành là những sách in lại, phần lớn là chụp từ trang đầu đến trang cuối, họa hoằn lắm mới thấy một cái bìa làm lại. Có nhiều tác giả có thể cám ơn những nhà xuất bản đã in lại những quyển sách của họ ở nước ngoài, trong khi tại quê nhà nó đã bị cấm, đốt rồi biến mất tăm trên thị trường chữ nghĩa. Đâu có được khí phách như Márquez, nhà văn đã cho đình chỉ in tác phẩm còn nóng hổi của mình cho tới khi nào chính quê hương của nhà văn phải có thái độ đúng mức với bọn đạo tặc chữ nghĩa. Dù gì chăng nữa thì tiền tác quyền của những nhà văn trong nước như Phan Nhật Nam, Doãn Quốc Sĩ, Lê Xuyên... chưa bao giờ là một câu hỏi cho những người đã in lại những công trình tim óc của họ.

Những nhà văn ở trong nước bây giờ đã nhiều người nằm xuống, có nhiều người trong giai đoạn cực kỳ khó khăn của đời sống không hề nhận được một đồng, và cũng đã nằm xuống không hề có một đồng. Thậm chí cũng không hề có một lá thư cám ơn khi mà các nhà xuất bản đã có những kho sách in lại trị giá cả vài trăm ngàn. Trong thân phận nhà văn Việt Nam ở giai đoạn hiện tại tôi nghĩ rằng cũng không thiếu nhà văn đã mỉm cười trước khi chết vì tác phẩm của họ đã sống, sống để làm giầu cho những người mà Márquez gọi là những tên đạo tặc chữ nghĩa.

3- Vài năm trở lại đây một số người kêu gọi giao lưu văn hóa hai chiều. Xin nhấn mạnh chữ hai chiều này có nghĩa là sách vở được

tự do du nhập vào trong nước cũng như xuất cảng sang hải ngoại. Vấn đề thì đang bàn cãi sôi nổi và chưa ugã ngũ. Có điều ở trong nước cũng như ở hải ngoại người ta đang in lại những tác phẩm của những nhà văn cách nhà xuất bản... một đại dương. Ở trong nước có những quyển sách được bầy bán với cái tên lạ, tên tác giả lạ hoắc luôn nhưng khi đọc kỹ lại thì thấy sách đó dường như là của... Mai Thảo. Đã nhiều tác giả ở bên này thấy sách của mình được in lại nơi những nhà in tỉnh lẻ, giống từ dòng đầu đến dòng cuối, chỉ có khác cái bìa, cái tên sách và tên tác giả. Tất nhiên những người ở trong nước cho rằng họ đã có cái công làm sống lại những tác phẩm của bằng hữu họ. Đáng lẽ những tác phẩm đó đã nằm dâu đó cùng những đống bụi thời gian, những tác giả không nên đòi hỏi. Vả lại ở Mỹ ăn sung mặc sướng thì nhằm nhò gì cái tác quyền tính bằng tiền Việt, cái thứ tiền phải trả mười ngàn mới có một tô phở đặc biệt. Có trả một triệu đồng tiền tác quyền thì cũng chỉ có một trăm đồng Mỹ. Mà gửi làm sao? Ai lại chở củi về rừng.

Vấn đề ở ngay chỗ này xem ra khác hẳn với vấn đề của Márquez. Márquez đang sống ở một nơi mà vật chất định đoạt mọi thứ, và con số thiệt hại có thể tính đến hàng triệu đô la, bởi vì tác phẩm của Márquez có thể bán đến hàng triệu ấn bản. Nơi quê nhà của chúng ta sự thiệt hại của nhà văn đã ra sống ở nước người bất quá đến vài trăm đô la là cùng. Vấn đề của nó là giá trị tinh thần của người viết. Nó có thể là những nghi án văn học sau này, nó có thể làm những nhà phê bình văn học rối đầu khi bắt gặp cùng một tác phẩm mà có tới hai tên tác giả cũng như hai nhan đề sách.

Đó là một chiều từ ngoài vào trong, còn chiều ngược lại thì sao? Cái chiều từ trong ra ngoài này còn rắc rối hơn nữa. Trước tiên là những tác phẩm đã được viết trong thời đổi mới quả có cho chúng ta những cái nhìn khá ngạc nhiên về văn học trong nước.

Đột nhiên có những tác phẩm đi ra ngoài những khẩu hiệu một cách lạ lùng, đột nhiên có một số nhà văn không hề biết đến những điều đại kỵ, như thể họ vừa từ trên trời rớt xuống đất nước xã hội chủ nghĩa. Họ viết chẳng những đã không lách thì thôi, họ còn lao đầu vào những chỗ hiểm hóc nhất của xã hội, của chính trị và của văn học. Có một dạo ở hải ngoại chúng ta nêu lên vấn đề văn chương phản kháng. Đây cũng là một vấn đề đang trong vòng thảo luận. Có điều cuộc thảo luận hình như làm hàng ngũ những nhà văn

hải ngoại mỗi ngày một xa nhau ra, đến độ khoảng cách đó có thể không bao giờ gần lại. Những tác phẩm ở trong nước xuất hiện trong thời khoảng vừa kể đó quả là một điều tò mò đối với những độc giả ưa chuộng văn học. Cho tới nay những tác phẩm đó dường như còn nặng tính chính trị nhiều hơn là tính văn học. Hãy trở lại với điều mà Márquez đề cập tới, vấn đề tác quyền của những cuốn sách này. Cuốn Ly Thân của Trần Mạnh Hảo khi lọt ra ngoài có tới bốn nhà xuất bản in lại, cuốn Những Thiên Đường Mù của Dương Thu Hương cũng được in lại bởi ba nơi, rồi những tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp, Nhật Tuấn, Phạm Thị Hoài, Ma Văn Kháng, Bảo Ninh, Dương Hướng, Nguyễn Khắc Trường... và mới đây nhất một quyển sách của Tô Hoài. Cuốn Cát Bụi Chân Ai đang được nhật báo Người Việt trích đăng cũng đã được hai nhà xuất bản in lại trước sau không đầy một tuần lễ. Cho dù có thể chính kiến của nhà văn chưa chắc đã đồng ý với người đứng chủ trương nhà xuất bản. Cho dù vị trí của nhà văn có xa nhà xuất bản một đại dương và một điều chắc chắn không dễ gì có thể liên lạc được với những nhà văn trong nước. Dù thực tế như thế điều Márquez nêu lên phải được giải quyết. Một quyển sách hay cần phải có người đọc, nhất là cần phải phổ biến những tác phẩm mang tính chất thời đại nơi quê nhà để nơi xa xôi những người tị nạn như chúng ta có những dữ kiện thực khi nhìn về chốn cũ. Nói tóm lại vấn đề tác quyền của những nhà văn troug nước phải được đặt ra và thi hành một cách nghiêm chỉnh.

Trong trường hợp họ là những nhà văn phản kháng giả. Họ cũng cho ta biết được khá nhiều biến chuyển của guồng máy cai trị. Sử dụng những sự kiện này thế nào là do khối óc, trí thông minh của chúng ta. Còn trong trường hợp đó là những nhà văn phản kháng thật thì họ đang đùa với lửa, họ đang giỡn với ngục tù, họ đang cận kề cái chết. Giả hay thật khoan hãy nói tới nhưng khi chúng ta in lại sách của họ cho dù với mục đích gì chăng nữa thì chúng ta cũng phải cư xử cho sòng phẳng đối với tác quyền của họ. Cho dù đó là một quyển sách dở, không thu lại được vốn bỏ ra thì vẫn cứ phải trả cho nhà văn những giá trị tài chánh cân xứng với tim, óc mà nhà văn đã vắt ra thành mực.

Sau cùng là tác quyền của những nhà văn Việt Nam và những nhà xuất bản ở hải ngoại. Trong hoàn cảnh hiện tại nền văn chương của chúng ta hình như đang ở trong tình trạng lạm phát. So với trong nước hội nhà văn có chừng năm trăm hội viên trên tổng số bẩy chục

triệu dân, thế mà con số những nhà văn tính dảng nhiều hơn tính văn hầu như đạt được đa số tuyệt đối, những nhà văn đúng nghĩa nhà văn e rằng chỉ là con số đếm trên những đốt của hai bàn tay. Ở hải ngoại với hơn hai triệu dân chúng ta có cả chục trung tâm văn bút, trung tâm nào cũng có vài chục nhà văn hội viên. Do đó chúng ta cũng có một con số tương đương nhà văn so với con số hội viên ở trong nước. Trong số những hội viên nhà văn ở hải ngoại thành thật mà nói chúng ta có không ít những nhà văn giả hình. Hàng năm chúng ta có hàng trăm cuộc ra mắt sách ở khắp nơi, trong số những quyển sách được ra mắt này có không ít những quyển sách chỉ được nhắc đến một lần duy nhất đó rồi vĩnh viễn chìm vào trong quên lãng. Phần đông những quyển sách này do các tác giả tự bỏ tiền ra in rồi nhờ những nhà phát hành tiêu thụ hộ. Đó là những quyển sách được viết vì những nhu cầu khác hơn là vì lòng yêu văn chương thực thụ. Tất nhiên chúng ta cũng có những quyển sách hay do các nhà xuất bản bỏ vốn ra thực hiện. Con số tác quyền 10% là con số hiện nay đang được các nhà xuất bản trả cho các tác giả, và con số ấn bản trung bình là 1.000 quyển cho lần in đầu tiên. Nếu quyển sách đề giá 15$US thì có nghĩa là tác giả được 1.500$. Thông thường nhà văn nhận đủ trong thời hạn một năm và thường là phải thư từ đi lại vài ba lần. Trong trường hợp đó là một quyển sách bán chạy và nếu nhà xuất bản tái bản thì hầu như các tác giả không bao giờ được trả thêm tác quyền. Đó là chưa kể tới những nhà in lậu đã in lại vài trăm ấn bản để tiêu thụ nơi hàng trăm tiệm sách ở rải rác khắp nơi trên thế giới. Chính vì lý do đó mà hải ngoại chúng ta có những người sống về nghề báo chứ chúng ta cũng ít có những người sống bằng nghề văn.

Có lẽ Márquez đã không hề biết đến những hoạt động in ấn của chúng ta. Nếu biết có lẽ ông sẽ thay đổi ý kiến khi cho rằng trận đánh giữa tác quyền nhà văn và bọn đạo tặc chữ nghĩa thật khó mà thắng. Nếu Márquez là nhà văn Việt Nam tôi nghĩ rằng cho dù có được giải Nobel ông cũng nên khiêm tốn mà nghĩ rằng trận đánh đó dù có cố gắng cách mấy những nhà văn may lắm là được thủ hòa. Bởi vì đó là trận đánh mà nhà văn không thể thắng. ‡

tháng năm 93

Hoàng Khởi Phong

NGUYỄN THANH HÙNG

sông núi - sen và trăng

Tặng Võ Dình

Xanh tím trắng đen ngang ngửa
Trôi nổi ngọn cây - con nước mới lên
Nắng đổ chiều vàng - trong từng nếp gỗ
Là những hình hài ẩn hiện
Dường dao khắc - mạch gỗ như đường gân tay anh
Da thịt nào - hơn ba mươi năm
Gắn liền sông núi

Nước trôi - ngàn xưa đến nay
Chim bay - có bao giờ cánh mỏi
Về đi thôi - bùn đen gọi
Tiếng gọi
Từ cõi đọa đày này bao năm máu lửa
Vẫn nở - em ơi - một đóa sáng ngời
Sen ngọc thắm tươi

Trăng là mẹ - Mẹ tròn như trái trên nhành
Như bàn tay
Nắm tay em dẫn đường em đi
Đi xa - anh biết quay về
Quê hương tuổi nhỏ - diều bay - gió lộng
Trên đồi Tây kia xa xăm mùa Đông đổ rộn
Tuyết trắng - cội cây sân vắng
Đã về - chút biếc nhành mai.

MAI KIM NGỌC

chị em

CHƯƠNG MƯỜI

BUỔI SÁNG HÔM SAU

20. Khi Hoàng thức giấc thì trời đã sáng. Cô không biết mình ở đâu, chỉ thấy lâng lâng sảng khoái. Từng tế bào trong cô chan hòa sức sống. Thần trí lơ mơ, cô nghĩ cần gì phải đi nước ngoài, rừng cây Hố Bò cũng thay lá, và thời tiết cũng hanh hanh như mùa thu ôn đới. Cô lại nghĩ đêm qua Lương uống rượu nhiều quá, cô đã không can lại còn uống theo anh. Lại lấy cớ để dã rượu, cô tự tay pha hai cà phê phin thật đậm để thức với anh. Cô thẹn thùng nghĩ đến những gì tiếp theo. "Lương của em quá lắm," cô mắng yêu anh trong trí tưởng tượng. Cô oằn oại vặn mình dưới tấm mền mỏng, lắng nghe một cái gì êm ả như sự sống đang thấm nhuần từng đường gân thớ thịt, từng ngóc ngách phủ tạng cô. Nhớ đến một bài thơ Lương làm đã lâu, cô lẩm nhẩm:

Chuyện đất trời mà riêng tư lắm
Em nghe nơi đáy lòng thăm thẳm
Luống cầy khép lại
Hoan lạc thở dài...

Vẫn nhắm mắt, cô thấm ý mỉm cười một mình.

*

Rồi cô chợt cảm thấy có gì không ổn.

Tiếng chuyện trò lao xao bằng Anh ngữ của mấy người làm vườn đang quét lá ngoài sân khách sạn làm cô mở bừng mắt. Ngoài cửa sổ một bức tranh núi rừng mùa Thu lộng lẫy đón chào cô. Không, cô không ở Hố Bò với Lương. Hố Bò thuộc về quá khứ xa xăm, thuộc về giấc mộng cô mới trốn vào lúc gần sáng. Còn cô bây giờ, lúc này, cô đang ở Shennadoah với Bảo...

"Em ngủ ngon quá, anh không nỡ đánh thức em."

Tiếng Bảo làm cô tỉnh hẳn.

Cái thư giãn vô cùng dễ chịu tan biến như mây khói, và cô nhìn

quanh căn phòng khách sạn. Bảo quần áo chỉnh tề đang ngồi ung dung đọc báo trên chiếc ghế bành cuối phòng, tự tại như một ông chủ. Cô tìm lời nói với anh:

"Em..."

Chữ "Em" như sượng nơi môi, cô không nói hết câu. Cô nhấc mép chăn nhìn xuống tấm thân trần của mình, và cô nhớ lại tất cả. Cô nhớ lại cảnh thu trên núi rừng Virginia, trái táo thơm ngòn ngọt the the, ánh nắng chiều trên mấy trái bí của người đàn bà nhà quê, cánh đồng lúa mì chín vàng ven rừng phong... Cô nhớ lại phòng ăn lịch sự tối qua khi người bồi khuyên cô và Bảo ngủ lại quán thay vì lái đường núi ban đêm... Cô nhớ lúc Bảo ngỏ lời cầu hôn... Và cô nhớ lúc đứng dậy theo Bảo vào phòng...

Cô nghe bực dọc như nhen nhúm trong lòng. Cái bực dọc mỗi lúc một lớn, quen thuộc như điềm báo trước của những cơn buồn thê lương đã hành hạ cô trong quá khứ.

Cô cưỡng lại cái đà suy thoái của trạng thái tâm hồn. Không, cô không có lý do gì để sầu thảm. Cô ngắm Bảo. Anh vẫn ngồi trên ghế bành, chau chuốt từ đầu đến chân, quần áo phẳng phiu như mới lấy từ thợ giặt về. Cô chau mày nhớ tối qua khi sửa soạn đi ngủ, anh đã cẩn thận mắc bộ âu phục vào mắc áo, chiếc quần tây trước, chiếc sơ mi sau, và sau cùng là chiếc veston thể thao bằng tweed nâu. Cả đôi giầy, anh cũng để ngay ngắn dưới chân tủ.

Không, anh không nói gì, làm gì buồn lòng cô, cô tự trấn tâm. Người đàn ông nào chẳng có lúc tỉ mẩn hay lẩm cẩm. Cùng lắm là anh ngộ nghĩnh.

Mà quả thật Bảo có ngộ nghĩnh. Đêm qua, cô lên giường rồi mà anh vẫn còn hý hoáy nhặt treo lên mắc bộ đồ đàn bà mà trong lúc vội vã thẹn thùng cô đã vứt bừa bãi trên ghế. Hình ảnh người đàn ông trung niên, không mảnh vải che thân trừ đôi tất đen vô lý chưa chịu cởi ra, khệ nệ ôm chiếc váy đầm và chiếc blouse thêu của cô còn lòng thòng mấy món đồ ren lót mình, bây giờ nghĩ lại còn thấy tức cười.

*

Nhưng cái tức cười chóng tan, cô lại thấy căng thẳng. Cô nhìn trộm Bảo, rồi quấn tấm ra giường lên mình, cô đứng dậy vào phòng tắm. Nước ấm và thơm trong bồn cũng không làm cô thoải mái.

Đêm qua cô đã gần gũi, đã suồng sã, đã ăn nằm với Bảo, người

dàn ông cô sắp lấy làm chồng, vậy mà lòng cô không chút xao xuyến. Cô cũng không thấy thẹn thùng nữa.

Cô chỉ khổ sở, cái khổ sở bắt đầu xuất hiện lúc gần sáng, khi Bảo buông cô ra lần cuối cùng. Cô nhớ anh nói, "Kể như đêm tân hôn của tụi mình, em nhỉ," rồi lăn ra ngủ sau khi hôn nhẹ lên má cô. Nằm trằn trọc bên Bảo, cô nghe những cảm nghĩ đen tối đang xâm chiếm cô. Cô tự thuyết phục là hôn nhân với Bảo là lối ra độc nhất cho đời cô, là Bảo thành công lại lịch lãm và chiều cô, và lấy anh làm chồng không hẳn là chuyện thê thảm... Cô không tìm lãng mạn trong hôn nhân này, và thuận lấy Bảo, cô chỉ chờ đợi một cuộc sống yên lành bên người chồng lịch lãm và ân cần. Và Bảo không thiếu ân cần hay lịch lãm... Còn chuyện đàn ông làm tình xong là lăn ngủ thì ăn nhằm gì. Là nữ y tá, không xa lạ với y lý cũng như sinh lý, cô biết đàn ông phần đông làm vậy... Nghe nói có người còn châm thuốc hút nữa... Không phải vậy mà phần đông đàn ông là xấu, là đáng ghét...

Nhưng mặc cho cô viện dẫn lý này lẽ nọ, nỗi buồn mênh mông vẫn ngột ngạt như bóng đêm bao phủ xung quanh, cho đến khi cô nghĩ đến Lương. Và như những lần đối đầu với phiền não khác, kỷ niệm của những ngày hạnh phúc ngắn ngủi với anh làm cô nguôi ngoai. Gần bốn giờ sáng, cô ngủ thiếp đi để sống với cố nhân một giấc mộng đẹp cho đến khi thức giấc...

*

Bây giờ trở về với thực tại, sầu muộn lại hồi sinh. Đầu cô nhức như búa bổ.

Tiếng Bảo nói vọng vào:

"Anh ra phòng ăn giữ bàn cho tụi mình nhé."

Gắng lấy giọng bình thường, cô trả lời:

"Anh ra uống cà phê trước đi, em xong ngay bây giờ..."

Tiếng chân anh xa dần và sau cùng là tiếng cánh cửa khép nhẹ. Cô đứng dậy mở nước bông sen giũ sạch bọt xà phòng và vội vã lau mình.

*

Bảo ngồi ở chiếc bàn gần cửa sổ. Thấy cô tới, anh đứng dậy kéo ghế cho cô. Anh nói:

"Em đẹp quá."

Anh cúi xuống hôn nhẹ lên môi cô trước khi trở lại chỗ ngồi. Cái

tình tứ của Bảo cũng làm cô khó chịu. Cô phải cố gắng để không ngả đầu sang bên tránh cái hôn ấy.

Cô nghe mùi eau-de-cologne ngòn ngọt cay cay của Bảo. Mùi thơm nước hoa rất Mỹ, nhắc đến những người đàn ông Mỹ trung niên trung lưu cô gặp trên phi cơ từ California tới đây, hay trong thương xá mỗi lần theo chị Quỳ đi sắm đồ. Đã thấy chai nước hoa của anh sáng ngày để trên mặt bàn nhà tắm, cô biết ba cô cũng dùng thứ nước hoa này.

Nhưng cũng nước hoa ấy ở Bảo lại có cái gì khác thường, cái khác thường cô chưa gọi được tên nhưng dường như liên hệ mật thiết tới niềm bất an vô cớ của cô sáng nay.

"Đêm qua em ngủ có ngon không?"

Cô chưa kịp trả lời thì anh đã nói tiếp:

"Anh cảm ơn em tất cả mọi chuyện..."

Anh tỏ tình hay xã giao đây. Cô nhớ đã xem trong phim truyện rằng đàn ông Tây phương, lần đầu chiếm đoạt được thể xác bạn gái, sáng hôm sau thường gửi hoa tới tặng, dù liên hệ ngắn một đêm hay dài một đời. Hành động dùng đi dùng lại bởi nhiều người, trở thành xã giao hơn là chân tình. Ở đây không sẵn hoa, chắc Bảo dùng lời cảm ơn thay thế, và như thế kể cũng tiện.

Rồi cô lại thấy mình vô lý và bất công.

Cô oán hận Bảo nỗi gì? Từng lời từng chữ, từ cách kéo ghế bàn ăn hay mở cửa xe cho cô, anh không làm gì đáng trách. Bảo ăn nói cư xử như một người đàn ông khá giả học thức của một nước Tây phương sung túc văn minh. Cả đến những vụng về thời sinh viên của anh cũng không còn nữa. Tất cả nơi anh đều mực thước chau chuốt. Không có gì dung tục hay thô bạo, từ lúc đón cô lên xe cho đến lúc vãn cảnh, cho cả đến lúc anh rời bàn ăn để gọi điện thoại về cho ba mẹ cô... Và ngay cả về sau nữa... Đêm hôm qua anh hăng say, đầy nam tính, nhưng dung tục thì không...

Vậy mà khẩn trương từ ruột gan như cứ dâng lên ngùn ngụt nung nấu cô. Mạch máu hai bên thái dương đập bừng bừng, cô đưa tay lên bóp trán.

Anh hỏi cô:

"Em làm sao thế? Chuyện gì làm em không vui?"

Cô nói dối:

"Không có chuyện gì cả. Em chỉ bị đau đầu một chút thôi."

"Lẽ ra anh không nên để em uống ly vang cuối cùng..."

Rồi bất thần anh hỏi:

"Em có tiếc không?"

Cô giật mình ngẩng lên nhìn anh. Không, cô không muốn đổ oan cho rượu. Cô đã chấp nhận trước sau rồi cũng lấy anh, đã hôn anh trong rừng phong, trước khi uống giọt rượu đầu tiên với anh... Rượu mà ăn nhằm gì... Cô không say khi quyết định ở lại hôm qua với anh...

Bên kia bàn ăn, anh vẫn nhìn cô, lo sợ hồi hộp trên nét mặt. Ân hận, cô tự nhủ, mình sắp lấy Bảo, mình không có quyền tiêu cực như vậy. Mình không tìm ra được lỗi gì nơi Bảo, thì nhân duyên này hỏng là tại mình. Mình phải cùng Bảo xây dựng nó... Cô tìm lời đền bù cho anh:

"Em không tiếc... Em hoàn toàn tỉnh táo... Cuộc du ngoạn hôm qua đẹp quá, ít khi em được hưởng một ngày đẹp như vậy... Cảm ơn anh..."

Anh mỉm cười sung sướng. Lòng cô như dịu đi. Cô muốn rất thật với anh, giãi bày tâm sự cô cho anh nghe, cùng anh dẹp bỏ cái dây vò này. Cô nói tiếp:

"Anh ạ, em không tiếc gì hết. Chỉ có điều thần trí em sáng nay..."

Anh ngắt lời cô:

"Anh biết... Mọi chuyện quá nhanh phải không em... Tuần trước em còn ghét anh... Nhưng mà anh nhìn diện tích cực và anh sung sướng với những tiến bộ chúng mình đã thu hoạch được. Hai mươi tư giờ trước, em với anh còn như hai người xa lạ... Vậy mà sáng hai đứa như hai quyển sách đã mở sẵn cho nhau... Và quyển sách của em mỹ miều xinh đẹp tuyệt vời..."

Cô đỏ mặt cúi xuống. Liếc quanh phòng ăn, cô yên tâm thấy thực khách mấy bàn bên toàn là người ngoại quốc và nhất định họ không nghe được câu chuyện hai người. Rồi cô sung sướng thấy cái liên hệ giữa cô và anh bắt đầu cải thiện, bắt đầu có hồn. Cô đã chẳng thẹn thùng khi anh nhắc lại những ân ái giữa hai người đó sao. Cô mắng yêu anh:

"Dừng nói bậy nào, ai nghe thấy người ta cười cho đấy..."

Anh cười sung sướng. Rồi nghiêm trang, anh nói:

"Anh cũng biết hai người sống chung với nhau, dù là tình nhân, lúc đầu bao giờ cũng có những sai biệt cần điều chỉnh..."

Anh nói đúng. Lương ngày xưa đã chẳng có lần nói với cô vậy sao. Cô thấy mình trẻ con và may mắn thay là Bảo không trẻ con như cô. Anh đã làm người lớn cho cả hai đứa.

Cô sung sướng. Có thể anh cũng đã thấy được cái điều mơ hồ đang dày vò cô. Biết đâu anh và cô chẳng sẽ thực sự hiểu nhau, để mối lương duyên này nẩy nở tốt lành như thiện ý cô đã dành cho nó.

Cô phấn khởi. Không ai thay được Lương, nhưng nhân duyên giữa cô và Bảo không bắt buộc phải khốn khổ thế này. Giờ đây Bảo đã thấy được vấn đề thì biết đâu vấn đề chẳng có giải pháp. Biết đâu hai người sẽ có một dời sống lứa đôi xứng đáng.

*

21. Anh nhân viên nhà hàng ôm bó hoa hồng đỏ tới bàn. Cô còn ngơ ngác, Bảo đã cắt nghĩa:

"Lúc em còn ngủ, anh gọi điện thoại đặt hoa tặng em..."

Cô ngạc nhiên:

"Mùa thu cũng có hồng sao?"

"Họ chở máy bay từ chỗ khác tới... Lúc nào trên thế giới chả có người trồng hoa để những người yêu tặng nhau..."

Cô lại thoáng nghĩ đến thói quen người Tây phương hay tặng hoa cho phụ nữ sau một đêm ân ái. Nhưng lần này cô không khó chịu, và thành thực thấy cái lịch lãm của Bảo dễ thương. Cô nói:

"Anh. Em cảm ơn anh."

"Anh mới là người phải cảm ơn. Em ban ơn cho anh nhiều lắm..."

Trong hăng say tỏ tình, anh ngả tới trước. Mặt anh sát tới mặt cô.

Cô lại ngửi thấy mùi nước hoa của anh.

Bất giác cô nhắm mắt. Có gì vừa đổ vỡ trong cô đe dọa cái bầu không khí thư giãn biết bao công khó cô mới gầy dựng được giữa hai người. Không bắt được sự thay đổi nơi cô, anh bàn chuyện tương lai:

"Mình sẽ kiếm cái nhà năm buồng ngủ bên vùng Mac Clean, vừa gần thành phố mà vừa rộng thoáng, nhìn ra cảnh rừng. Lại cũng gần nhà ba mẹ em. Một phòng cho vợ chồng mình, một phòng làm

việc cho anh, một phòng đọc sách cho em, một phòng cho con gái, còn một phòng trống để vợ chồng Tâm bên Ca-li thỉnh thoảng sang chơi...

Không, anh không muốn em đi làm. Lợi tức của anh dư đủ cho hai đứa mình ăn sài sung túc. Chỗ của em là bà chủ nhà xinh đẹp và bặt thiệp của anh... là bà mẹ yêu quý của con anh..."

Cô ừ à trả lời, ân hận không định tâm nổi để theo chuyện Bảo.

Vẫn cái mùi nước hoa ám ảnh... Nhất định là nó liên hệ đến nỗi khốn khổ đang hành hạ cô. Nó là cái chìa khóa của trạng thái căng thẳng này. Giá Bảo đừng nói nữa, cho cô khỏi phân tâm để phân tích nó, để tìm ra tại sao nó lại hành hạ cô... Nhưng anh vẫn say sưa tả cho cô nghe đời sống vợ chồng tương lai.

"Sang xuân thì chúng mình cưới nhau em nhé. Anh muốn tiệc cưới của mình đúng vào mùa hoa anh đào của thủ đô. Rồi tuần trăng mật, mình đi Pháp, mùa xuân ở Pháp đẹp lắm... Thảo nguyên của họ đầy hoa dại... Hoa lavander này, hoa poppies này, hoa quỳ này... "

Vẫn nhắm mắt, cô gắng quên cái mùi nước hoa ma quỷ, để nghe chuyện anh nói. Tiếng anh nhỏ nhẹ, mà sao mỗi chữ mỗi động, mỗi đau, tựa hồ như nắm sỏi ai ném vào thái dương cô. Cô biết cô không đúng tần số với Bảo.

Nhưng cô khám phá ra là chính anh cũng không đúng tần số với những điều anh nói. Nội dung tình tứ, nhưng có cái gì giết chết sự sống trong ngôn ngữ ấy, tựa hồ chỉ vì bị Bảo nhắc đến mà lavender không thơm nữa, poppies không đỏ nữa, hoa quỳ không vàng nữa... Và chuyện tương lai, lẽ ra đầy hoa mộng cho cô dâu sắp cưới, chỉ vì qua cửa miệng anh mà nghe sao lạnh tanh.

"Anh dự định đi Provence hưởng tuần trăng mật với em, tại Saint Paul de Vance. Cái làng nhỏ trên núi này đẹp lắm em ạ. Hai tuần không công việc, không điện thoại, không khách khứa... Chỉ có thuần túy hạnh phúc hai đứa với nhau như đêm qua...

Em. Anh tưởng như vẫn còn sống với đêm qua. Môi anh nhớ môi em, tay anh nhớ tay em, da anh nhớ da em. Em. Anh yêu em, anh nhớ em, mỗi tấc gang nhớ em mỗi tấc gang..."

Cô rùng mình. Mùi nước hoa lại phảng phất trước mũi. Bây giờ thì cô nghe thương tổn. Cô nhận diện ra cái thương tổn đêm qua cô

thoáng thấy khi ngửi thấy mùi nước hoa ấy trên thân thể anh. Nó dung tục trơ trẽn như chuyện nhục dục anh vừa nhắc lại.

Cô mở choàng mắt. Mặt anh sát gần mặt cô, ngay bên kia bình hoa giữa bàn, đều dặn, chải chuốt, chững chạc dễ coi, nhưng sao mà xa vắng tới chỗ vô hồn...

Cô bỗng hiểu tất cả.

Cô biết nước hoa tự nó không xúc phạm, và tự nó, nó nào có tội tình gì... Cô đã thích ngửi nó mỗi lần ba cô cạo râu xong lấy ra bôi. Nhưng ở anh, nó vô hồn, như ngửi ngay từ trong lọ tại tiệm bách hóa, và cái vô hồn đó làm cô sợ hãi. Bảo không đem lại một cá tính gì cho những đồ vật anh dùng, nước hoa nơi anh cũng như nước hoa bôi trên hình nộm bằng nhựa...

Cô khám phá ra là anh cũng không đem lại cá tính cho những lời anh nói, cho những việc anh làm. Anh mở cửa xe, đóng cửa xe, kéo ghế, mua quà tặng quà, chụp ảnh, thưởng ngoạn cảnh đẹp, săn sóc cô, nói với cô những lời ân cần khéo léo... Nhưng anh làm tất cả những chuyện ấy như một máy điện toán được kế hoạch để xử lý hợp cảnh hợp tình, vô cùng tinh vi nhưng vẫn là điện toán. Cái máy điện toán ấy có thể lừa cô một lần, nhiều lần, nhưng không thể lừa cô mãi mãi...

Đêm qua khi anh buông cô ra sau những ân ái tưởng như say đắm, cô đã ngờ ngợ. Bây giờ cô mới thấy rõ ràng là chẳng qua là anh tiêu thụ tình yêu, tiêu thụ sự sống như một cái máy tiêu thụ săng dầu. Đúng, đêm qua anh không thiếu nam tính, thân xác anh hoàn toàn thức tỉnh dưới cơn lốc của dục tình, nhưng có cái gì còn sâu xa hơn nam tính, sâu xa hơn thân xác, đã không thức tỉnh nổi nơi anh. Có cái gì lạnh lắm và chết lắm nơi người đàn ông này... Anh đã không đánh thức được tình yêu nơi cô. Anh chỉ đánh thức được nữ tính nơi thể xác cô, cái đánh thức đem lại bầm giập cho tâm hồn.

Cô ngắm anh dưới ánh sáng ban ngày, cảm thấy như chưa bao giờ biết anh. Cái khoan khoái thể xác phủ tạng ngấn ngủi sáng ngày cô cảm thấy khi vừa thức giấc, cái khoan khoái ấy chỉ tồn tại khi tâm hồn còn mê ngủ, còn lẫn mơ với thực, còn lầm Lương với anh.

Bây giờ nghĩ lại, cô thấy xấu hổ và tủi nhục. Cô muốn chối bỏ tất cả những gần gũi suồng sã với anh đêm qua như một giấc dâm mộng đầy ác tính chưa bao giờ thực sự xảy ra. Cô thấy vô cùng

thương tổn khi nghĩ trong dâm mộng nghiệt ngã ấy, cô đã bị làm tình với một thây ma biết cử động. Cô ứa nước mắt.

*

Qua ngấn lệ, cô nhìn Bảo. Cô sẽ từ chối hôn nhân này. Cô lại nghĩ giá Bảo vẫn thô bạo như hồi anh còn là sinh viên, như hồi anh vẫn hay kèn cựa với Lương trong phòng khách nhà cô, chắc cô còn muốn lấy anh hơn là bây giờ. Hồi ấy ít nhất là còn có sự sống nơi anh. Nhưng nỗi niềm khốn khổ này, làm sao làm cho anh hiểu nổi.

"Anh hiểu lắm, em yêu...," Bảo lại nói. "Anh hiểu hạnh phúc khi nhiều quá cũng làm cho người ta khóc... Nhưng anh thương em lắm... Tâm sự người đàn bà sáng ngày nhị hỷ bao giờ cũng phức tạp... Nhưng rồi mọi chuyên sẽ tốt lành. Em yêu, đêm qua là đêm hạnh phúc nhất của anh... Còn nữa, những thập niên hạnh phúc trước mặt đang chờ đợi chúng mình..."

Cô trân trân nhìn anh. Cô thoáng nghĩ đến những chuyện ma cỏ miền núi, về những xác chết đã lìa hồn từ bao giờ nhưng vẫn sinh hoạt dưới ảnh hưởng một ma lực huyền bí, vẫn ăn, vẫn nói, vẫn xử xự như bình thường... Hệt như Bảo bây giờ... Anh vẫn chụp ảnh, vẫn ngắm cảnh, vẫn mua quà tặng quà, thậm chí vẫn làm tình... tóm lại vẫn bắt chước người sống được đủ mọi chuyện, trừ chuyện sống cho có sự sống.

Rồi cô ân hận đã nghiệt ngã với anh.

Chuyện gì xảy ra cho anh mấy chục năm qua? Cô chợt nhớ đến những lời đồn đại về anh những năm xa cách. Trong những bão tố liên miên cũ của đất nước, qua những thăng trầm của một chính trị gia tham danh vọng tham quyền hành, anh đã du di, đã hy sinh, đã bán rẻ đi những gì? Vợ cũ của anh đã làm gì anh? Anh đã làm gì người đàn bà ấy? Rồi còn những năm giam cầm trong trại cải tạo... Đám cai tù đã làm gì anh, và anh đã làm gì những bạn tù đồng cảnh? Cuộc đời đã làm tổn thương những gì nơi anh?

Cô biết có những nạn nhân da dẻ bề ngoài lành lặn, mà phủ tạng bên trong đã bầm giập. Và cô cũng biết có những nạn nhân lành lặn tư da dẻ đến phủ tạng, nhưng tâm hồn đã bầm giập không phương cứu chữa...

Cô thương hại anh, cô thương hại cô. Hai tay bóp chặt thành ghế, cô vận dụng tất cả nghị lực để sửa soạn nói với anh là cô sẽ là

bạn anh, thay vì vợ anh. Cô sẽ giúp anh tìm lại sự sống đã rời bỏ anh từ bao giờ...

*

22. Nhưng cô không có dịp nói những lời ấy.

Một nhân viên nhà hàng bước tới làm gián đoạn câu chuyện hai người. Nét mặt nghiêm túc, anh ta nhỏ nhẹ hỏi Bảo:

"Ông là ông Bảo?"

"Phải, chính tôi."

"Tôi cũng đoán vậy. Ông là người Việt Nam độc nhất trong quán hôm nay..."

Ngần ngừ anh ta nói tiếp:

"Ông có điện thoại gấp."

Anh ta đưa cho Bảo chiếc điện thoại không giây, lễ phép cúi đầu chào rồi bỏ đi. Cung cách gượng nhẹ của nhân viên khách sạn làm cô linh tính có điều chẳng lành. Lau vội nước mắt, cô nhìn Bảo trả lời điện thoại:

"Dạ, chúng con về ngay bây giờ... Dạ con nghe không rõ, Bác nói lại cho con... Bác Thuần đau lúc mấy giờ? Sáu giờ sáng? Sao không gọi chúng con ngay... Dạ, con hiểu... Họ vẫn chưa mổ xong? Bác dừng lo, mổ tim thường năm sáu tiếng... Con hiểu... Dạ con hiểu... Chúng con về ngay..."

Cô nhổm qua bàn:

"Chuyện gì vậy anh? Ba đau sao?"

Bảo không trả lời, tiếp tục nói điện thoại:

"Bệnh viện Silver Spring... Dạ, khu bệnh tim... Dạ, con sẽ tìm ra được... Con về ngay..."

"Bác Lan phải không? Đưa em nói chuyện với Bác..."

Cô giằng lấy điện thoại, nhưng bên kia bác Lan đã gác máy. Anh lật đật gọi bồi trả tiền, rồi hai người thu dọn ra về.

*

Ba giờ sau họ tới bệnh viện. Ba cô đã mổ xong. Bác tham Lan và chị Quỳ đang ngồi túc trực trên dãy ghế bày dọc theo tường trước cửa phòng hồi lực.

"Mẹ em đâu," cô hỏi chị.

"Bác gái đang ở trong ấy với Ba em. Ông chưa tỉnh, họ chỉ cho bác gái vào thôi."

Chị kéo cô ngồi xuống bên cạnh chị. Cố gắng nén xúc cảm, chị cho cô hay là ông bị cơn đau tim ác tính lúc sáu giờ sáng. Xe hồng thập tự tới nơi thì ông đã mê man. Nhờ trị liệu tận tình, ông hồi tỉnh, nhưng khám nghiệm thấy bệnh tim ông quá nặng, họ phải mổ ngay. Lúc bác Lan quay điện thoại gọi Bảo thì ba cô vào phòng mổ đã được ba tiếng...

Chị lại nói bác sĩ có cho bác Lan hay là cuộc giải phẫu khó khăn đã thành công mỹ mãn, nhưng nguy hiểm vẫn còn. Chị cũng mới tới, vì lụi đụi mãi trưa nay bác Lan mới gọi cho chị.

Quay lại tìm bác Lan, cô thấy bác đã ra ngoài hàng hiên đứng và đang nhỏ to với Bảo. Rõ ràng là họ bàn chuyện mà không muốn cho cô nghe. Sực nhớ ngay cả khi gọi điện thoại báo tin, bác Lan đã nói chuyện với Bảo thay vì với cô. Chắc bệnh tình ba cô nặng lắm. Nhìn thẳng vào mắt chị Quỳ, cô hỏi:

"Liệu ba em có qua nổi không chị?"

Chị cúi đầu không trả lời, mắt chị đỏ hoe. Cô hốt hoảng đứng dậy, xăm xăm bước tới cửa phòng hồi lực. Cô phải thấy mặt ông ngay bây giờ. Cửa phòng khóa, cô nhìn quanh thấy cái nút đỏ, đưa tay bấm. Lát sau, cửa phòng hé mở và một nữ điều dưỡng thò đầu ra. Cô nói:

"Làm ơn cho tôi vào với ba tôi... Tôi là con gái ông Thuần."

"Mẹ cô đang thăm ông. Cô làm ơn đợi một lúc. Bà ra thì đến lượt cô ngay."

Cô nằn nì:

"Xin cô cho tôi vào với ba tôi, tôi hứa sẽ không làm rộn. Tôi cũng là y tá mà..."

Cô điều dưỡng ngần ngại một giây. Rồi nhoẻn miệng cười với đồng nghiệp, cô bước tránh sanh bên:

"Thôi thì cô vào đi. Nhưng năm phút thôi nhé..."

*

Không khí bệnh hoạn của phòng hồi lực làm những thói quen cũ của nghề y như sống lại trong cô. Cô bình tĩnh nhìn quanh, thấy mẹ cô đang túc trực bên giường ba cô. Cô rón rén bước tới bên giường

ba cô. Bà ngước lên nhìn cô rồi lại cúi xuống nhìn ông đang thiêm thiếp dưới ảnh hưởng của thuốc mê. Bà khẽ nói:

"Mổ tốt, con ạ. Ba sắp thức rồi, bác sĩ bảo thế..."

Cô tin lời mẹ vì thấy ống thanh quản đã tháo ra, và ông thở tự nhiên không cần máy hô hấp. Cô nắm cổ tay ông thấy mạch mạnh và đều. Cô cười với mẹ, và từ bên kia giường bà khẽ gật đầu cười lại. Cô thấy bà bà đưa tay nắm khẽ tay ông. Trong hôn mê, ông nắm lại tay bà. Cô không nghĩ đang chứng kiến yêu thương phu phụ. Cô nhớ lại những cái nắm tay phản xạ nơi trẻ sơ sinh cô đã thấy hồi thực tập tại bệnh viện. Trí óc chưa nảy nở, phản xạ của một đời sống còn rất thấp làm chúng nắm lấy tất cả những gì chạm vào lòng bàn tay. Không có tình yêu không có trí tuệ trong cái nắm tay đó. Cô thấy thương ba cô, người đàn ông trí thức đầy tư duy trăn trở với cuộc sống ấy, đã bị bệnh hoạn lẫn thuốc mê đưa về tình trạng ban sơ nguyên thủy, dù là tạm thời...

Nhưng cô định thần nhìn kỹ lại. Ông vừa thả tay bà để trở xuôi bàn tay lại vuốt ve vợ. Những ngón tay tháp bút dám nắng của ông nhè nhẹ và chậm chạp di chuyển trên cườm tay trắng muốt của bà, dọc theo đường gân xanh nhỏ. Cô như bị thôi miên bởi hai bàn tay âu yếm nhau. Cô ngắm trân trân bàn tay mẹ cô, thư giãn, đầy nữ tính, yếu mềm như một con chim nhỏ ngoan ngoãn nhận lãnh những ve vuốt của chồng... Cô không bao giờ ngờ bà có bàn tay đó...

Cô nhìn lên, thấy mẹ cô mỉm cười một mình, và chưa bao giờ có một nụ cười êm dịu như vậy trên mặt bà. Cô ân hận cô đã vào phòng hồi lực, đã phá rối giây phút thiêng liêng hiếm có giữa ba mẹ cô.

Hai bàn tay vẫn âu yếm nhau. Cô nhắm mắt nghĩ đến tình yêu vợ chồng như một thế giới hoàn toàn huyền bí xa lạ và đầy bất ngờ... Cô nghĩ đến Lương, đến bàn tay cục mịch nông dân của anh, đến những vết chai ram ráp vì những cuối tuần giúp cha mẹ anh cày cuốc ở Hố Bò, và cô rùng mình nghe đam mê sống dậy trong lòng. Cô biết Lương dù có hôn mê anh cũng nhận ra bàn tay cô, cũng mơn trớn vuốt ve như vậy...

*

Ba cô bỗng cựa mình. Ông như sắp tỉnh dậy. Môi ông mấp máy.

Hai mẹ con cô cùng nghiêng đầu cúi xuống lắng nghe. Ông quay sang phía mẹ cô, ú ớ mấy tiếng. Cô nghe không rõ, chỉ thấy

trán mẹ cô nhăn lại. Rồi ông lại thều thào. Lần này thì cô nghe rõ. Ông nói:

"Quỳ, Quỳ ơi..."

Vũ trụ như đổ vỡ dưới chân, cô choáng váng vịn vào then giường. Mẹ cô rút tay ra khỏi tay ông. Bà ôm ngực, mặt bà như già hẳn đi chục tuổi. Nhưng vẫn nhắm mắt, ông đã nói tiếp:

"Quỳ, mình về thôi cháu ạ. Đường xa... bốn giờ chiều nay phải họp với ông bộ... Ông quan tâm chuyến đi thanh tra này lắm... Đừng quên bản phúc trình của bác..."

Nói xong, ông quay đầu về phía bà, mắt vẫn nhắm nghiền. Cô hoàn hồn, thở dài nhẹ nhõm, nhưng mẹ cô vẫn đăm đăm nhìn chồng. Rồi bất ngờ, bà đưa tay nhéo mạnh cánh tay ông. Hai ngón tay bà kẹp chặt da thịt ông, bà hỏi ông bằng giọng thật dịu hiền:

"Anh, anh tỉnh chưa anh?"

Ông không trả lời.

Vẫn tiếp tục nhéo ông, bà lại nói:

"Em đây, anh nhận ra em không... Anh Thuần, em là vợ anh đây."

Thấy ông chỉ khẽ nhăn mặt, bà buông tay. Bà nói với cô:

"Ba vẫn còn mê thật..."

Có thể nào bà nghi ba cô tỉnh rồi mà vẫn giả mê để chữa câu nói lỡ lời? Cô ngửng lên nhìn bà. Tránh mắt cô, bà quay đi nơi khác.

Bà bả lả:

"Tội nghiệp ba con, lúc nào cũng nghĩ tới công việc... Phải về hưu như thế này là Ba khổ lắm..."

Giọng bà dịu dàng, trái hẳn với cái vết nhéo chưa kịp bầm, hiển hiện như một khoảng da thịt nhợt nhạt trên cánh tay ông. Một cái gì tàn bạo như tỏa ra từ bà, và cái đen tối quen thuộc mỗi khi chứng kiến những nét cứng rắn của mẹ lại xâm chiếm lấy cô.

Khi người điều dưỡng tới nhắc năm phút thăm bệnh đã qua, cô nhẹ nhõm bước ra khỏi phòng hồi lực, sung sướng như vừa thoát khỏi cái bầu không khí u ám xung quanh bà. Nhưng cô lầm, mẹ cô cũng đứng dậy. Bà gọi theo cô:

"Đợi mẹ với con, mẹ có chuyện muốn nói với chị Quỳ."

Chuyện gì nữa đây. Cô nghĩ bà không có cớ gì để kiếm chuyện với chị. Cô cũng không lo lắng cho chị. Ngay cả ngày xưa, khi chị chỉ là cô thư ký nhỏ bé, có cái gì dịu dàng trong sáng nơi chị đặt chị

lên trên những ghen tuông bóng gió của bà. Còn bây giờ, tuy luôn luôn nhã nhặn ân cần với gia đình cô, chị không bao giờ cho bà có dịp đối đãi với chị từ thế thượng phong.

Cô theo bà bước ra hành lang. Cô hồi hộp thấy bà đảo mắt điểm mặt người thân. Chị Quỳ quay mặt đi, đưa cườm tay lau trộm nước mắt. Cô ghi nhận chị đã khóc nhiều từ lúc cô rời chị để vào phòng hồi lực. Cô không ngạc nhiên thấy chị khóc, nhưng cái lúng túng vội vã của chị còn lộ liễu hơn những giọt nước mắt còn đầm đìa trên má chị. Chị lau nước mắt như tội phạm giấu giếm tang chứng. Cử chỉ thú nhận tất cả.

Cô quay lại mẹ cô. Khuôn mặt bà tái đi, đau khổ lẫn lộn với ghen tuông hờn giận. "Quỳ ơi, Quỳ..." tiếng ba cô gọi tên chị ngay sau cuộc mổ tim thập tử nhất sinh, trong lúc vẫn còn mê sảng, lại vẳng trong trí cô. Tất nhiên là một giấc mơ công vụ, có ông Bộ, có kinh lý, có phúc trình, và ba cô ngay trong mê sảng dã không làm gì tội lỗi hay trái đạo. Nhưng lẽ ra ba cô phải gọi tên bà trước tiên. Cô ghi nhận mẹ cô vẫn có quyền ghen, có quyền nghĩ mình bị tình phụ.

Bà như một quả bom sắp nổ. Cô bỗng thấy thương bà. Cô muốn ôm lấy mẹ. "Mẹ ơi, mẹ khóc đi mẹ... Mẹ đánh ghen chị Quỳ đi... Sống thật một lần cho hả, mẹ ạ... Con không trách mẹ đâu, mà chị Quỳ không buồn mẹ đâu," cô nghĩ thầm.

Nhưng bà không buông thả. Làm một cố gắng phi thường, bà mỉm cười và ôn tồn nói với mọi người:

"Bác sĩ nói mọi việc khả quan, nhưng ông không muốn đông người vào thăm bây giờ. Nhà tôi vẫn còn cần tĩnh dưỡng. Một mình tôi canh bệnh cũng đủ rồi, bác Lan và anh Bảo về nghỉ đi, mai hẵng hay..."

Bà bảo cô:

"Con cũng về nhà nghỉ đi rồi tối vào thăm ba..."

Sau cùng, bà nhẩn nha quay sang chị Quỳ. Chậm rãi như đánh vần từng chữ, bà nói:

"Chồng tôi vừa nói mê..."

Chị Quỳ cúi mặt, chờ đợi... Bà lại nói tiếp:

"Như vậy là sắp tỉnh rồi... Chị về nhà nghỉ đi... Chị thật ưu ái với gia đình này, quả là hiếm có... Nhưng chị đừng nên lo lắng thái quá mà hại đến thân thể. Tôi nói thật đấy, chị cần gìn giữ sức khỏe để lo việc cho cộng đồng..."

Giọng mẹ cô phẳng lì, không biểu lộ mỉa mai hay thân ái. Bà đứng thẳng, trân trân nhìn chị. Lúng túng thu mình lại sau Bảo, chị như muốn nói gì cho phải phép, nhưng rõ ràng là chị không tìm ra lời.

Bác tham Lan cắt ngang câu chuyện:

"Chị Thuần, người cần nghỉ nhất là chị. Chị đã vất vả với anh từ sáu giờ sáng đến giờ..."

Bảo cũng xen vào khuyên giải bà. Trong lúc mọi người lao xao xung quanh bà Thuần, chị Quỳ lặng lẽ rút lui. Bà nhìn theo, và ruột cô thắt lại khi thấy trong một giây nét hả hê không chút từ bi trên mặt người đàn bà chỉ một chút nữa đã thành góa phụ.

Cô xót xa nhìn theo chị Quỳ. Một con người thông minh giỏi dang, mà bình thường mẹ cô dù trăm phương ngàn kế cũng không bao giờ lấn áp nổi... Hơn nữa, một con người tử tế với đời với người như vậy, sao lại phải lén lút như kẻ trộm chỉ vì đã nhỏ những giọt nước mắt chân thành cho mối tình sâu đậm của mình.

"Chị Quỳ, đợi em..." cô gọi với. Và không cần biết đến phản ứng của mẹ cô và Bảo, Hoàng rảo bước theo chị.

(Còn tiếp)

Bác Sĩ

VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE AND PULMONARY DISEASES

CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI

● bệnh nội khoa: tiểu đường - mấu cao...

● bệnh phổi: ho - suyễn - đau ngực - lao - khó thở

NHẬN MEDICAL và BẢO HIỂM

giờ làm việc: (gọi lấy hẹn)

ngày thường: 9 - 12 AM & 1 - 6 PM

thứ bảy: 9 AM - 1 PM

Tel: **(714) 641-0263**

Địa chỉ: 2740 S. Bristol # 118 Santa Ana, CA 92704

tòa soạn và bạn đọc

Thư từ liên quan tới việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:

Phan Minh Nga, Anaheim; Hoàng Đỗ, Spokane; Nguyễn văn Mẫn, Australia; Hien Bui San Jose; Thêm Hồng, La Habra; Lê thị Mỹ, Deutschland; Cao Thị Nga, Virginia; Võ Đình Xa Norway; EBSCO Industries, Inc. Birmingham; Lưu Hy Lạc, San Francisco; Phan Văn Quang Fairfax VA; Đoàn Nhật Springfield VA; Lê Văn Xe Japan; Hien Kim Chicago; Nam Bach Seattle; Bibliothèque de l'école de langues orientales, Paris; Vũ Quốc Sơn Paris; Nguyễn Như Huệ, Troyes France.

Bài vở nhận được trong tháng 7-1993:

Thơ: Tiếng kêu, Quê xưa, Sống tức là..., Tháng Tư đen gửi từ Lawndale CA; Tưởng tượng, Tuổi tôi gửi từ San Francisco; Tìm về, Thơ như... gửi từ Lawndale CA; Vì sao lạ đời, Đôi mắt của nụ hoa; Cội bá tùng bên dòng suối bích, Hoa đàm bát ngát ngàn năm, Bơ vơ, Thanh trúc và lão tùng, Nửa bãi sân sau gửi từ Westminster CA; Vĩnh cửu, Bão gửi từ Paris France; Tưởng như gửi từ Springfield VA;

Văn xuôi: Điểm sách "Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm và Mặt trận Giải phóng Miền Nam" gửi từ Seattle; Tranh khắc gỗ dân gian và các tác phẩm văn học cổ, gửi từ Garden Grove CA; Tin Miền Nam Agency số 65; Tên trộm, Vùng ký ức đớn đau, Tình ở Đài Bắc, truyện ngắn gửi từ Kitchener Canada.

Xin cảm tạ sự cộng tác quí giá của các bạn. Ngoài thơ Văn Học sẽ lựa đăng dần, các bài khác nếu đăng được Tòa soạn sẽ liên lạc bằng thư hoặc điện thoại để quí bạn khỏi gửi đăng trùng ở các tạp chí khác. Mong nhận đều bài vở đóng góp của các bạn.

Sách mới nhận được trong tháng:

Văn Học đã nhận được các tác phẩm sau đây do tác giả, nhà xuất bản hoặc thân hữu tác giả gửi tặng:

* *Tiểu thuyết I*, của Võ Phiến, tập cuối cùng trong bộ Võ Phiến

toàn tập do nhà Văn Nghệ xuất bản, gồm hai truyện dài Giã Từ (viết năm 1960) và Một Mình (viết năm 1963). Sách in trang nhã như tất cả những tập khác của Võ Phiến toàn tập, dày 316 trang, phụ bản của Phạm Tăng. Giá tại Hoa Kỳ 15 MK. Ngoài Hoa kỳ thêm 2 MK. Sách hiện có bán tại các hiệu sách. Bạn đọc ở xa liên lạc với nhà xuất bản Văn Nghệ P.O. Box 2301 Westminster CA 92683 USA. Phone: (714) 527-5761.

* *Một khoảnh Việt Nam Cộng Hòa nối dài*, hồi ký cải tạo của Tạ Chí Đại Trường, Thanh Văn xuất bản. Sách dày 434 trang, bìa của Đinh Cường, giá 16 MK. Theo ý kiến một số bạn đọc vừa đọc tập hồi ký sau hai tuần phát hành, thì tác phẩm này là một trong số hiếm hoi hồi ký cải tạo có giá trị từ trước tới nay. Tác giả là một người chứng trung thực và sâu sắc về kinh nghiệm lao tù dưới chế độ cộng sản. Tổng phát hành: Nhà xuất bản Văn Nghệ.

* *Tiếng hát trên đồng xanh*, tập truyện ngắn của Phạm Thanh Quang, Thế Giới xuất bản. Tác phẩm đầu tay của Phạm Thanh Quang, gồm 13 truyện ngắn. Sách in đẹp, dày 200 trang, giá 12 MK. Địa chỉ liên lạc: Nhà xuất bản Thế Giới 3023 Centerwood Way, San Jose CA 95148. Phone: (408) 274-5171 hay (714) 265-2665.

* *Phương tiện thiện xảo*, của Tarthang Tulku, Phạm Công Thiện dịch, Thanh Văn xuất bản. Tarthang Tulku là một thiền sư Tây Tạng, tác giả của vài chục cuốn sách về đạo lý thực tiễn thể hiện trong đời sống thường nhật, nhiều cuốn được chọn là sách cần đọc cho sinh viên hơn 50 đại học danh tiếng của Hoa Kỳ. Nhan đề nguyên bản tiếng Anh là Skillful Means và bản dịch của Phạm Công Thiện làm nổi bật thêm giá trị nhẹ nhàng, uyển chuyển, tinh diệu mà thực tiễn của nguyên tác. Sách dày 226 trang. Giá 12 MK. Nhà Văn Nghệ tổng phát hành.

* *Vầng trăng trong mưa*, tuyển tập truyện ngắn mới nhất của nhà văn Đỗ Tiến Đức, Thời Luận xuất bản. Tác giả "Má hồng" (truyện dài của Đỗ Tiến Đức từng đoạt giải Văn học Nghệ thuật VNCH trước 1975) giới thiệu với bạn đọc những truyện ngắn đăng rải rác lâu nay trên Thời Luận, đề cập tới nhiều vấn đề xã hội, thời sự chính trị nóng hổi của cộng đồng người Việt hải ngoại. Một buổi ra mắt sách đã được tổ chức trang trọng tại Trung tâm Lạc Hồng thành phố Garden Grove Nam California chiều Chủ nhật 18-7-

1993 vừa qua. Sách hiện có bán tại các hiệu sách. Bạn đọc ở xa xin liên lạc Thời Luận P.O. Box 65705 Los Angeles CA 90065. Phone: (213) 225-4561.

* *Ông H.O.*, tuyển tập truyện ngắn của nhà văn Hà Thúc Sinh, Thế Giới xuất bản. Sách dày 206 trang. giá 12 MK. Tác giả Đại học máu giới thiệu 16 truyện ngắn mới viết của ông, và như nội dung các sáng tác khác của Hà Thúc Sinh xuất bản tại hải ngoại, 16 truyện ngắn đều có tính thời sự và khuynh hướng văn chương tích cực. Nhan đề tập truyện dễ khiến người đọc lầm tưởng tuyển tập chỉ gồm những truyện viết về đời sống của những sĩ quan H.O. vừa đến Hoa Kỳ, nhưng không phải như vậy. H.O. chỉ là đề tài một trong 16 truyện ngắn trong tuyển tập. Địa chỉ liên lạc: Nhà xuất bản Thế Giới, 3023 Center Wood Way, San JOse CA 95148. Phone: (408) 274-5171 hoặc (714) 638-7177.

Thanh minh của nhà phê bình Đặng Tiến

Lời tòa soạn: *Tôn trọng quyền trả lời của anh Đặng Tiến, người anh Thế Uyên đề cập tới trong bài viết, Văn Học xin đăng tải lời thanh minh này để bạn đọc nghe thêm tiếng nói thứ hai và tự rút ra nhận định của mình.*

Văn Học tiện đây thành thật xin lỗi độc giả về chuyện không hay này, và xin hứa sẽ cố gắng không để cho những chuyện "chẳng ra làm sao cả" xảy ra một lần nữa trên tờ tạp chí này.

Trên báo Văn Học số 87, tháng 7-1993, trong bài *Những vui buồn trong điểm bài điểm sách*, ông Thế Uyên có nhắc đến tôi: "*Ông Dặng, một bạn cố tri của tôi...*". Ông không nêu đích danh, nhưng ai cũng hiểu là ám chỉ tôi; và ông kể chuyện không đúng sự thật về tôi: "*...tuyên bố tuyệt giao với tôi nếu tôi không chịu công khai tuyên bố ông Bùi là một kẻ xấu xa, nêu tên ông Bùi ra là một sỉ nhục không những cho...*". Sự thật là: tôi không thích chơi với Thế Uyên nữa - quyền của tôi - thì tôi nghỉ chơi, chứ tôi không hề "*tuyên bố*" gì cả, dĩ nhiên là không thể có chuyện nêu điều kiện "*bắt phải tuyên bố*". Một thái độ như thế sẽ trái với nguyên tắc tự do dân chủ mà tôi suốt đời đeo đuổi, mà lại... lẩm cẩm. Ai đi làm chuyện lẩn thẩn ấy để mua trò cười cho thiên hạ.

Bạn muốn hiểu rõ về TÌNH YÊU

Bạn muốn thưởng thức hương vị ngọt ngào cùng bao nỗi đắng cay của TÌNH YÊU

Bạn muốn tận hưởng cái thú vị trong các câu danh ngôn kim cổ cùng các áng văn hay về TÌNH YÊU của các nhà thơ danh tiếng. Bạn nên tìm đọc một trong ba quyển sách do:

NGUYỄN HOÀI THƯƠNG sưu tầm và tuyển chọn

TÌNH YÊU

TRONG DANH NGÔN VÀ THI CA

Có thể nói đây là bộ KINH TÌNH YÊU hay nói đúng hơn một TÚI KHÔN về TÌNH YÊU, dùng làm món quà thanh nhã tặng người thân yêu thì không còn gì quý hơn.

Sách dày gần 600 trang giá 25 MK

DANH NGÔN TÌNH YÊU

Gồm trên 2000 câu danh ngôn từ xưa đến nay nói về tình yêu, đàn ông, đàn bà, hôn nhân và hạnh phúc

Sách dày 300 trang giá 15 MK

THƠ TÌNH CHỌN LỌC

Gồm gần 300 bài thơ tình hay của trên 150 nhà thơ nổi tiếng Việt Nam và ngoại quốc

Sách dày gần 300 trang giá 15 MK

Ở xa gởi mua sách không phải trả thêm cước phí.

Chi phiếu xin đề cho: NGUYỄN HÙNG TÂM

NHÀ XUẤT BẢN KHAI TRÍ

P.O. Box 2301

WESTMINSTER, CA 92683

Đ.T.# (714) 897-3356

THANH G. PHUNG, M.D.

Diplomate American Board of Radiology

X-RAY . CAT SCAN . ULTRASOUND

MAMOGRAPHY . NUCLEAR MEDICINE

Magnolia Imaging Medical Group, Inc.

Magnolia Medical Imaging Center, Inc.

14571 Magnolia Ave., Ste. 101

Westminster, Ca 92683

Tel: **(714) 893-1915**

Fax: **(714) 898-8142**

Trung tâm chuyên về BỆNH TIM và CAO MÁU

Bác sĩ NGUYỄN QUANG THÁI, M.D.

Chuyên trị: BỆNH TIM & HUYẾT QUẢN . BỆNH NỘI THƯƠNG . CAO MÁU

Bệnh cao mỡ (cholesterol), ngăn ngừa nghẹt mạch máu tim.

Tức ngực, nghẹt thở, đứng tim, tim to, đau tim.

Tim đập thất nhịp, hồi hộp, xây xẩm, ngất xỉu.

Các bệnh tim bẩm sinh, bệnh van tim.

Bệnh cao áp huyết (cao máu).

Bệnh phong thấp, phổi, bao tử, gan.

Bệnh tiểu đường, bướu cổ, tuyến nội tiết, thiếu máu.

Xin lấy hẹn trước: **(714) 531-5056**

14558 Brookhurst St.

Westminster, Ca 92683

Đã phát hành khắp nơi:

CÂY TRÁI QUÊ MÌNH

của HUỲNH HỮU CỬU và NGUYỄN VĂN BA

Với các đoản văn nhan đề: *Mù U Năm Ngoái, Xoài Tượng Nước Mắm Đường, Cây Trôm và Mủ Trôm Ngâm Đường Phèn, So Đũa và Nấm Mèo, Bông Giấy, Thịt Tam Tạng, Bông Jamaica, Dưa Hấu Cầu Đúc, Hoa Ưu Đàm, Lúa Thần Nông, Ở Quận Cam Nói Chuyện Bưởi, Hoa Mai Ngày Tết, Dưa Bồn Sông Hậu.*

Tựa của Phạm Hoàng Hộ
Bạt của Lê Văn Lân
Bìa bốn màu tuyệt mỹ của Lê Quang Xuân
Phụ bản Nguyên Khai, Lê Quang Xuân, Nguyễn Hợi, Lê Kim Sơn . . .

Giá bán 10 Mỹ kim
Hỏi mua tại các hiệu sách

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI:
Đĩa nhạc CD Dương cầm

MUSIC OF THE NIGHT

trình tấu bởi:

TIEN NGUYEN

Gồm những nhạc khúc nổi tiếng từ Broadway như *The Phantom of the Opera, Cats, Miss Saigon, Les Miserables* . . . và đặc biệt bài *Half Moon Bay* do Yen Nguyen soạn dựa trên bài thơ *Trăng ở Half Moon Bay* của Vũ Quỳnh Hương.

Liên lạc:
TIEN NGUYEN P.O. Box 7717 Fremont, CA 94537

Bác Sĩ BÙI THẾ HOÀNH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF FAMILY PRACTICE

801 W. Valley Blvd #203 lầu 2, Alhambra, CA 91803
Tel: (818) 570-1127

CHUYÊN TRỊ:

Bệnh toàn khoa người lớn, trẻ em
Bệnh ngoài da * Tiểu giải phẩu
Bệnh phụ nữ
Chích ngừa, khám bệnh nhập học, bông sữa WIC
NHẬN TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM HMO

Ngày Giờ Làm Việc:
Thứ hai - Thứ sáu: 9AM - 6PM
Thứ bảy: 9AM - 12 AM

Asian American Dental Center

PHẠM ĐÌNH TUÂN, D.D.S.

FAMILY DENTISTRY for CHILDREN & ADULTS

9306 Bolsa Avenue, Westminster, CA 92683
Tel: (714) 895 -5002 / 5003

Office Hours
Mon - Sat: 10AM - 7PM
Sunday by Appointment

BÁC SĨ

TRẦN TRÚC QUANG

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG
7309 Arlington Blvd, Suite 314
Falls Church, Va 22042
(703) 560-0388 / 560-0389

CHUYÊN TRỊ CÁC BỆNH NỘI THƯƠNG
TAI NẠN XE CỘ

NHẬN MEDICAID, MEDICARE, VÀ BẢO HIỂM
LÀM VIỆC THEO HẸN:
Thứ 2-6: 9 giờ sáng đến 7 giờ tối
Thứ 7: 9 giờ sáng đến 2 giờ chiều

MINH VĂN
P.O. BOX 647, Oakton, VA 99214 - USA
Điện thoại: (703) 204- 9239
Chi phiếu, thư từ xin đề Minh Văn

Nhà Xuất Bản Minh Văn trân trọng giới thiệu những tác phẩm đã ấn hành của **Trần Long Hồ**:

Tập truyện ngắn	**NGÀY QUANH QUẨN**	$10.00
Truyện dài	**CỐI SA MÙ**	$18.00
(Quyển một trong bộ trường thiên **Dung Thân**)		
Tập truyện ngắn	**NIỀM VUI UNG THƯ**	$10.00

Và các tác phẩm sẽ xuất bản:
CHÂN TRỜI LAM NGỌC ký sự của **Hồ Trường An**
KẺ ĐÀO MỒ tập truyện ngắn của **Trần Long Hồ**
CỬA ĐỊA NGỤC truyện dài, quyển thứ hai trong bộ trường thiên **Dung Thân** của **Trần Long Hồ**

HALFTONE • PMT • CÁC VIỆC VĂN PHÒNG • SÁCH VỞ BÁO CHÍ • THIỆP CƯỚI • THIỆP MỜI •

HALFTONE • PMT • CÁC VIỆC VĂN PHÒNG • SÁCH VỞ BÁO CHÍ • CATALOGS • TYPESETTING • LAY OUT • DESIGN

THIỆP CƯỚI • THIỆP MỜI • DANH THIẾP • CÁC LOẠI NHÃN HIỆU • THỰC ĐƠN • FLYERS • LETTERHEADS • ENVELOPES •

• DANH THIẾP • CÁC LOẠI NHÃN HIỆU • THỰC ĐƠN • FLYERS • LETTERHEADS • ENVELOPES •

Kim ấn quán

1528 S. La Cienega
Los Angeles, CA 90035
Phone: (310) 559-0413

- NƠI TIN CẬY NHỨT
- TRONG MỌI DỊCH VỤ ẤN LOÁT
- ĐEN TRẮNG, HAY NHIỀU MÀU

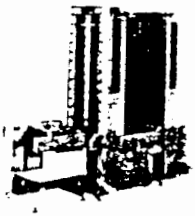

ĐẶC BIỆT VỀ SÁCH

In Sách • Đóng Sách Bằng Keo •
Đóng Sách Khâu Chỉ • Đóng Sách Bìa Cứng Mạ Vàng

Với 10 năm kinh nghiệm sẽ làm hài lòng quý vị về:

– Kỹ thuật ấn loát tân tiến
– Bảo đảm phẩm chất
– Tiêu chuẩn quốc tế
– Đúng hẹn, nhanh chóng

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Đặt mua dài hạn Văn Học từ số . . . . . đến số . . . . . .

Mua một năm báo tại Hoa kỳ

Gửi hạng tư $36.00

Gửi hạng nhất $42.00

Mua một năm báo tại Canada

Gửi hạng tư $40.00

Gửi hạng nhất $46.00

Mua một năm báo tại Âu, Á và Úc châu

Gửi hạng tư $48.00

Gửi hạng nhất $84.00

Trả bằng Mỹ kim. Ngoài Hoa kỳ xin trả bằng International Money Order. Ngân chi phiếu đề Văn Học

PHIẾU TẶNG BÁO

Muốn mua một năm báo để tặng cho:

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

VĂN LANG

TẬP SAN NGHIÊN CỨU VIỆT HỌC

• **Nguyễn Xuân Nghĩa** — Việt Nam trong một thế giới đang đổi thay • **Tạ Chí Đại Trường** — Tiền kẽm và cuộc khủng hoảng tiền tệ ở đàng Trong vào hậu bán thế kỷ XVIII • **Nguyễn Thị Chân Quỳnh** — Công chúa đời Trần • **Huỳnh Hữu Ủy** — Các dòng tranh dân gian Việt Nam • **Tạ Quốc Tuấn** — Các biện khảo pháp lý về Truyện Kiều • **Yên Đằng Đàm Quang Hậu** — Vấn đề một số chữ Nôm kỳ lạ, bí ẩn, trong Quốc Âm Thi Tập (Q.Â.T.T) của thi sĩ Nguyễn Trãi, bách kỷ thứ 15 • **Nguyễn Khắc Xuyên** — Về "Hoa lang, Pha lang, Phất lang." • **Lawrence C. Thompson** — Tình nội tâm trong cú pháp Việt ngữ • **Nguyễn Đình Hoà** — Hai công trình nghiên cứu ngữ học quan trọng của LM. Lê Văn Lý • **SỬ LIỆU** • **Nhật Nham Trịnh Như Tấu** — Từ công việc mở mang bờ cõi của nhà Nguyễn đến cuộc tổ chức nước Việt Nam của Vua Gia Long • **Ưng Hòe Nguyễn Văn Tố** — Vua Gia Long đối với dân Bắc thành • **GS Hoàng Tuệ** — Ai làm ra chữ quốc ngữ? • **Nguyễn Khắc Xuyên** — Kỉ niệm 400 năm sinh nhật Đắc Lộ (1593-1993) •

SỐ 5 THÁNG 6 • 1993

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

TỪ CHỐN LƯU ĐÀY
Hoàng Nguyên Nhuận - $13.00
ĐƯỜNG TU KHÔNG HAI
Minh Tâm - $8.00
BA TRỤ THIỀN
Philip Kapleau - Đỗ Đình Đồng dịch - $20.00
TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI
Đỗ Quý Toàn - $14.00
NGHỀ LÀM VUA
Lệ Hằng - $12.00
BỤI VÀ RÁC
Nguyễn Xuân Hoàng - $13.00
PHẬT HỌC KHÁI LUẬN
Thích Chơn Thiện - $20.00
NỬA KHUYA GIẤY TRẮNG
Trần Hồng Châu - $10.00
CÁT BỤI CHÂN AI
Tô Hoài - $12.00
QUYỂN TRUYỆN KHÔNG TÊN
Hồ Dzếnh - $7.00
QUÊ NGOẠI II-TIẾNG HÁT THIÊN NGA
Hồ Dzếnh - $7.00
HOA TẠNG TRẦM TƯ
Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng - $6.00
PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO
Tarthang Tulku - Phạm Công Thiện dịch - $12.00
MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HÒA NỐI DÀI
Tạ Chí Đại Trường - $16.00

Sách có bán tại các tiệm sách
hoặc liên lạc:
VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714)527-5761

NHÀ XUẤT BẢN THANH VĂN

MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HOÀ NỐI DÀI

Hồi ký cải tạo của

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG

Ngành xuất bản ở hải ngoại đã từng xuất bản nhiều tập hồi ký cải tạo của Trần Huỳnh Châu, Hà Thúc Sinh, Phạm Quốc Bảo, Tạ Tỵ, Duyên Anh, Hoàng Liên, Đào văn Bình, Nguyễn Chí Thiệp... Mỗi cuốn hồi ký mỗi vẻ, vì từng tác giả cố gắng ghi nhận kinh nghiệm lao tù của mình, và hình như ở mỗi trại cải tạo, mỗi lao tù có những hình thái sinh hoạt riêng nên có thể nói không có kinh nghiệm nào giống kinh nghiệm nào.

"Một khoảnh Việt nam Cộng hoà nối dài" của Tạ Chí Đại Trường cũng là một tập hồi ký cải tạo. Tuy nhiên, bạn đọc sẽ tìm thấy trong tác phẩm này nhiều đặc điểm không có ở các tập khác.

Tạ Chí Đại Trường viết hồi ký theo cung cách một người chép sử. Ông không xem kinh nghiệm lao tù của mình là một bất hạnh phải kêu than, hay một vinh dự phải cao rao. Ông xem kinh nghiệm cá nhân như một tài liệu sử. Cho nên đọc hồi ký cải tạo của Tạ Chí Đại Trường có cái thú là được nghe kể tỉ mỉ những chuyện đời chuyện người bình thường, sau đó được nghe tác giả phân tích dẫn giải vì sao những chuyện như vậy lại xảy ra. Tạ Chí Đại Trường khách quan tối đa khi ghi nhận về thân phận người tù cải tạo lẫn các trái chứng bất trắc của người canh tù. Nhiều đoạn tập hồi ký có những phân tích tâm lý sâu sắc về phản ứng và thái độ của người tù cải tạo, giống như tác phẩm của Arthur Koestler hay Alexander Solzhenitsyn.

Tác giả tập hồi ký này hiện ở Việt nam, và vì là một sử gia, Tạ Chí Đại Trường không muốn ẩn danh để phòng ngừa những tai họa có thể đến. Ông muốn minh danh chịu trách nhiệm những lời mình viết ra trong tập hồi ký này, như một cách biểu lộ tư cách tối thiểu cần có của một người chép sử.

Sách có bày bán tại các nhà sách hoặc liên lạc về:

VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 527-5761

VĂN NGHỆ

P.O.BOX 2301, Westminster, CA 92683. USA
Phone: **(714) 527-5761**
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

SÁCH MỚI

- **Quê** - *Tác phẩm mới của* Võ Phiến 6MK
- **Minh Triết Trong Đời Sống**
  Darshami Deane, Nguyên Phong *dịch* 12MK
  (Sắp tái bản sau 6 tháng của ấn bản đầu)
- **Hồ Chí Minh Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam**
  Hồ Sĩ Khuê *(Sắp tái bản sau 6 tháng của ấn bản đầu)* *16MK*
- **Tự Do Trong Lưu Đày** - *Tự truyện* Đức Đạt Lai Lạt Ma
  Chân Huyền & Chân Văn *dịch (Tái bản sau 3 tháng của ấn bản đầu)* 14MK
- **Chuyện Của Một Người Di Cư Nhức Đầu Vừa Phải**
  Nguyễn Bá Trạc 10MK
- **Lịch Sử Văn Minh Trung Quốc**
  Will Durant, Nguyễn Hiến Lê *dịch* 14MK
- **Tiểu thuyết I** *(Tập chót của* Võ Phiến *trong toàn tập)* *15MK*

SÁCH PHÁT HÀNH

- **Cát Bụi Chân Ai** - *Hồi ký* Tô Hoài 12MK
- **Quyển Truyện Không Tên** - *Hồi ký* Hồ Dzếnh 7MK
- **Quê Ngoại 2, Tiếng Hát Thiên Nga** - *Thơ* Hồ Dzếnh 7MK
- **Cuối Đêm Dài** - *Truyện* Nguyễn Thị Thanh Bình 10MK
- **Hoa Tạng Trần Tư** - *Thơ* Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng 6MK
- **Một Khoảng VNCH Nối Dài** - *Hồi ký* Tạ Chí Đại Trường 16MK

SÁCH ĐANG IN

- **Mây Bão** - *Tiểu thuyết* Ngô Thế Vinh
- **Hành Trình Về Phương Đông II**
- **Nước Tôi Và Dân Tộc Tôi** - *Hồi ký* đức Đạt Lai Lạt Ma
- **Tuân Tử** - Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê *dịch, giới thiệu*
- **Ký - Bút - Kịch I** *(Trong bộ Văn Học Miền Nam)* Võ Phiến
- **Tùy Bút I** - Võ Phiến *(tái bản)*
- **Ký Thác** - *Truyện* Bình Nguyên Lộc *(tái bản)*
- **Cuống Rún Chưa Lìa** - *Truyện* Bình Nguyên Lộc *(tái bản)*
- **Phương Tiện Thiện Xảo** - Tarthang Tulku, Phạm Công Thiện *dịch*

Ngoài Hoa Kỳ thêm 1MK bưu phí cho sách dưới 10MK và thêm 2MK cho sách trên 11MK. Liên lạc lấy thư mục hơn 200 tên sách khác.

Nhà xuất bản Văn Nghệ
P.O.Box 2301 Westminster, CA 92683, USA.
Tel: **(714) 527-5761**

Giá $3.50 MK